

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ THIÊM

TẬP QUÁN, NGHI LỄ TRONG SINH ĐẼ VÀ
NUÔI DẠY TRẺ NHỎ CỦA NGƯỜI HMÔNG HOA
Ở XÃ LÙNG PHÌNH, HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI

LUẬN VĂN THẠC SĨ DÂN TỘC HỌC

HÀ NỘI, 2016

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ THIÊM

**TẬP QUÁN, NGHI LỄ TRONG SINH ĐẼ VÀ
NUÔI DẠY TRẺ NHỎ CỦA NGƯỜI HMÔNG HOA
Ở XÃ LÙNG PHÌNH, HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

Chuyên ngành: Dân tộc học

Mã số: 60.31.03.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ DÂN TỘC HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. NGUYỄN THỊ SONG HÀ

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi.

Kết quả nghiên cứu của luận văn là trung thực, hoàn toàn chưa được công bố.

Tác giả

Lê Thị Thiêm

LỜI CẢM ƠN

Hoàn thành được bản luận văn thạc sỹ với đề tài: *“Tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai”*, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến người hướng dẫn khoa học là TS. Nguyễn Thị Song Hà – Trưởng khoa Dân tộc học và Nhân học, Học viện Khoa học xã hội - đã nhận lời hướng dẫn và tận tình đào tạo, bồi dưỡng tôi trong quá trình thực hiện luận văn; chỉ dạy cho tôi về phương pháp nghiên cứu, cách thức thu thập số liệu, tư liệu theo phương pháp điền dã dân tộc học về đề tài tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; viết bản thảo, sửa chữa, bổ sung, nâng cao chất lượng khoa học luận văn và cuối cùng là hoàn chỉnh bản thảo và bảo vệ luận văn.

Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn đến các thầy, cô giáo Khoa Dân tộc học và Nhân học - Học viện Khoa học xã hội đã trang bị cho tôi nhiều kiến thức cơ bản về dân tộc học nói chung, về các dân tộc thiểu số nước ta trong đó có dân tộc Hmông nói riêng, về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành, cũng như phương pháp viết công trình khoa học về các dân tộc thiểu số.

Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn đến chính quyền và bà con nhân dân các dân tộc xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu, tư liệu cho tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các đồng chí Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, Lãnh đạo và chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ, Ủy ban Dân tộc - là nơi tôi đang công tác - đã tạo điều kiện cho tôi được đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn về dân tộc học, giúp đỡ mọi mặt cho tôi an tâm học tập, nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn.

Học viên

Lê Thị Thiêm

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	UBND	Ủy ban Dân tộc
2	NXB	Nhà xuất bản
3	DS	Dân số
4	KHHGD	Kế hoạch hóa gia đình
5	GS, PGS.	Giáo sư, Phó giáo sư
6	HS	Học sinh
7	GV	Giáo viên
8	CBQL	Cán bộ quản lý
9	THCS	Trung học cơ sở
10	THPT	Trung học phổ thông
11	MN	Mầm non
12	GDMN	Giáo dục mầm non
13	PCGD	Phổ cập giáo dục
14	MG	Mẫu giáo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐIỂM NGHIÊN CỨU....	11
1.1. Cơ sở lý luận	11
1.2. Khái quát về huyện Bắc Hà	16
1.3. Vài nét về xã Lùng Phình	23
Tiểu kết chương 1.....	26
Chương 2. TẬP QUÁN, NGHI LỄ THỜI KỲ MANG THAI VÀ SINH ĐẺ	27
2.1. Quan niệm của người Hmông về mang thai và sinh đẻ.....	27
2.2. Tập quán, nghi lễ trong chăm sóc bà mẹ mang thai và bảo vệ thai nhi.....	32
2.3. Tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ	36
2.4. Tập quán, nghi lễ khi thai nhi mới sinh ra bị chết	39
2.5. Một số nghi lễ trong các trường hợp hiếm muộn.	40
Tiểu kết chương 2.....	45
Chương 3. TẬP QUÁN, NGHI LỄ THỜI KỲ NUÔI DẠY TRẺ NHỎ CỦA NGƯỜI HMÔNG HOA.....	46
3.1. Tập quán, nghi lễ nuôi con nhỏ	46
3.2. Tập quán nuôi dạy trẻ nhỏ	53
3.3. Tập quán nhận con nuôi.....	59
Tiểu kết chương 3.....	61
Chương 4. BIẾN ĐỔI TRONG TẬP QUÁN, NGHI LỄ SINH ĐẺ VÀ NUÔI DẠY TRẺ NHỎ CỦA NGƯỜI HMÔNG HOA	62
4.1. Một số biến đổi trong tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ.....	62
4.2. Xu hướng biến đổi	71
4.3. Một số yếu tố tác động đến biến đổi về tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa	72
4.4. Một số vấn đề đặt ra hiện nay trong tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa và một số đề xuất kiến nghị	76
Tiểu kết chương 4.....	78
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ là một trong những thành tố thuộc chu kỳ đời người, được coi là một trong các chức năng cơ bản của gia đình. Trong quan niệm của các tộc người thiểu số, sinh đẻ nhằm thực hiện chức năng duy trì nòi giống và tái sản xuất con người, còn nuôi dạy con cái để duy trì các giá trị văn hóa của tộc người thông qua quá trình trao truyền kiến thức hàng ngày. Đối với mỗi cộng đồng tộc người sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ được các thành viên trong gia đình, cộng đồng và xã hội quan tâm không chỉ bởi nó đã và đang thực hiện chức năng cơ bản của gia đình mà còn bởi nghiên cứu tập quán, nghi lễ sinh đẻ là nuôi dạy trẻ nhỏ sẽ giúp chúng ta hiểu hơn một cách đầy đủ vũ trụ quan, nhân sinh quan và văn hóa của cộng đồng tộc người. Tập quán và nghi lễ sinh đẻ của mỗi tộc người còn phản ánh ước mơ, niềm tin, ước vọng, đồng thời cũng cho thấy trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế của tộc người qua những giai đoạn phát triển khác nhau của lịch sử.

Hmông là một tộc người thiểu số ở Việt Nam, có nhiều nhóm khác nhau như: Hmông Hoa, Hmông Trắng, Hmông Đen, Hmông Xanh, Hmông Đỏ sống chủ yếu trên những vùng núi cao thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Tây Thanh Hóa, Nghệ An. Tuy nhiên, từ sau năm 1975 có khá nhiều người Hmông di cư ồ ạt từ phía Bắc vào các tỉnh Tây Nguyên nên nó đã làm cho bức tranh phân bố của tộc người này ở Việt Nam ngày càng trở nên rộng lớn hơn. Theo Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2009 của Tổng cục Thống kê, người Hmông ở nước ta có 1.068.189 người, đứng hàng thứ 6 trong bảng danh mục các dân tộc ở Việt Nam. Hiện nay người Hmông ở khu vực Tây Bắc có 473,514 người, chiếm 60,12% tổng số người Hmông cư trú toàn quốc, trong đó người Hmông ở Lào Cai có 146.147 người và họ là một trong số các tộc người có lịch sử cư trú lâu đời ở nơi đây. Trong quá trình phát triển lịch sử của mình người Hmông đã “tạo dựng” được các giá trị văn hóa riêng, nó được thể hiện đậm nét qua đời sống văn hóa tinh thần của họ, trong đó có nghi lễ, tập quán trong sinh

để và nuôi dạy con cái. Hiện nay, dưới tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập toàn cầu hóa chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các tộc người thiểu số, đã từng bước làm cho đời sống của người Hmông có nhiều chuyển biến tích cực để phù hợp hơn với quá trình đổi mới đất nước.

Việc nghiên cứu các phong tục, tập quán của người Hmông nói chung, tập quán nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông Hoa nói riêng trong truyền thống và biến đổi có một ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, đặc biệt là trong công cuộc xây dựng đời sống nông thôn mới tại địa phương và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu của tộc người theo Nghị quyết TW 5 khóa 9 và Nghị quyết TW 9 khóa 11 về xây dựng và phát triển con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và hướng tới phát triển bền vững đất nước.

Là một người dân tộc Kinh nhưng được về làm dâu trong gia đình người Hmông, nhóm Hmông Hoa tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; đồng thời bản thân cũng là một cán bộ công tác nhiều năm tại Ủy ban Dân tộc nên tôi có mong muốn tìm hiểu sâu hơn về văn hóa của người Hmông. Trong quá trình sống cùng gia đình nhà chồng được tiếp xúc giao lưu với cộng đồng người Hmông tại quê hương Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, cùng với đó là những chuyến đi công tác tại các địa phương nơi có người Hmông sinh sống tôi nhận thấy phong tục, tập quán trong sinh đẻ và nuôi dạy con của người Hmông nói chung và người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình nói riêng có sự đa dạng và phong phú; có nhiều tập quán, nghi lễ có bản sắc riêng, hấp dẫn. Điều đó thôi thúc tôi muốn tìm hiểu sâu hơn về văn hóa của người Hmông Hoa nơi đây.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi đã chọn đề tài “*Tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai*” để nghiên cứu và làm luận văn thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học với mong muốn góp phần làm rõ hơn bức tranh văn hóa của người Hmông tại một địa phương cụ thể đang chịu nhiều tác động của sự phát triển kinh tế, xã hội, qua đó cung cấp cơ sở thực tiễn để các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính

sách tham khảo trong triển khai xây dựng chương trình nông thôn mới, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được thực hiện một cách hiệu quả và phù hợp với tình hình địa phương và chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Dân tộc Hmông là một trong các tộc người thiểu số có nền văn hóa phong phú và đa dạng mang giá trị nhân văn cao đẹp. Trong đời sống văn hóa của người Hmông có nhiều phong tục tập quán được hình thành, bảo tồn và phát huy thông qua môi trường gia đình và gia đình là nơi bảo lưu một phần đáng kể các yếu tố văn hóa truyền thống, là nơi thể hiện giữa mối quan hệ con người với con người, con người với môi trường tự nhiên, con người với xã hội. Khi nghiên cứu về văn hóa của người Hmông thì không thể không nhắc tới tập quán, nghi lễ, trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ, bởi đây là quá trình khởi đầu trong vòng đời sinh - lão - bệnh - tử của một con người và được lưu giữ từ đời này qua đời khác. Chính vì vậy, đã có rất nhiều tác giả, nhà khoa học quan tâm và nghiên cứu về tộc người này.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài đề cập đến văn hóa của người Hmông chẳng hạn như: *Lịch sử người Mèo* của F.M.Savina. Thông qua tác phẩm này tác giả Savina đã cung cấp cho người đọc một cái nhìn tổng thể về các hệ thống truyền thuyết, tín ngưỡng, nguồn gốc hình thành và lịch sử phát triển của tộc người cũng như diện mạo văn hóa của người Hmông qua hoạt động kinh tế, đời sống xã hội, đời sống tinh thần. Hay như tác giả Keith Quinoy cũng đã miêu tả khá cụ thể về lịch sử - văn hóa những cuộc chiến tranh và quá trình di cư của người Hmông, những sinh hoạt văn hóa đặc thù và những nét văn hóa giữa các vùng của người Hmông thông qua tác phẩm: *"Hmông his tory of a people"*. Ngoài ra, người đọc cũng có thể biết cơ bản hơn văn hóa của người Hmông với các đặc điểm của tổ chức xã hội, mối quan hệ gia đình, dòng họ và những đặc điểm của thuật Saman trong các nghi thức của cộng đồng đó có nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái thông

qua: *Những đặc điểm của thuật Saman của người Mèo Trắng ở Đông Dương* của nhà nghiên cứu Ctuy Morecchand.

Không chỉ các nhà nghiên cứu nói chung, các nhà Dân tộc học và Nhân học Việt Nam nói riêng cũng đặc biệt chú ý nghiên cứu về người Hmông. Tác giả Cư Hòa Vần - Hoàng Nam trong cuốn sách *Dân tộc Hmông ở Việt Nam* (1994) đã miêu tả khá chi tiết về văn hóa truyền thống, đặc biệt là tín ngưỡng, văn hóa tinh thần và một số các nghi lễ trong gia đình, cộng đồng mà người Hmông đã và đang thực hành trong đời sống hàng ngày của họ. Trong công trình sách “*các dân tộc ít người ở Việt Nam các tỉnh phía Bắc*” do Bế Viết Đăng chủ biên (1974), phần viết về người Hmông cũng đã được thể hiện 1 cách khái quát về nguồn gốc lịch sử dân số, trang phục, ẩm thực, các hoạt động kinh tế, đời sống xã hội, phong tục tập quán của người Hmông.

Năm 1996, tác giả Trần Hữu Sơn đã cho ra mắt bạn đọc cuốn sách: *Văn hóa Hmông*. Có thể nói, đây là cuốn sách đề cập sâu về văn hóa Hmông, là một khảo cứu dân tộc học về văn hóa người Hmông ở tỉnh Lào Cai, là kết quả nghiên cứu sau rất nhiều năm điền dã của tác giả. Cuốn sách này lần lượt miêu tả về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ của người Hmông có giá trị văn hóa và thực tiễn giúp chúng ta có nhiều hiểu biết đầy đủ hơn về tộc người này. Nội dung cuốn sách được tác giả nêu những nét tổng quan về dân tộc Hmông đồng thời cũng có đề cập đến vấn đề sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông. Cuốn *Văn hóa của người Hmông ở Nghệ An* của tác giả Hoàng Xuân Lương cũng đã đề cập khá chi tiết về đời sống văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của người Hmông để từ đó đưa ra các giải pháp bảo tồn văn hóa của tộc người.

Năm 2004, tác giả Giàng Seo Gà đã cho ra đời cuốn sách *Tang Ca (Kruôz Cê) của người Hmông ở Sa Pa*, cuốn sách này nói lên một trong những nghi thức đầu tiên (hay bài mở đầu) trong lễ tang của người Hmông, phản ánh các quan niệm về vũ trụ, tôn giáo, lịch sử, xã hội và cộng đồng dân tộc; đồng thời khắc họa hình tượng các anh hùng đã có công khai thiên lập địa, chặng đường sang thế giới bên kia của linh hồn người đã chết và ảnh hưởng trực tiếp đến hiện thực cuộc sống của

người Hmông. Tác giả Vương Duy Quang đã xuất bản cuốn sách: *“Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện tại”* (2005). Trong nội dung cuốn sách, các giá trị văn hóa của người Hmông đã được tác giả nghiên cứu và phân tích khá chi tiết, trong đó có đề cập đến tập quán, phong tục của chu kỳ đời người của dân tộc Hmông.

Bằng tâm huyết và sự nỗ lực lao động, sau nhiều năm điền dã sưu tầm, tác giả Hùng Đình Quý - nhà thơ, nhà sưu tầm văn hóa dân gian Hmông cũng đã cho ra mắt người đọc tập sách *“Những bài khèn của người Mông Hà Giang”*. Nội dung của tập sách này cũng đề cập đến đặc trưng văn hóa của người Hmông. Năm 2009, tác giả Nguyễn Văn Thắng cũng đã xuất bản cuốn sách: *“Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”*. Cuốn sách này đã thể hiện được những phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của Đạo Tin lành.

Nghiên cứu về người Hmông Hoa, tác giả Trần Thu Thủy đã mô tả khá chi tiết về hoạt động tổ chức dệt vải, may mặc trang phục của người Hmông Hoa qua luận án tiến sĩ *“Trang phục của người Hmông Hoa, tỉnh Yên Bái”* (2005. Nguyễn Thị Bích Ngọc cũng cho người đọc thấy được bản sắc văn hoá tộc người Hmông Hoa qua luận văn thạc sĩ Dân tộc học *“Hôn nhân của người Hmông Hoa ở xã Púng Luông, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái”*.

Nguyễn Thị Song Hà và Hồ Xuân Định đã có bài viết *“Biến đổi nghi lễ trong chu kỳ vòng đời của người Hmông tỉnh Điện Biên hiện nay”* (2014) cũng đã trình bày khá chi tiết về các nghi lễ trong chu kỳ vòng đời trong đó có tập quán sinh đẻ và nuôi dạy con cái, song do dừng lại ở 1 bài tạp chí nên 2 tác giả cũng chưa thể hiện được một cách đầy đủ và sâu sắc các giá trị văn hoá của cộng đồng tộc người Hmông.

Năm 2011, Phạm Quang Hoan, *nghiên cứu về người Hmông ở biên giới Việt - Lào*, báo cáo tổng hợp nghiên cứu đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học, Hà Nội. Trong công trình này, tác giả đã đề cập đến văn hóa người Hmông.

Ngoài ra còn có khá nhiều bài viết về văn hóa của người Hmông đăng trên các báo, tạp chí, báo điện tử.

Có thể nói các công trình trên đây đã có những đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu về tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông trong truyền thống ở nhiều địa phương khác. Đó là những phân tích, tìm hiểu và miêu tả sâu, tiếp cận tập quán sinh đẻ và nuôi dạy con cái từ góc độ tri thức bản địa, tri thức địa phương, tri thức truyền thống, phong tục tập quán, hôn nhân gia đình, chu kỳ đời người. Đây là những cơ sở để tôi tiếp thu cho đề tài luận văn của mình.

Song cũng có thể nói các công trình nêu trên chưa đề cập đến văn hóa của nhóm người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Tôi nhận thấy, thông qua việc nghiên cứu về các tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ; phân tích, đánh giá và lý giải về thực trạng, sự biến đổi hiện nay cũng như chỉ ra các nguyên nhân gây ra những biến đổi của nó sẽ đóng góp thêm nhiều tư liệu mới về dân tộc Hmông nói chung, nhóm Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Cung cấp nguồn tư liệu tương đối có hệ thống về các tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Bước đầu làm rõ quá trình biến đổi của các tập quán nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai dưới tác động của quá trình giao lưu hội nhập và đổi mới đất nước hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Thông qua tư liệu có được, luận văn cung cấp một bức tranh khá đầy đủ và sinh động về nghi lễ, tập quán của người Hmông Hoa, xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai về sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ, để từ đó cho thấy được các giá trị văn hóa đặc trưng của tộc người.

- Tìm hiểu quá trình biến đổi và các yếu tố tác động đến sự biến đổi về tập quán nghi lễ của người Hmông Hoa, xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Tìm hiểu các giá trị văn hóa của tộc người thông qua tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ để bảo tồn và phát huy, đồng thời hạn chế một số tập tục lỗi thời không còn phù hợp với đời sống của người Hmông Hoa hiện nay.

- Góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho chính quyền địa phương trong công tác thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ và trẻ sơ sinh chính sách giáo dục và bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc một cách phù hợp với đời sống kinh tế và văn hóa xã hội của người Hmông Hoa tại điểm nghiên cứu.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Luận văn tập trung vào các đối tượng nghiên cứu cụ thể là: phụ nữ đang trong độ tuổi sinh sản ở các lứa tuổi, trình độ học vấn, mức độ hiểu biết về tập quán dân tộc và điều kiện kinh tế gia đình. Những người phụ nữ sắp sinh con hoặc những gia đình đang có sản phụ nuôi con nhỏ; những người già, những người có uy tín trong cộng đồng am hiểu những nghi lễ gia đình và tập quán nuôi dạy con cái như thầy mo, thầy cúng...đồng thời, luận văn cũng chú trọng đến những người đang làm công tác quản lý cấp xã, cán bộ y tế thôn bản để có tư liệu một cách đầy đủ mà luận văn hướng tới.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian nghiên cứu

Luận văn tập trung khảo sát tư liệu tại địa bàn xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, nơi chủ yếu là người Hmông Hoa sinh sống.

- Phạm vi thời gian nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề về tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa trong truyền thống và quá trình biến đổi.

Mốc thời gian được xác định là trước và sau khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện công cuộc đổi mới đất nước vào năm 1986.

- Phạm vi vấn đề nghiên cứu

Nghiên cứu phong tục tập quán và nghi lễ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai trong đó nội dung đề cập chủ yếu là phong tục, tập quán, nghi lễ có liên quan đến sinh đẻ và nuôi trẻ nhỏ trong gia đình và cộng đồng “trẻ nhỏ” được luận văn giới hạn trước 6 tuổi khi trẻ đi học.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận

Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc để tìm hiểu và nghiên cứu chuyên sâu về đề tài.

- Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này chúng tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu của ngành Dân tộc học, trong đó điền dã dân tộc học đóng vai trò chủ đạo. Trên cơ sở thực tế tại địa phương, chúng tôi tiến hành quá trình nghiên cứu của mình bắt đầu bằng việc tìm hiểu điều kiện tự nhiên cũng như một vài đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa, gia đình, dòng họ của địa phương, xem xét những tác động và ảnh hưởng của chúng lên phong tục, tập quán của người dân.

- Thu thập các tài liệu thứ cấp ở tỉnh Lào Cai, huyện Bắc Hà và cấp xã ở xã Lùng Phình. Tài liệu sẽ thu thập gồm các công trình nghiên cứu về người Hmông huyện Bắc Hà nói chung, về văn hóa người Hmông huyện Bắc Hà nói riêng và nhất là các công trình nghiên cứu về tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ, nuôi, dạy con nhỏ của người Hmông Hoa nói riêng.

- Tiến hành các quan sát tham dự vào một số hoạt động văn hóa như lễ hội, lễ cưới, sinh đẻ, nuôi dạy con nhỏ trong các gia đình người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình trong sinh hoạt hàng ngày.

- Thực hiện một số cuộc phỏng vấn sâu các đối tượng là người cao tuổi, phụ nữ, thanh niên dân tộc Hmông ở xã Lùng Phình để hỏi có những tư liệu liên quan đến phong tục, tập quán, nghi lễ trong mang thai, sinh đẻ, nuôi dạy trẻ nhỏ trong xã hội truyền thống và biến đổi hiện nay.

- Tổ chức các cuộc thảo luận đối với các nhóm đối tượng phỏng vấn sâu nêu trên để tìm hiểu và so sánh về quan điểm, nhận thức, hành vi của từng nhóm đối tượng về sinh đẻ và nuôi dạy con cái với những nội dung liên quan. Trong thời gian cùng ăn, cùng ở và sinh hoạt tại địa bàn nghiên cứu, tôi luôn tận dụng thời gian và cơ hội để phỏng vấn sâu, lựa chọn các đối tượng phỏng vấn đa dạng để thu thập được thông tin đa chiều và khách quan. Nội dung phỏng vấn thường được chuẩn bị trước với hệ thống câu hỏi mở để người trả lời có thể đưa ra nhiều lựa chọn khi đưa ra ý kiến của cán bộ phụ trách về dân số kế hoạch hóa gia đình của xã, chủ tịch xã, trưởng bản, thầy cúng, thầy mo...những người am hiểu về phong tục tập quán để thu thập những ý kiến đánh giá chuyên sâu và những kinh nghiệm của họ đối với những vấn đề cần nghiên cứu.

- Trong quá trình tìm hiểu và thu thập tư liệu cho luận văn, tôi đã trao đổi trực tiếp với một số đối tượng là lãnh đạo xã, y tế xã, bà đỡ, giáo viên trường mầm non, những người có uy tín như già làng, trưởng bản, thầy cúng, thầy mo và những người phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (nhiều người là anh em, họ hàng gia đình nhà chồng tôi) ... thuộc người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình.

- Chụp ảnh về các hoạt động có liên quan đến mang thai, sinh đẻ, đám cưới, nuôi con nhỏ.

- Tham vấn một số chuyên gia, những người hiểu biết về người Hmông, về chăm sóc và nuôi dạy con nhỏ để thu thập ý kiến đánh giá, phân tích của họ về vấn đề tập quán, nghi lễ trong mang thai, sinh đẻ, nuôi con nhỏ của dân tộc Hmông nói chung, người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng,...

Tổng quan tài liệu: Với phương pháp này tôi đã tìm đọc và tổng hợp nhiều công trình nghiên cứu về người Hmông, các tác phẩm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài, đã được in thành sách, tạp chí, các luận văn, luận án, báo

cáo khoa học có liên quan đến văn hóa của người Hmông. Đồng thời tôi còn tìm đọc các tài liệu thứ cấp như các báo cáo, số liệu thống kê của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai, Ủy ban Nhân dân xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn làm rõ bức tranh văn hóa của người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai thông qua các tập tục, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ đồng thời làm rõ vai trò của sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và trong nhân sinh quan, thế giới quan của cộng đồng người Hmông Hoa,

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Góp phần cung cấp tài liệu cho chính quyền địa phương trong việc quản lý và hoạch định chính sách trong kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ nhỏ tại cộng đồng người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho Cơ quan Công tác dân tộc các cấp, trực tiếp là xã Lùng Phình và huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai đề ra các giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc Hmông trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái.

- Là nguồn tài liệu có giá trị trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc Hmông trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại địa phương.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm 4 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và khái quát về điểm nghiên cứu

Chương 2. Các tập quán, nghi lễ trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ của người Hmông Hoa.

Chương 3. Các tập quán, nghi lễ trong thời kỳ nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa.

Chương 4. Một số biến đổi trong tập quán, nghi lễ thời kỳ mang thai, sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐIỂM NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Phong tục: Phong tục là toàn bộ những hoạt động sống của con người được hình thành trong quá trình lịch sử và ổn định thành nề nếp, được cộng đồng thừa nhận, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phong tục không mang tính cố định, bắt buộc như nghi thức, nghi lễ, nhưng cũng không tùy tiện như hoạt động sống thường ngày. Nó trở thành một tập quán xã hội tương đối bền vững và tương đối thống nhất. Phong tục có thể ở một dân tộc, địa phương, tầng lớp xã hội hay thậm chí một dòng họ, gia tộc. Phong tục là một bộ phận của văn hóa và có thể chia thành nhiều loại. Hệ thống phong tục liên quan đến vòng đời của con người, như phong tục về sinh đẻ, trưởng thành, cưới xin, mừng thọ và lên lão... Hệ thống phong tục liên quan đến hoạt động của con người theo chu kỳ thời tiết trong năm, hệ thống phong tục liên quan đến chu kỳ lao động của con người...

Tập quán: Là thói quen hình thành từ lâu đời và đã trở thành nếp trong đời sống xã hội của một cộng đồng dân cư, được mọi người công nhận và tuân theo [Từ điển Tiếng Việt, 2007]. Hay nói một cách khác, tập quán của một cộng đồng chi phối các thành viên sống trong đó. Tập quán không mang tính bắt buộc, cố định như nghi lễ, nghi thức nhưng cũng không tùy tiện theo hoạt động thường ngày. Nó trở thành một tập quán xã hội tương đối bền vững nhưng không tránh khỏi sự vận động và biến đổi, bởi chỉ có vận động và biến đổi theo thời gian thì tập quán mới thực sự tồn tại [26;tr.14].

Nghi lễ: Theo Thomas Barfield trong từ điển Nhân học (1996), nghi lễ là các hành động nghi thức diễn ra trong bối cảnh thờ cúng tôn giáo, ví dụ một đại lễ Thiên chúa giáo hay một buổi hiến tế tổ tiên... Thông thường các nhà Nhân học sử dụng “nghi lễ” để nói về bất kỳ một hành động nào có nhiều nghi thức và với mục đích phi bình quân chủ nghĩa. Sử dụng thuật ngữ nghi lễ theo cách hiểu như thế này hàm ý chỉ các hoạt động tôn giáo rõ ràng và sự kiện như lễ hội, hành quân, làm quen, trò chơi, thăm hỏi. Theo nghĩa rộng nhất, nghi lễ liên quan không chỉ đến một loại sự kiện cụ thể đặc biệt nào mà cả với khía cạnh thể hiện của toàn bộ hoạt động

của con người. Trong chừng mực nó chuyển tải các thông điệp địa vị văn hóa và xã hội của các cá nhân, bất kỳ một hành động con người nó có khía cạnh nghi lễ. Theo nghĩa này, một hành động trần tục như trồng cây và chế biến thực phẩm có chung khía cạnh nghi thức với hiến tế và quần chúng (Leach 1954). Như vậy, qua các nghi thức của các nghi lễ, những hành vi tín ngưỡng sùng bái thế lực siêu nhiên được trình diễn, nó biểu hiện một khía cạnh đời sống của con người, từ đời sống văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần. Vì vậy, qua nghi lễ các hành vi văn hóa của tộc người được thể hiện rõ nét [Nguyễn Thị Song Hà, tr. 23, 24]. Các nhà nhân học đã đưa ra nhiều quan điểm trong cách tiếp cận về nghi lễ, song phần lớn các nhà nhân học cho rằng: nghi lễ bao gồm nhiều hoạt động tìm hiểu rộng hơn cách hiểu chung bởi nghi lễ tạo ra hành động, nghi lễ hoàn toàn có quyền chuyển đổi, nghi lễ và vui chơi luôn gắn liền và bổ sung cho nhau [Nguyễn Thị Song Hà, tr. 13].

Sinh đẻ: Là công việc của phụ nữ khi họ cố gắng dùng cơ dạ con để đẩy đưa con từ thế giới riêng bên trong tử cung ra xã hội và văn hóa rộng lớn hơn. Mặc dù sinh đẻ là một sự kiện phổ biến của sinh lý con người, nhưng sinh ở đâu, sinh như thế nào, với ai và đôi khi ngay cả khi nào người phụ nữ sinh con dường như lại được quyết định bởi văn hóa [Nguyễn Thị Song Hà, tr. 20]. Tư thế đứng thẳng cần thiết cho sự vận động bằng hai chân đã làm cho sự sinh đẻ của con người phức tạp hơn sự sinh đẻ của các loại linh trưởng khác, sự vận động bằng bốn chân cho phép khung xương chậu được trút thẳng cho việc xuôi ra của bào thai, trong khi đó đứa trẻ ở bào thai người phải xoay khi thoát ra ngoài qua khung xương chậu (Trevathan 1987). Ngay sau khi sinh, các linh trưởng con đã có thể leo lên và bám chặt vào lưng mẹ chúng, những đứa trẻ sinh sớm hơn theo chu kỳ phát triển bởi bộ não của chúng to hơn, hầu như không giúp được gì khi sinh, đòi hỏi sự nuôi dưỡng ngay lập tức. Các nhân tố này có thể kích thích sự tiến hóa sinh đẻ như là một quá trình xã hội cao; ở một số xã hội phụ nữ tự sinh đẻ và không có ai trợ giúp. Thực ra, có thể giải thích một cách hợp lý rằng, đỡ đẻ dứt khoát đã phát triển ngay cùng với sự sinh đẻ của con người (Trevathan 1987). Sự có mặt của những người phụ nữ khác sẽ làm tăng khả năng thành công của quá trình sinh đẻ trong khi họ cần những kỹ năng xoay đưa bé trong dạ con, giúp xoay đầu và vai khi sinh hay xoa tử cung của người mẹ và áp dụng dược thảo để hạn chế mất máu. Sinh đẻ là ước vọng của loài người,

là sự sôi nảy nở để bảo toàn nòi giống. Bản chất và ý nghĩa xã hội của sự sinh đẻ đảm bảo quá trình sinh học và rất cá nhân này có một lớp phủ văn hóa dày. Trong tất cả các văn hóa, sinh đẻ là một nghi lễ chuyển tiếp (Gennep 1960) nhấn mạnh những tín ngưỡng sâu sắc nhất của một văn hóa là các tín ngưỡng này được trao truyền và tái khẳng định trong thời gian chuyển tiếp cơ bản này. Các tập quán sinh đẻ hướng sự tập trung “nhọn như đầu mũi tên” vào những giá trị cơ bản của văn hóa, nói cho người quan sát biết về cách mà văn hóa quan niệm về thế giới và vị trí của người phụ nữ đó (Kitzinger 1978) [31, tr.11].

Nuôi dạy trẻ nhỏ: Người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình quan niệm rằng nuôi dạy trẻ nhỏ là hoạt động sau khi đứa trẻ được người mẹ sinh ra đời thì chăm sóc chúng, dạy dỗ chúng những điều hay lẽ phải, những chuẩn mực đạo đức trong gia đình và xã hội. Nuôi dạy con cái bao gồm bao gồm cả việc chăm sóc chúng về thể chất như (ăn, uống, tắm rửa, giấc ngủ, ...) dạy dỗ chúng trở thành những công dân tốt cho cộng đồng và xã hội, dạy chúng các cách thức để tồn tại và phát triển [Hoàng Thùy Dương, tr.14]

Kiên kỵ: Là một khái niệm rất quen thuộc trong đời sống tín ngưỡng. Thuật ngữ kiên kỵ nằm trong hệ thống với các khái niệm liên quan: kiên, kỵ, cấm kỵ, kiêng cử, hèm, húy, phạm... Tuy cùng một lớp nghĩa chung chỉ những vật, việc không nên làm, tránh làm, không được phép làm trong một không gian, hoàn cảnh cụ thể. Có thể nói, kiên kỵ không chỉ gắn với quan điểm tín ngưỡng mà còn chứa đựng trong nó nhiều tri thức dân gian về mọi lĩnh vực đời sống nhằm mục đích bảo vệ, khuyến cáo con người khỏi những bất trắc và tạo ra nét văn hóa trong cộng đồng.

1.1.2. Lý thuyết chức năng (punctionalism):

Lý thuyết chức năng ra đời gắn với tên tuổi của Bronislaw Malinowski (1872 - 1942). Lý thuyết này được các nhà Dân tộc học và Nhân học thường xuyên sử dụng trong một thời gian dài trong các nghiên cứu của mình. Lý thuyết chức năng cho rằng, cũng giống như các bộ phận khác nhau trong cơ thể con người; mỗi thiết chế xã hội như nhà nước, tôn giáo, gia đình, dòng tộc... trong xã hội (cộng đồng) chiếm giữ những chức năng khác nhau, song lại luôn có sự liên hệ mật thiết với nhau theo cơ chế phân công - hợp tác và chính điều này đã tạo cho từng cơ thể sống, cho cộng đồng, xã hội sự cân bằng trong vận động. Với những tiền đề xuất phát đó, thuyết chức

năng không chỉ định hướng vào việc giải thích, mà còn xác định cần nghiên cứu văn hóa - xã hội của mỗi dân tộc như là một bộ phận của một chỉnh thể thống nhất.

Hai chức năng cơ bản nhất của gia đình đối với xã hội là "tái tạo ra một thế hệ mới" (bao gồm cả việc sinh đẻ và giáo dục con cái) và "nuôi dưỡng, chăm sóc các thành viên trong gia đình". Hai chức năng cơ bản này chi phối toàn bộ các chức năng khác của gia đình (chức năng kinh tế, giao tiếp tinh thần, tổ chức thời gian rỗi, giải trí,...). Bên cạnh đó theo Manlinowski, chức năng của văn hóa chính là sự thỏa mãn nhu cầu sinh vật của mình. Bất kỳ văn hóa nào trong tiến trình phát triển đều tạo ra một hệ thống cân bằng, ổn định trong đó mỗi bộ phận của chỉnh thể đều thực hiện chức năng của nó. Thuyết chức năng đã nhìn nhận chức năng cơ bản của văn hóa, trong đó có văn hóa của cộng đồng, quốc gia dân tộc chính là để thỏa mãn nhu cầu cá nhân cả về vật chất (kể sinh nhai, nhà ở, quần áo) lẫn tâm lý (pháp thuật, tôn giáo, truyền thuyết, nghi lễ). Tác giả của lý thuyết này cũng khẳng định nếu một yếu tố nào đó trong văn hóa bị triệt tiêu thì toàn bộ hệ thống của tộc người đó, quốc gia đó sẽ bị suy thoái và hủy diệt; tiêu diệt truyền thống kéo theo tổ chức xã hội sẽ mất đi và dẫn đến cái chết là không tránh khỏi [Nguyễn Thị Song Hà, 2011; tr.18].

Theo cách tiếp cận của lý thuyết chức năng, khi nghiên cứu về phong tục, tập quán trong sinh đẻ và nuôi con nhỏ đối với đề tài luận văn này, tôi luôn nhận thức rõ nội dung của nó để xem xét văn hóa tộc người Hmông Hoa gắn với môi trường, gia đình dòng họ cộng đồng và xã hội... để từ đó có thể hiểu được một cách rõ ràng và khách quan về cách ứng xử mối quan hệ của người Hmông Hoa với con người và môi trường thông qua hệ thống các phong tục, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ.

1.1.3. Lý thuyết biến đổi văn hóa

Từ cuối thế kỷ XIX, nhà tiến hóa luận văn hóa như Edward B. Tylor và Lewis H. Morgan cho rằng các nền văn hóa ngoài phương Tây tương đối tĩnh, các xã hội có thể phân loại theo đẳng cấp dạng thang bậc từ mông muội tới văn minh. Các tộc người ngoài phương Tây được xem như ít có suy nghĩ, các phong tục được xem như là rào cản làm xã hội biến đổi chậm chạp. Các dân tộc văn minh không chỉ có trí tuệ hơn mà ít bị ràng buộc bởi những hạn chế truyền thống và luôn muốn đạt tới sự tiến bộ nhiều hơn. Cũng có quan điểm cho rằng: không có một khuôn mẫu chung cho sự biến đổi văn hóa mà trong đó tất cả xã hội đều vận động, tiến lên theo một hướng. Tuy

nhiên quan điểm về sự phân tầng mang tính đẳng cấp đã bị nhà nhân học, trong đó có Franr Bows phê phán. Rồi một loạt các quan điểm mới về biến đổi văn hóa đã nổi lên trong bối cảnh này. Các lý thuyết khuyếch tán văn hóa mà theo đó là quá trình cơ bản trong biến đổi văn hóa vay mượn văn hóa hay sự khuyếch tán các đặc điểm văn hóa xã hội này sang xã hội khác trở thành quan trọng đối với các nhà nhân học Bắc Mỹ vào thế kỷ XX. [Phạm Minh Phúc, luận án tiến sĩ Nhân học, 2013].

Một lý thuyết biến đổi văn hóa cụ thể mà các nhà nhân học Mỹ quan tâm là tiếp biến văn hóa. Tiếp biến văn hóa (*Acculturation*) dùng để diễn giải quá trình thay đổi văn hóa do tiếp xúc của hai hệ thống, văn hóa độc lập; sự tiếp xúc đó làm tăng đặc tính của nền văn hóa này trong nền văn hóa kia. Quá trình trên luôn bao gồm sự tương tác phức tạp với các tiến trình phát triển xã hội kèm theo. Khi các nền văn hóa tiếp xúc nhau, nền văn hóa trao tặng không thể đưa ra đầy đủ các yếu tố văn hóa của mình và hệ thống giá trị riêng của nền văn hóa tiếp nhận có thể đóng vai trò che chắn hoặc thay đổi những yếu tố nào đó. Tiếp biến văn hóa có thể có cấu trúc xã hội chặt chẽ làm xoay chuyển dòng chảy các yếu tố văn hóa giống như trong trường hợp đất đai xâm chiếm được hoặc các tình huống bất ổn chính trị - xã hội khác.

Tiếp biến văn hóa gồm nhiều quá trình khác nhau như truyền bá, thích nghi, phản ứng lại với nhiều kiểu tái tổ chức văn hóa xã hội sau quá trình tiếp xúc và sau cùng là “tan rã văn hóa”. Phạm vi điều chỉnh trong đó có giữ lại đặc điểm văn hóa chủ đạo (thuyết đa nguyên bền vững) hay đặc trưng hơn là nhóm tiếp xúc có ảnh hưởng lớn đồng hóa nhóm yếu hơn và có sự hợp nhất về văn hóa, do đó hai nền văn hóa có thể trao đổi các yếu tố để tạo nên một nền văn hóa kế cận đặc biệt. Vì tiếp biến văn hóa bao hàm sự tương tác của hai hay nhiều nhóm văn hóa riêng biệt nên sự tương tác xã hội giữa các nhóm sẽ quyết định kết quả thu được.

Tiếp cận lý thuyết biến đổi văn hóa trong nghiên cứu tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi con nhỏ ở người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai để thấy được sự vận động, biến đổi và tiếp nhận văn hóa từ các cộng đồng tộc người trong môi trường sinh sống cộng cư của người Hmông Hoa là không thể tránh khỏi. Sự tiếp biến văn hóa này làm cho văn hóa của người Hmông Hoa thêm đa dạng và phong phú hơn đồng thời phù hợp với điều kiện và môi trường hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay.

1.2. Khái quát về huyện Bắc Hà

1.2.1. Vị trí địa lý

Huyện Bắc Hà nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lào Cai, cách thành phố Lào Cai khoảng 66 km, cách thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam - Trung Quốc khoảng 560 km. Bắc Hà được coi là những tiềm năng phát triển mạnh về kinh tế mậu biên trong giao lưu với Vân Nam Trung Quốc và sự phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu - khu kinh tế đặc biệt của Việt Nam và Trung Quốc. Bắc Hà nằm trên tọa độ từ 22⁰19' đến 22⁰24' vĩ độ Bắc, 104⁰9' đến 104⁰28' kinh độ Đông. Phía Bắc của huyện giáp huyện Si Ma Cai và huyện Mường Khương, phía Đông giáp huyện Sín Mần tỉnh Hà Giang, phía Tây huyện giáp huyện Bảo Thắng, phía Nam huyện giáp huyện Bảo Yên tỉnh Lào Cai. Với vị trí địa lý trên, Bắc Hà có những điều kiện địa lý khá thuận lợi cho phát triển kinh tế theo hướng khai thác các tiềm năng lợi thế so sánh và hội nhập vào nền kinh tế thế giới, trước hết là Trung Quốc.

1.2.2. Điều kiện tự nhiên

Khí hậu của huyện Bắc Hà chia thành 3 tiểu vùng đặc trưng:

- *Vùng thượng huyện*: Có độ cao từ 1500 đến 1800 m so với mực nước biển, có nhiệt độ bình quân năm 18,7⁰C. Vùng này có khí hậu mang nhiều tính ôn đới, mát mẻ về mùa hè, khô lạnh về mùa đông, rất thích hợp cho trồng cây ăn quả địa phương như mận tam hoa, mận hậu, đào, lê...

- *Vùng trung huyện*: Có độ cao từ 900 m đến 1200 m so với mực nước biển. Vùng này có khí hậu ôn hoà, mùa hè mát mẻ, mùa đông lạnh khô hanh, với nhiệt độ bình quân từ 25⁰C - 28⁰C. Khí hậu ở đây thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, và phát triển vùng cây ăn quả, cây nông nghiệp như chè tuyết san.

- *Vùng hạ huyện*: Độ cao dưới 900 m so với mực nước biển, có nhiệt độ bình quân 28⁰C - 32⁰C, mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới, có nhiều sông suối lớn, thuận lợi cho phát triển du lịch, cây công nghiệp, ăn quả, thủy sản, thủy điện...

Như vậy, Bắc Hà có điều kiện khí hậu đa dạng, không đồng nhất và đây chính là yếu tố thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng các cây trồng vật nuôi như: cây ăn quả nhiệt đới và á nhiệt đới (dứa, đào, mận, táo, lê...); các cây công nghiệp (chè, mía,...) và chăn nuôi nhiều loại gia súc gia cầm và thủy sản. Tuy nhiên, Bắc Hà cũng bị ảnh hưởng thời tiết khắc nghiệt như: nhiệt độ có độ chênh lệch ngày

đêm và các tháng trong năm khá cao; các hiện tượng sương muối, mưa đá kèm với lưu lượng dòng chảy lớn bất thường của sông Chảy vào mùa lũ, làm gia tăng các hoạt động xâm thực bào mòn, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp, du lịch và sinh hoạt của nhân dân.

1.2.3. Đặc điểm dân cư, dân tộc

Dân số huyện Bắc Hà có 10.606 hộ với 56.919 nhân khẩu, có 14 dân tộc anh em cùng chung sống, bao gồm các dân tộc: Hmông, Dao, Tày, Nùng; Kinh, Phù Lá, La Chí, Hoa, Xa Phó, Bó Y, Mường, Giáy, Thái, Hà Nhì. Trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tới trên 82% (dân tộc Hmông 47% là tộc người chiếm tỷ lệ đông nhất; dân tộc Tày 11%; dân tộc Dao 14%; còn lại là các dân tộc khác). Theo tổng điều tra dân số ngày 1/4/2009). Tổng số lao động toàn huyện là 20.718 người, chiếm tỷ lệ 52% dân số, mật độ dân số trung bình 77,6 người/km² với tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 2%. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, toàn huyện còn 4.997 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 47,09% so với tổng số hộ dân trên địa bàn huyện. Sau 1 năm thực hiện Nghị quyết 30a, đến 31/12/2009 toàn huyện chỉ còn 4.625 hộ nghèo (trên tổng số 11.230 hộ dân toàn huyện), chiếm tỷ lệ 41,18%. Trong năm 2009 thực hiện xóa 100% số nhà tạm trên địa bàn huyện với tổng số 871 nhà.

1.2.4. Một số đặc điểm về văn hóa

- Các di tích lịch sử

Bắc Hà có nhiều di tích lịch sử, văn hóa và các địa điểm du lịch hấp dẫn, trong đó phải kể đến lễ hội San sán (xuống đồng) của người Hmông và người Tày; dinh Hoàng A Tường, đền Bắc Hà, di chỉ thành cổ Trung Đô; các làng nghề thủ công, nấu rượu ngô đặc sản của đồng bào Hmông như Bản Phó, Tả Văn Chur; các chợ như chợ trâu Lùng Phình, chợ văn hóa Bắc Hà, chợ Cốc Ly, chợ Bản Liên v.v.

Di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu của Bắc Hà được kể đến là dinh thự Hoàng A Tường và đền Bắc Hà. Dinh thự Hoàng A Tường được xây dựng từ năm 1919 đến năm 1921 thì hoàn thành. Người dân địa phương vẫn quen gọi là nhà "Vua Mèo" bởi thời Pháp thuộc một người dân tộc Tày tên là Hoàng Yên Chao (sau đời con lên thay tên là Hoàng A Tường) làm châu úy châu Bắc Hà cai trị vùng chủ yếu có 70% dân tộc Hmông sinh sống. Ngày nay, chính quyền đang cho tu sửa khôi phục lại dinh thự này cho đúng thiết kế ngày xưa do người Pháp thiết kế theo kiểu lâu đài cổ

thường thấy ở châu Âu vừa để bảo tồn một di tích văn hóa, vừa để thu hút khách tham quan du lịch khi đến với vùng đất Bắc Hà, Lào Cai.

Đền Bắc Hà được xây dựng từ thế kỷ thứ XIX để thờ Gia quốc công Vũ Văn Mật, người có công đánh giặc dẹp loạn, hùng cứ cả một vùng rộng lớn, huy động được các dân tộc thiểu số địa phương trấn giữ vùng núi phía bắc ngăn giặc xâm lấn biên ải từ thời vua Lê Chiêu Tông (1516) sang thời nhà Mạc (1592) và những năm tiếp theo. Bên cạnh 2 di tích tiêu biểu trên, Bắc Hà còn có các di tích lịch sử và điểm du lịch khác như: Thành cổ Trung Đô; hang rỗng Tả Văn Chur; làng du lịch sinh thái người Hmông Tả Văn Chur; núi Ba mẹ con; chợ văn hóa Bắc Hà; chợ Cốc Ly; hang Tiên Cốc Ly; du lịch sông Chảy; chợ Lùng Phình; hang động Lùng Phình; làng văn hóa người Phù Lá (xã Lùng Phình); làng du lịch Bản Phố - làng nấu rượu ngô nổi tiếng; núi Cô Tiên,... đều có sức hấp dẫn khách du lịch đến với huyện Bắc Hà.

-Nhà cửa: Người Hmông ở Bắc Hà có truyền thống ở nhà trình tường bằng đất từ rất lâu đời. Nhà thường làm 3 gian, có 4 cột cái chống nóc và 4 xà gác tường. 4 xà gác tường này có 4 cột nhỏ ở phía ngoài nhà của bức tường. 4 xà này đồng thời cũng là nơi để làm sàn gác. Trên sàn gác vừa là nơi chứa ngô, lúa, cũng có thể vừa là nơi để ngủ. Có hai cửa, một cửa chính và một cửa phụ, thường thì các gia đình rất ít khi làm cửa sổ. Trong 3 gian nhà chính, gian bên trái dùng để đặt bếp lò và chỗ ngủ của vợ chồng chủ nhà. Gian bên phải đặt bếp sưởi và giường khách. Gian giữa rộng hơn để đặt bàn thờ tổ tiên và là nơi tiếp khách, ăn uống của gia đình. Ngoài ra một số gia đình còn làm thêm hai gian ở đầu hồi nhà để đặt cối xay ngô hoặc cối giã gạo.

- Trang phục: Trang phục cổ truyền của người phụ nữ Hmông gồm váy, áo xẻ ngực, yếm lưng, có tấm vải che phía trước và vuông vải nhỏ che lưng phía sau, thắt lưng, khăn quấn đầu, chân xắn xà cạp. Váy hình nón cụt, xếp nhiều nếp xoè rộng. Trang phục của nam giới mặc áo chàm hoặc áo đen xẻ ngực, thường có 2 túi, cài 4 khuy. Quần ống bó cắt kiểu chân què. Nam giới mặc áo khoác ngoài kép, xẻ ngực không có tay, cổ đứng thêu hoa văn.

Người Hmông có những đồ trang sức: khuyên tai, vòng cổ, vòng tay, nhẫn đồng, nhẫn bạc.... Phụ nữ thích dùng chiếc ô màu sắc đẹp, vừa có tác dụng che mưa, che nắng và cũng làm vật trang sức cho mình, tạo thêm nét duyên dáng.

- **Âm thực:** Âm thực của người Hmông đặc trưng nhất là mèn mèn tiếng Hmông gọi là “*máo của*”, món ăn truyền thống làm bằng hạt ngô xay mịn rồi đồ; Thắng cố, món ăn làm từ thịt các con vật: trâu, bò, ngựa dê được nấu tổng hợp (thịt, gan, lòng, tiết...); món canh đậu người Hmông gọi là “*tẩu chúa*” làm từ hạt đậu tương xay nhỏ, hòa với nước cho vào nấu với rau cải hoặc rau bí; món thịt treo gác bếp tiếng Hmông gọi là “*gà lủa dừ*” làm bằng thịt lợn ướp muối treo trên gác bếp... Ngoài ra người Hmông còn một số món ăn khác như: canh rau nhạt tiếng Hmông gọi là “*dâu chũa*”; món bánh dày, xôi đồ chín giã thành bánh... Đồ uống thì có rượu ngô Bản Phố hay còn gọi là rượu ngô Bắc Hà là loại rượu ngon đặc sản của người Hmông ở cao nguyên Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

1.2.5. Một số đặc điểm về xã hội

- **Làng bản:** Người Hmông Hoa ở Bắc Hà sống tập trung thành từng làng bản, mỗi làng bản có khoảng hơn 10 đến 30 hộ gia đình, người Hmông Hoa nơi đây rất coi trọng dòng họ, họ quan niệm: người cùng dòng họ là những người anh em có cùng tổ tiên, có thể đẻ và chết trong nhà nhau, phải luôn luôn giúp đỡ nhau, cưu mang nhau. Mỗi dòng họ cư trú quây quần thành một cụm, có một trưởng họ đảm nhiệm công việc chung. Phong tục cấm ngặt những người cùng họ lấy nhau. Tình cảm gắn bó giữa những người trong họ sâu sắc. Trưởng họ là người có uy tín, được dòng họ tôn trọng, tin nghe.

- **Gia đình:** Tổ chức gia đình của người Hmông Hoa ở Bắc Hà là gia đình nhỏ phụ hệ (gồm hai thế hệ bố mẹ và con cái sống với nhau). Đứng đầu gia đình là người đàn ông, người đó có nghĩa vụ gánh vác công việc gia đình: đi làm nương rẫy, khẩn tổ tiên, đón thầy cúng, thay mặt gia đình tham gia công việc chính mà bất cứ phụ nữ nào cũng không có quyền làm thay. Trong gia đình người Hmông người ta quý trọng con trai hơn con gái, vì thế gia đình nào có nhiều con trai là niềm kiêu hãnh trong thôn xóm, bản làng. Nếu trong gia đình có mối bất hòa giữa vợ và chồng, thì con dâu chỉ được lánh nạn sang hàng xóm, không được phép trở về nhà bố mẹ đẻ. Nếu con dâu muốn về thăm bố mẹ đẻ phải xin phép nhà chồng và được chồng đưa về tận nhà mới hợp lệ. Khi vợ chồng li hôn, người đàn bà không được trở về sống với bố mẹ đẻ mà đến ở nhờ nhà chức dịch cho tới khi tái giá. Người đàn bà góa không muốn lấy em chồng mà lại lấy người khác thì toàn bộ tài sản phải để lại

nhà chồng. Trong gia đình, người con gái tự cho mình là người khách, tự do đi lại và ăn uống không phải kiêng khem như con dâu trong nhà. Phân chia tài sản, con trai được chia đều nhau, bố mẹ giữ một phần tài sản bằng các con trai, con gái đi lấy chồng được bố mẹ để chia cho của hồi môn. Nhìn chung, cuộc sống gia đình người Hmông tương đối hoà thuận, vợ chồng gắn bó với nhau, khi đi chợ cũng như đi làm nương rẫy và thăm người thân họ hàng bên nội, ngoại, chồng đi trước vợ đi sau. Trong mối quan hệ gia đình, ông cậu và bà cô có vai trò vô cùng quan trọng.

1.2.6. Một số đặc điểm về kinh tế

Hoạt động kinh tế truyền thống là một trong những nội dung quan trọng của đời sống trong quá khứ của bất cứ tộc người nào. Hoạt động kinh tế truyền thống của người Hmông Hoa ở huyện Bắc Hà chủ yếu nhằm thoả mãn nhu cầu thường nhật của con người “ăn, mặc, ở”. Trong quá trình tồn tại và phát triển con người thường phải sáng tạo ra các phương thức hoạt động kinh tế để nuôi sống bản thân. Trong các phương thức hoạt động kinh tế con người thường sử dụng hai dạng thức là thích ứng với môi trường tự nhiên và cải tạo môi trường tự nhiên. Các phương thức hoạt động kinh tế nhằm thích ứng với môi trường tự nhiên được coi là một khía cạnh của hoạt động kinh tế truyền thống. Hoạt động kinh tế truyền thống của người Hmông Hoa được xem xét ở hoạt động kinh tế nông nghiệp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi truyền thống và trồng rừng. Tiếp đó là các hoạt động kinh tế bổ trợ bao gồm các ngành nghề thủ công, kinh tế tự nhiên, các hoạt động trao đổi mua bán và du lịch.

- **Trồng trọt:** Điều kiện định đầu tiên nông nghiệp trồng trọt là nguồn sống chính của người Hmông, ở huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Các tộc người sinh sống ở vùng núi trong lịch sử cũng như hiện tại là những tộc người làm nông nghiệp với hai loại hình canh tác cơ bản: canh tác nương rẫy và canh tác ruộng nước. Người Hmông cũng canh tác theo quỹ đạo này. Canh tác ruộng nước của người Hmông ở Bắc Hà chủ yếu là canh tác nương rẫy và ruộng bậc thang, phương thức canh tác nương rẫy được coi là phương thức xuất hiện trước, còn canh tác ruộng bậc thang xuất hiện sau. Khi canh tác nương rẫy phần lớn làm trên đất khô có độ dốc cao không thể dẫn nước để tạo thành ruộng bậc thang. Người ta dựa vào kinh nghiệm để lựa chọn các vùng đất tốt, các vùng đất này cây cối thường mọc rậm rạp để sau khi phát đốt trên bề mặt nương rẫy được phủ một lớp tro dày. Lớp tro này có giá trị như

lớp phân bón giữ độ phì của đất. Công cụ canh tác nương rẫy chủ yếu là cái cuốc, gieo hạt bằng cách cuốc hố bỏ hạt. Hình thức canh tác nương rẫy này được tiến hành ở các vùng đất còn nhiều rừng, hoặc các vùng đất luân canh bỏ hóa. Sau một thời gian bỏ hóa lâu dài đến khi cây mọc trở lại mới có thể canh tác được. Thực tế, dưới sức ép của dân số (mỗi gia đình người Hmông, ở Bắc Hà trung bình có 7 con) cộng với phương thức canh tác nương rẫy có hại về mặt tự nhiên cho năng suất không cao thì phương thức canh tác này không thể đáp ứng được nhu cầu về lương thực. Năng suất cây trồng trên nương rẫy không cao vì kiểu canh tác này quá phụ thuộc vào sự ưu đãi của tự nhiên. Quá trình con người tác động vào năng suất cây trồng chủ yếu thông qua việc phát đốt và làm cỏ. Việc kết hợp chăn nuôi trong mối quan hệ với trồng trọt là không có. Không có sức kéo của trâu bò, không có nguồn phân chuồng, tất cả chỉ dựa trên sức lực của con người.

- **Chăn nuôi:** Chăn nuôi truyền thống cũng là một hoạt động kinh tế quan trọng của người Hmông ở huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Vật nuôi của người Hmông rất đa dạng và phong phú bao gồm các gia súc và gia cầm: trâu, bò, ngựa, chó, lợn; gia cầm có: vịt, gà, ngan. Các vật nuôi này được thuần dưỡng và nuôi dưỡng, được người Hmông sử dụng làm sức kéo, bảo đảm một phần thịt (chất đạm) trong khẩu phần ăn. Ngoài ra các vật nuôi này còn đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ các nhu cầu tôn giáo của từng gia đình và của cả cộng đồng. Chăn nuôi xuất hiện và có quan hệ với trồng trọt, đặc biệt là canh tác cây lúa nước cần đến sức kéo. Do vậy, vai trò của con trâu đối với người Hmông trong trồng trọt là rất quan trọng. Như vậy cùng với hoạt động nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi đã tạo nên tính toàn diện của hoạt động kinh tế nông nghiệp truyền thống. Chăn nuôi vừa có vai trò to lớn về phương diện kinh tế vừa có vị trí xác định trong đời sống tinh thần và các sinh hoạt văn hóa của người Hmông ở huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

- **Nghề thủ công:** Các nghề thủ công của người Hmông ở huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, chủ yếu là nghề dệt, nghề rèn và nghề đan lát. Nghề dệt mang tính chất phổ thông và phổ biến đối với người phụ nữ Hmông. Trước kia mỗi gia đình đều có khung cửi để dệt vải. Ngoài giờ đồng áng phụ nữ ngồi nối lanh và dệt vải, tạo ra các bộ trang phục đáp ứng nhu cầu mặc của gia đình và cộng đồng. Điều kiện tự nhiên ở địa bàn này rất thuận lợi cho việc phát triển nghề đan lát, vì có các vùng tre, trúc,

mây. Sản phẩm đặc trưng nhất của nghề đan lát là chiếc gùi (*luz courv*) dù đi chợ, lên ruộng, lên nương đàn ông, đàn bà người Hmông đều đeo chiếc gùi sau lưng. Nghề rèn không phổ biến sâu rộng trong từng gia đình người Hmông. Chợ Bắc Hà còn là nơi cung cấp công cụ lao động cho các tộc người khác trong huyện. Đi chợ Bắc Hà người ta cũng có thể thấy một số sản phẩm rèn được bán tại đây như: cuốc chim, cuốc bàn, dao quắm, dao phát, lưỡi cày... nó chỉ rõ mối quan hệ giao thương trong trao đổi buôn bán các công cụ trong lao động.

- **Kinh tế tự nhiên:** Người Hmông chủ yếu gắn liền với việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên trong rừng để phục vụ các mục đích thiết thực cụ thể như làm nhà, chữa bệnh và rau cỏ cho các bữa ăn hàng ngày.

- **Các hoạt động trao đổi mua bán và du lịch:** Lĩnh vực du lịch từng bước khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển tế, bước đầu đã gắn kết được phát triển du lịch với giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc. Số lượt khách du lịch tăng bình quân 15%/năm, du khách nước ngoài chiếm 35% tổng du khách đến Bắc Hà.

1.2.7. Đặc điểm về giáo dục, y tế

- **Về giáo dục:** Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo trong nhiều năm qua luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà quan tâm. Ở 21 xã, thị trấn, quy mô trường, lớp được mở rộng xây dựng khang trang: Hiện nay toàn huyện hiện có 67 trường, trong đó Mầm non 21 trường, Tiểu học 21 trường, Trung học cơ sở 21 trường và 3 trường Trung học Phổ thông, 1 Trung tâm giáo dục thường xuyên; 646 lớp đã và đang từng bước đáp ứng với nhu cầu học tập cho con em đồng bào các tộc người thiểu số. Các hoạt động bán trú được củng cố vững chắc, số lượng học sinh ngày một tăng. Trong năm học 2014-2015 duy trì 38 trường Phổ thông dân tộc bán trú với tổng số 4262 học sinh (2273 học Tiểu học, 1989 học sinh Trung học cơ sở), củng cố duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục chống mù chữ, phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập Trung học cơ sở, Phổ cập Giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi ở 21 xã thị trấn.

Theo báo cáo của phòng giáo dục huyện Bắc Hà sau 5 năm phổ cập giáo dục xóa mù chữ giai đoạn 2011 – 2015 toàn huyện đã đạt được kết quả cụ thể như sau: 100% cơ sở giáo dục mầm non triển khai chương trình GDMN mới, 100% trẻ em dân tộc thiểu số ra lớp được tăng cường Tiếng Việt, Trường MN, Trường MG hoạt

động giáo dục 2 buổi/ngày và tổ chức ăn bán trú đạt 97,4 %. Chất lượng giáo dục cấp THCS, THPT tiếp tục được củng cố. Hiệu quả giáo dục được nâng lên; Học sinh tốt nghiệp THCS 98,7%; Số học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 67% (tăng 12% so với năm 2011). Công tác xóa mù chữ đã mở được 16 lớp với 300 học viên. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 – 60 đạt 93,7% (tăng 3,5% so với năm 2011). 100% các xã, thị trấn duy trì vững chắc PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD tiểu học, PCGD trung học cơ sở. Hệ thống trường, lớp được mở rộng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ngày càng được tăng cường tạo điều kiện tốt cho việc huy động trẻ ra lớp nâng cao chất lượng giáo dục.

- **Về y tế:** Hiện nay, toàn huyện có 17 Trạm y tế xã, 04 Phòng khám đa khoa khu vực và 01 Bệnh viện đa khoa huyện. Bắc Hà là một trong ba huyện nghèo của tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, đời sống nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn. Về khối điều trị, Bệnh viện huyện có 130 giường bệnh (90 giường ở tuyến huyện, 30 giường ở 04 phòng khám đa khoa khu vực), tuy nhiên riêng ở tuyến huyện công suất sử dụng luôn ở mức 150 giường bệnh trở lên. Hiện Bệnh viện có 128 cán bộ, trong đó có 21 bác sỹ làm việc trong Ban giám đốc, 03 phòng chức năng và 12 khoa lâm sàng và cận lâm sàng. Trụ sở làm việc được xây dựng khá bài bản, với những khu riêng biệt. Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà được trang bị các loại máy móc tương đối hiện đại như X-Quang, siêu âm, nội soi tai, mũi, họng, máy kéo dẫn cột sống, máy thở.... và đã triển khai các kỹ thuật như khâu vỡ gan, mổ xương đùi, các thủ thuật sản khoa, mổ lấy thai nên đã phần nào đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân. Tuy nhiên, với địa hình phức tạp, chia cách nhiều bởi núi, sông, suối, trình độ dân trí còn hạn chế, bệnh tật thường liên quan đến vấn đề đói nghèo (tỷ lệ hộ nghèo là 42%) như suy dinh dưỡng (năm 2013 tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi là 29%), tiêu chảy, đau mắt đỏ, phát ban....nên nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương là rất lớn.

1.3. Vài nét về xã Lùng Phình

1.3.1. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý

Lùng Phình có độ cao so với mặt nước biển trên 1300 m, nằm trong một vùng thung lũng có hình lòng chảo, bao quanh là đồi núi trùng điệp với tổng diện tích đất tự nhiên là 2.328 ha. Nhìn tổng thể, địa hình Lùng Phình như mái của một ngôi nhà

mà đường nóc là dãy đỉnh núi Lùng Phình sang hướng đông, có độ cao trung bình khoảng 1000 đến hơn 1.400m. Địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam với 2 hai con suối, một suối chạy qua thị trấn Bắc Hà, một suối chảy qua thôn Sín Chải xuống đến xã Nậm Khánh thì hòa vào con suối từ Bắc Hà chảy xuống rồi đổ ra sông Chảy. Vì vậy, Lùng Phình có địa hình đa dạng và phong phú, bị chia cắt mạnh, có sự xen kẽ giữa các núi cao hùng vĩ, hiểm trở xen kẽ các thung lũng thấp.

Lùng Phình có khí hậu ôn đới nên thời tiết mát mẻ vào mùa hè và mùa đông có khí hậu lạnh, sương muối, băng giá, thậm chí có những năm nhiệt độ xuống thấp còn có tuyết rơi. Nhiệt độ trung bình năm: 20 - 25⁰, độ ẩm không khí trung bình 80 – 85 %. Nhiệt độ cao nhất 30⁰ C, tháng nóng nhất là tháng 7. Nhiệt độ thấp nhất 3-4⁰C, tháng lạnh nhất vào tháng 12. Với điều kiện tự nhiên và khí hậu như vậy cũng đã có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh tế cũng như đời sống văn hóa, xã hội của đồng bào người Hmông nói riêng và của các tộc người thiểu số khác nói chung.

Xã Lùng Phình cách trung tâm huyện Bắc Hà 12 km. Tọa độ địa lý từ vĩ độ 22⁰34'39 đến 22⁰37'52 vĩ độ Bắc; từ kinh độ 104⁰18'56 đến 104⁰22'41 kinh độ Đông. Phía bắc giáp xã Lữ Thẩn, Lùng Sui huyện Si Ma Cai, phía nam giáp xã Lầu Thí Ngài, phía đông giáp xã, Lùng Cải, Bản Già, phía tây giáp Tả Văn Chur.

Lùng Phình có đường tỉnh lộ 153 từ Lào Cai lên Si Ma Cai chạy qua và giao với Quốc lộ 4 D (đường vành đai biên giới) đi huyện Xín Mần (tỉnh Hà Giang).

Về thổ nhưỡng ở Lùng Phình chủ yếu đất đỏ vàng- là loại đất nghèo dinh dưỡng thích hợp với cây lâm nghiệp. Còn lại đất xám trên đá, có độ dinh dưỡng tương đối cao nên thích hợp với các loại cây lúa, ngô và cây dược liệu như: đương quy, ấu tẩu, atisô, bạch truật.

1.3.2. Đặc điểm dân cư, dân tộc

Theo báo cáo tổng kết tình hình kinh tế-xã hội năm 2015 của xã Lùng Phình thì toàn xã có 310 hộ, 1450 khẩu, gồm 11 dân tộc cùng chung sống ở 8 thôn bao gồm: Lùng Phình, Túng Súng, Pả Chur Tỷ 1, Pả Chur Tỷ 2, Quán Hóa, Tà Chải 1, Tà Chải 2 và Sín Chải. Dân tộc thiểu số chiếm trên 90 % trong đó dân tộc Phù Lá chiếm 47 %, Hmông 47 %, còn lại là dân tộc Tày, Nùng, Kinh...Theo phong tục tập quán, nếp sống nên các dân tộc ở Lùng Phình thường sống thành từng thôn bản riêng, hoặc từng nhóm hộ riêng theo dân tộc mình.

1.3.3. Vài nét về dân tộc Hmông ở xã Lùng Phình

Theo người dân địa phương cho biết người Hmông Hoa ở Lùng Phình di cư từ vùng đất (Vân Nam-Trung Quốc) sang đến nay khoảng hơn 300 năm. Người Hmông Hoa ở Lùng Phình có các dòng họ: Giàng, Thào, Hàng, Ma, Lù, Sùng, Ly, Sần, Cừ, Tráng... Trong đó họ: Giàng, Hàng, Ma và họ Thào chiếm nhiều nhất. Xã Lùng Phình gồm có 8 thôn, người Hmông Hoa sống tập trung tại các thôn: Pả Chư Tỷ 1, Pả Chư Tỷ 2, Sín Chải, Quan Hóa và một số ít sống xen kẽ cùng với các dân tộc khác ở các thôn Lùng Phình và Túng Súng. Người Hmông Hoa ở Lùng Phình có gần 140 hộ, 678 nhân khẩu, chủ yếu cư trú ở các chân núi gần các khe suối hoặc lưng chừng núi. Do điều kiện tự nhiên, địa hình cư trú người Hmông Hoa nơi đây canh tác chủ yếu trên ruộng bậc thang và nương dốc. Trên các thửa ruộng bậc thang chủ yếu trồng lúa nước, còn đối với nương dốc, nương đặc thù, nương thổ canh hóc đá trồng các loại cây: ngô, tam giác mạch, hồng mi. Ngoài làm nương rẫy, trong những ngày nông nhàn họ thường làm các nghề truyền thống của dân tộc như: nghề dệt, nghề mộc, nghề đan lát. Chăn nuôi gia súc, gia cầm không chỉ cung cấp sức kéo mà còn cung cấp thịt ăn hàng ngày mà còn phục vụ nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của gia đình, dòng họ, làng bản.

Người Hmông Hoa xã Lùng Phình thường gọi gia đình của mình là *ziv* (hộ). Gia đình của người Hmông Hoa xã Lùng Phình là kiểu gia đình phụ hệ với 2 loại gia đình phổ biến là: 2 thế hệ và 3 thế hệ. Loại gia đình 2 thế hệ là chỉ có bố mẹ và các con chưa xây dựng gia đình loại 3 thế hệ là có cả ông bà, bố mẹ và các con cháu.

Những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cũng như gia đình, dòng họ của người Hmông Hoa đã hình thành nên nhiều nghi lễ, tập quán mang tính khác biệt với người Hmông sinh sống ở các địa phương khác.

Tiểu kết chương 1

Sinh đẻ và nuôi dạy con nhỏ là thiên chức của người phụ nữ là sợi dây kết nối tình cảm của vợ chồng, là niềm hạnh phúc của các con trong gia đình và dòng họ, trong đó có người phụ nữ dân tộc Hmông cư trú tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Dưới góc độ Dân tộc học, sinh đẻ và nuôi con nhỏ ở các tộc người thiểu số được coi là một thành tố văn hóa tộc người, gắn với nó là các phong tục, tập quán, nghi lễ của cộng đồng tộc người; vì vậy nghiên cứu về phong tục, tập quán, nghi lễ liên quan đến sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông nói chung, người Hmông Hoa cư trú ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng luôn được các nhà Dân tộc học và Nhân học quan tâm chú ý. Để thực hiện đề tài này trong luận văn chúng tôi đã làm rõ các khái niệm liên quan đến đề tài như phong tục, tập quán nghi lễ, sinh đẻ, nuôi dạy trẻ nhỏ biến đổi để xác định chính xác đối tượng, phạm vi, mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu của đề tài.

Luận văn cũng bước đầu sử dụng 2 lý thuyết của ngành là: lý thuyết chức năng và lý thuyết biến đổi văn hóa để phân tích và chứng minh cho vị trí, vai trò của các tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ trong đời sống văn hóa của người Hmông Hoa tại điểm nghiên cứu, đồng thời cũng để chứng minh cho quá trình biến đổi các dạng thức văn hóa trong tập quán, nghi lễ của người Hmông.

Đặc điểm cư trú của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà là nơi có điều kiện đi lại khó khăn với điều kiện địa lý, khí hậu, đất đai, nơi cư trú và lịch sử tộc người có nhiều nét đặc thù, được coi là yếu tố chi phối đến đời sống, y tế, văn hóa, xã hội của họ. Mặc dù đời sống kinh tế của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà còn nhiều yếu tố phụ thuộc vào nông nghiệp và chăn nuôi, năng suất chưa cao và kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và thiên nhiên, cùng với hệ thống thiết chế xã hội như vai trò của dòng họ thể hiện được tính bền vững rõ nét trong đời sống văn hóa, đặc biệt là văn hóa tinh thần của họ rất đa dạng và độc đáo đang từng bước góp phần vào sự phát triển chung trong bức tranh văn hóa đặc sắc của đại gia đình 54 dân tộc thiểu số Việt Nam.

Chương 2

TẬP QUÁN, NGHI LỄ THỜI KỲ MANG THAI VÀ SINH ĐẼ

2.1. Quan niệm của người Hmông về mang thai và sinh đẻ

Gia đình là tổ ấm thiêng liêng, là nơi con người sinh ra, trưởng thành và sinh sống cho đến khi chết và về với thế giới bên kia. Theo các nhà nghiên cứu thì gia đình có nhiều chức năng như: sinh sản – tái sản xuất con người, kinh tế, văn hóa, giáo dục... trong đó chức năng tái sản xuất con người là chức năng cơ bản và rất quan trọng, bởi đó là sự sản sinh ra chính bản thân con người, sự trao truyền giống nòi, hay còn gọi là tái sản xuất nguồn lực lao động. Việc duy trì nòi giống là yếu tố hàng đầu quyết định sự tồn vong của xã hội ta. Hoạt động này ở mỗi tộc người nói chung và người Hmông Hoa nói riêng được gắn với những phong tục, tập quán riêng, phản ánh lối sống và các đặc trưng văn hóa truyền thống, bản sắc tộc người.

Theo quan điểm chung thì nhân tố quyết định trong sự phát triển của lịch sử là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp, bản thân sự sản xuất có hai hình thức, thứ nhất là sản xuất ra các tư liệu phục vụ sinh hoạt, như thức ăn, đồ dùng, quần áo, nhà ở và những tư liệu cần thiết sản xuất ra những thứ đó; thứ hai là sự sinh ra chính bản thân con người, là sự truyền giống nòi hay còn gọi là tái sản xuất nguồn lực lao động. Từ xa xưa trong quan niệm của người Hmông đều rất coi trọng “việc sinh con đẻ cái” của mỗi cặp vợ chồng sau khi kết hôn, bởi họ cho rằng sự gắn kết của một người nam và một người nữ thực chất là để thực hiện chức năng sinh đẻ nhằm duy trì và bảo vệ nòi giống của gia đình, dòng họ và cộng đồng. Sau khi xây dựng gia đình, mong muốn đầu tiên của họ hàng và đôi vợ chồng trẻ là có con, bởi đứa con không chỉ thỏa mãn nhu cầu làm cha, làm mẹ mà nó còn là sợi dây tình cảm gắn kết vợ chồng. Chính vì vậy, khi người phụ nữ có những biểu hiện của việc mang thai, họ cảm thấy rất hạnh phúc vì họ sắp được “làm mẹ” và chính điều này sẽ góp phần tạo nên sự ràng buộc trong mối quan hệ vợ chồng, trong các mối quan hệ giữa thành viên gia đình và dòng họ của nhà chồng. Khi biết mình mang thai người phụ nữ thường thông báo “niềm vui ấy” cho chồng và mẹ chồng được biết để niềm hạnh phúc được tăng lên, đồng thời trong giai đoạn này, người phụ nữ sẽ nhận được sự chăm sóc đặc biệt hơn so với thường ngày. Tuy nhiên, có một thực tế là trong

truyền thống, người Hmông nói chung và người Hmông Hoa nói riêng có tập quán kết hôn từ rất sớm nên cũng có những tác động không nhỏ đến tâm lý, tình cảm của các cặp vợ chồng. Theo kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả cho rằng người Hmông Hoa kết hôn ở độ tuổi 12 – 15 tuổi, tuy lúc này con trai, con gái đã biết làm những việc trong gia đình.....nhưng ở độ tuổi này nhiều em gái chưa thể cảm nhận rõ ràng về sự thay đổi trong cơ thể và chưa thể cảm nhận được niềm hạnh phúc khi làm mẹ. Hơn nữa do việc mang thai đang trong độ tuổi còn nhỏ nên đã ảnh hưởng ít nhiều đến sức khỏe của người phụ nữ mang thai và thai nhi

Ở người Hmông nói chung, người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng việc sinh con, nhất là con đầu lòng là sự kiện đặc biệt quan trọng, nó đem lại niềm vui cho cả dòng họ, đánh dấu sự phát triển của một gia đình mới. Với những cặp vợ chồng nếu sinh con trai đầu lòng thì cả dòng họ vui mừng vì nòi giống tiếp tục được duy trì, có người tiếp nối thờ cúng tổ tiên, anh em trong họ hàng “con đàn cháu đống” sẽ giúp cho gia đình, dòng họ “bề thế” hơn trong cộng đồng, trong xóm bản.

Bên cạnh đó, người Hmông cũng có quan niệm có nhiều con cháu để có người làm nương rẫy, cày cấy giúp bố mẹ và gia đình, do vậy nếu đến vùng đồng bào người Hmông sinh sống chúng ta sẽ thấy phần lớn các gia đình người Hmông có rất nhiều con, thậm chí có nhiều gia đình có từ 6 – 8 đứa con.

Liên quan đến việc người Hmông Hoa thường thích nhiều con và thích con trai hơn con gái là bởi quan niệm của họ cho rằng: nhiều con sẽ có nhiều lao động để làm việc trong gia đình và con trai không chỉ để nối dõi tông đường mà còn thể hiện được “sức mạnh” của gia đình. Bên cạnh đó việc người Hmông sinh nhiều con cũng chịu sự tác động của điều kiện tự nhiên về cuộc sống cư trú của họ. Ngoài ra, người Hmông còn là một tộc người theo chế độ phụ hệ nên tâm lý muốn sinh con trai bởi con trai ở lại nhà chăm sóc cha mẹ lúc già yếu còn con gái gả đi nhà khác là “con nhà người ta” hay “nữ nhi ngoại tộc” còn khá nặng nề ở cộng đồng người Hmông. Người Hmông Hoa quan niệm nếu đưa trẻ sinh ra là con trai đầu lòng thì người chồng rất vui vì họ luôn quan niệm con trai đầu lòng thì sẽ giúp được cho bố mẹ nhiều việc nặng nhọc hơn như vác cây, làm nhà và những việc nặng trong gia

đình đồng thời cũng là trụ cột chính của gia đình. Nếu là con gái thì chỉ giúp được mẹ nấu cơm, đi nương, điu những đồ nặng giúp mẹ, nhưng nếu người phụ nữ Hmông “sinh con 1 bẻ” nghĩa là 2 con gái thì sẽ bị người chồng đòi đi lấy vợ 2 và người phụ nữ Hmông sẽ bị gia đình, bố mẹ chồng khinh và coi thường. Điều đó cho thấy trong truyền thống yếu tố phụ quyền gia trưởng chi phối mạnh mẽ trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Hmông.

Mong muốn sinh con trai là một nhận thức ăn sâu vào tiềm thức của nhiều nhiều tộc người trong đó tộc người Hmông nói chung, và người Hmông Hoa cư trú ở xã Lùng Phình nói riêng. Trong các gia đình người Hmông, con trai là người nối dõi và là người có trách nhiệm cao hơn. Các công việc thờ cúng tổ tiên dòng họ chỉ con trai mới được làm. Trong gia đình, con trai là người trụ cột, phải luôn vững chắc, sẵn sàng gánh vác mọi việc từ nặng nhọc, nguy hiểm..... Còn người con gái lớn lên sẽ đi lấy chồng và làm ma theo dòng họ khác, do vậy người phụ nữ trong nhà là người trợ giúp và tham mưu mọi việc cho người chồng là chính. Phân cấp công việc người con trai mới có sức khỏe bền bỉ trong cấy cấy, khâu vác và là người có trách nhiệm bảo vệ gia đình, là chỗ dựa vững chắc của gia đình, những công việc nêu trên ít có người con gái nào làm được.

Trong xã hội người con trai có tính mạnh dạn hơn, tiếng nói giao tiếp sẽ mang nhiều tính uy lực hơn, quyết đáp mọi công việc mạnh hơn, tính đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, của cộng đồng, việc này người phụ nữ người dân tộc Hmông ít tham gia, người phụ nữ chỉ có thể góp ý kiến vận động chứ không mạnh dạn quyết. Do đó, trong tập quán nghi lễ của tộc người Hmông Hoa xã Lùng Phình thường nghiêng về vấn đề cầu xin con trai nhiều hơn là cầu xin con gái.

Khi nhìn nhận về tâm lý thích con trai của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ phụ hệ, tác giả Đặng Thu đã có sự nhận định mà theo tôi nghiên cứu thấy khá phù hợp với tâm lý của người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai: “*tập quán cư trú sau hôn nhân bên nhà chồng, con cái sinh ra lấy họ bố khiến người ta quý trọng con trai, con gái được coi là thành viên tạm thời trong gia đình, không thể là nơi nương tựa của cha mẹ khi về già*” [60;tr.75].

Trong truyền thống các gia đình người Hmông trong tâm thức còn mang nặng tư tưởng đề cao việc sinh con trai để nối dõi dòng họ. Nếu không có con trai là điều bất hạnh lớn nhất của các cặp vợ chồng và gia đình, được xem như là trời đất trừng phạt. Người đàn bà có nhiều con hoặc không có con, vị thế trong gia đình và xã hội hoàn toàn khác nhau. Những người đàn bà không có con cái được xem là những người không bình thường, không làm tròn bổn phận của mình, trái quy luật và bị coi là người có “khuyết tật lớn”. Trước đây, những trường hợp không có con thường bị các thành viên trong gia đình, dòng họ hắt hủi. Trong các gia đình không có con cái thường xảy ra những bất hòa, xô xát vợ chồng, không ít trường hợp dẫn đến ly hôn hoặc người chồng lấy thêm vợ bé. Vì vậy, từ trước tới nay, các cặp vợ chồng người Hmông lấy nhau mà bị hiếm muộn con, họ thường phải thực hiện nghi lễ để cầu xin có con. Thực tế cho thấy đã có nhiều trường hợp các cô gái lấy chồng không có con bị gia đình nhà chồng đối xử tệ bạc đã phải ăn lá ngón để tìm đến cái chết. Qua tìm hiểu tại địa bàn nghiên cứu, chúng tôi được biết (ở xã Lùng Phình năm 2006 đã có một trường hợp là cô Ly Thị Sua lấy chồng được 3 năm nhưng vẫn chưa có con, bị gia đình nhà chồng đối xử không tốt nên đã buồn rầu và tự ái tìm đến cái chết bằng cách ăn lá ngón).

Ngày nay tư tưởng “trọng nam khinh nữ” và có nhiều con để nương tựa lúc về già vẫn chi phối và có tác động không nhỏ trong đời sống của người Hmông nói chung và người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng. Mặc dù, kể từ khi đổi mới đất nước đến nay, Đảng và Nhà nước ta cũng như các cấp ủy chính quyền địa phương đã có nhiều chủ trương chính sách và hoạt động tuyên truyền để đồng bào các dân tộc thiểu số thay đổi nhận thức, tư duy trong công tác sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình.....Nhưng việc thay đổi ấy trong người Hmông tuy có diễn ra, nhưng vẫn chậm hơn so với các tộc người khác như Tày, Thái, Nùng, Mường...

Qua chuyến đi khảo sát tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai chúng tôi nhận thấy: mỗi gia đình người Hmông Hoa ở đây thường có ít nhất từ 3 – 4 con trở lên, nhiều hộ gia đình có 5 - 6 con. Số lượng các gia đình có từ 1 – 2 con chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ, chủ yếu là các gia đình có điều kiện kinh tế đi làm nhà nước.

Như vậy, phải chăng tâm lý tộc người và điều kiện về môi trường cư trú ở vùng cao, khí hậu khắc nghiệt nên khiến người Hmông Hoa vẫn cảm thấy “lo sợ với những bất trắc có thể xảy ra trong tương lai”.

Khi chúng tôi hỏi về vấn đề sinh nhiều con của người Hmông Hoa ở đây thì được cô Liễu Thị Xá, 57 tuổi thôn Xín Chải, xã Lùng Phình cho biết “*tâm lý chính đầu tiên là mong muốn có người nối dõi, chăm sóc bố mẹ lúc về già, có nhiều người trong gia đình để còn làm kinh tế, đồng thời cũng còn do một phần đời sống trước đây còn gặp nhiều khó khăn, điều kiện kinh tế thiếu thốn, thời tiết nơi người Hmông sinh sống rất khắc nghiệt nên tình trạng người phụ nữ đẻ nhiều mà nuôi được ít chiếm tỷ lệ cao nên khiến tâm lý của người Hmông thấy lo sợ và không yên tâm cho những đứa con của mình*”. Đến nay chính sách truyền thông về dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ trẻ em rộng rãi, đã tác động lớn đến nhận thức của người Hmông Hoa. Nhiều người trong số họ đã hiểu được những bất cập của việc sinh đẻ nhiều con, các con sẽ không có điều kiện để được chăm sóc tốt, không có cơ hội để học tập, phát triển, sẽ ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của người mẹ, đời sống kinh tế gia đình sẽ ngày càng khó khăn. Vì vậy, tình trạng đẻ nhiều như trước đây đã và đang được hạn chế rất nhiều. Song với người Hmông ở huyện Bắc Hà nói chung và người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình nói riêng, đặc biệt là bộ phận cư trú ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, những nơi có trình độ văn hóa thấp, chưa chú ý đúng mức đến việc phòng tránh thai nên vẫn còn xảy ra tình trạng đẻ nhiều, từ 3-4 con trở lên.

Ngày nay, với những chính sách về y tế và áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình “mỗi gia đình chỉ nên có 1-2 con để nuôi dạy cho tốt” quan niệm và tâm lý về việc sinh nhiều con và sinh con trai của người Hmông Hoa đã có nhiều thay đổi tích cực. Thực tế có những gia đình dù họ là con trai trưởng nhưng họ cũng chỉ sinh đến 2 con. Đây là một biến đổi mang tính tích cực trong quan niệm về sinh đẻ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình hiện nay. Có được sự thay đổi như vậy là nhờ vào sự tác động tích cực của đội ngũ tuyên truyền viên và đội ngũ y tế thôn, bản, hội phụ nữ, đoàn thanh niên và các cấp chính quyền.

2.2. Tập quán, nghi lễ trong chăm sóc bà mẹ mang thai và bảo vệ thai nhi

Thời kỳ mang thai được tính từ thời điểm người phụ nữ được thụ thai đến ngày sinh đẻ. Thông thường, thời kỳ mang thai kéo dài khoảng 9 tháng 10 ngày. Việc mang thai và sinh đẻ là yếu tố sinh học, vừa là yếu tố xã hội nó có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống truyền thống của người Hmông cũng như hiện tại. Trong thời gian mang thai, mỗi tộc người, mỗi vùng miền lại có những phong tục, tập quán, nghi lễ khác nhau.

Với người Hmông nói chung, người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng thì tập quán, nghi lễ trong mang thai đã hình thành từ lâu đời và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và đến nay nhiều phong tục tập quán của người Hmông vẫn được duy trì để bảo vệ thai nhi và chăm sóc bà mẹ mang thai.

Cũng như người phụ nữ của các tộc người khác, khi người phụ nữ Hmông Hoa mang thai họ có một số biểu hiện như: tính cách khác thường, chán ăn, ăn vào là nôn, cơ thể mệt mỏi.... Để tránh bị sảy thai và đứa con sinh ra được khỏe mạnh như mong muốn thì trong thời gian mang thai người phụ nữ cũng phải kiêng kị nhiều thứ như: không ngồi xổm, đi lại bình thường, không được chạy nhanh, không đến các gia đình có đám tang vì sợ vía người chết lạnh sẽ ảnh hưởng không tốt đến thai nhi trong bụng mẹ; không ăn ốc vì sợ đứa trẻ sinh ra sẽ dốt dãi; không ăn chuối liền 2 quả, hai lòng đỏ trong một quả trứng vì sợ sau này đẻ con ra sẽ sinh đôi.

Đối với người phụ nữ Hmông Hoa khi mang thai họ thường kiêng không ăn măng tre, hành tỏi, rau cần, quả trám, vì sợ khi đẻ hay bị băng huyết; kiêng không ăn các món thịt: trâu, chó, ngan, vì sợ khi đẻ sẽ bị hậu sản; kiêng ăn cá mè vì sợ sau khi sinh đẻ bị bệnh trĩ, kiêng không ăn ốc vì sợ con sau này lưỡi hay thè ra như con ốc, kiêng không ăn thịt con dúi vì sau này con hay khịt mũi, chảy nước mũi; không ăn thịt con lợn đã bị hổ ăn qua vì sợ sau này con hể nhìn thấy người ta xào nấu thịt là chảy nước miếng; không ăn thịt rắn vì sợ da con đen; kiêng không ăn các loại quả chua vì sợ đẻ con sẽ bị nhiều nhọt, trẻ con hay mọc mụn ở đầu, người ta cũng khuyên người phụ nữ khi mang thai cũng không nên ăn quá nhiều chất cay bởi nguy

cơ sảy thai cao. Bên cạnh đó, trong thời kỳ mang thai nếu phụ nữ cảm thấy mệt mỏi hay đau ốm, không làm được việc họ cho rằng có thể là do chịu sự tác động của yếu tố tâm linh nên họ thường phải mời thầy cúng về cúng để tìm nguyên nhân. Nếu thầy cúng tìm ra nguyên nhân là do ma nào thì gia đình phải chuẩn bị lễ vật để cúng ma đó. Người Hmông có các loại ma sau: ma nhà, ma ruộng, ma bếp.... Theo nhận thức truyền thống của người Hmông, có rất nhiều loại ma như (ma rừng, ma súc vật, ma người được xếp làm hai loại: ma lành và ma dữ). Do vậy, cách thức cúng cho mỗi loại ma ở một số vùng cũng có nhiều cách khác nhau. Mỗi loại ma có một cách cúng, dòng họ này có tập quán thờ cúng khác dòng họ kia, có ma cúng lớn (mỏ trâu, bò) có ma thờ cúng nhỏ (mỏ gà vịt hoặc quả trứng bát nước, thẻ hương); một số nơi đã có người chuyên nghề cúng bái.

Theo quan niệm của người Hmông, ma nhà là loại ma lành, hàng năm ma nhà phù hộ cho gia đình, con cháu khoẻ mạnh, làm ăn khá giả. Những người không thờ cúng đầy đủ, làm sai ý tổ tiên thì cũng bị tổ tiên quở trách và như vậy cũng bị đau ốm. Bàn thờ ma nhà rất giản đơn, thường chỉ dán một mảnh giấy ở vách nhà gian giữa, trong đó có dính mấy cái lông gà, tuy vậy được coi là nơi tôn nghiêm không ai được xúc phạm, nhất là người lạ. Vì thế khi người phụ nữ trong quá trình mang thai nếu bị ốm người Hmông thường làm nghi thức cúng ma nhà. Việc đầu tiên là gia đình phải mời thầy cúng và chuẩn bị lễ cúng: bao gồm 1 cái bàn, 3 cái chén, 3 cái bát, 3 đôi đĩa, 1 chai rượu, 1 con gà, 3 bó hương và 3 tập giấy bản, nếu gia đình có điều kiện thì sẽ mổ thêm một con lợn. Khi đã chuẩn bị xong đồ cúng thì thầy cúng sẽ cúng bằng tiếng Hmông, nội dung bài cúng *“Hôm nay ngày....thángNăm.....Tôi tên là....Thay mặt cho dòng họ....có lễ vật gồm hương, rượu, thịt....xin tổ tiên và ma nhà phù hộ cho tên người phụ nữ mang thai....mau khỏi bệnh, khoẻ mạnh, không ảnh hưởng đến thai nhi trong bụng”*.

Ngoài ra, trong thời gian mang thai người Hmông có quy định họ không được để củ gừng trong túi áo, túi quần của mình bởi sợ đẻ con ra không bình thường bị thừa tay chân. Người Hmông rất tin vào các hệ thống thần kinh đặc biệt và các loại ma. Nếu như bình thường người phụ nữ có thể lợi suối, vào rừng để

tìm kiếm nguồn lương thực thì lúc mang thai họ không được phép đi qua suối bởi người Hmông quan niệm, nếu qua suối mà rùng, ma đói sẽ bắt linh hồn của đứa trẻ đang nằm trong bụng mẹ. Khi nhà có người chữa, mỗi thành viên trong gia đình đều có ý thức ưu tiên các công việc nhẹ nhàng cho thai phụ; kiêng không được làm các việc nặng nhọc, đặc biệt là không được nhắc đồ nặng lên lưng ngựa. Trước kia, với điều kiện kinh tế chưa phát triển, chủ yếu sinh kế bằng tự cung, tự cấp, người phụ nữ Hmông Hoa khi mang thai cho đến lúc sinh đẻ ít được nghỉ ngơi, họ vẫn tham gia nhiều công việc ruộng nương hàng ngày, ngoại trừ những công việc nặng dành cho đàn ông vì thế cũng có những người phụ nữ mang thai và đẻ rơi con khi đang đi làm nương.

Người mang thai kiêng sát sinh, vì họ quan niệm sát sinh sẽ làm cho thai nhi hoảng sợ dễ bị sảy thai. Trường hợp nếu có người thân mất, người mang thai muốn chịu tang phải nín hơi cài một đôi đũa cả ở sau lưng để cho không bị sảy thai. Theo quan niệm của đồng bào, đôi đũa là xương sống của con người.

Trong công việc, thai phụ được ưu tiên làm những công việc nhẹ hơn. Nhưng từ khi mang thai cho đến lúc sinh đẻ người phụ nữ ít được nghỉ ngơi, họ vẫn tham gia mọi công việc bình thường chỉ trừ công việc quá nặng nhọc, đồng bào quan niệm khi mang thai, thai phụ cần lao động nhiều để thai nhi khoẻ mạnh, phát triển bình thường; thai phụ càng siêng năng, chăm chỉ thì sau này đứa trẻ càng nhanh nhẹn, giỏi giang. Ngược lại, nếu thai phụ lười biếng, đứa con sinh ra sẽ ngu đần hoặc bị dị tật. Người Hmông Hoa cũng giống như một số tộc người khác quan niệm rằng, khi mang thai không nên nghỉ ngơi quá nhiều mà phải làm việc để cho dễ đẻ. Tuy nhiên, thế hệ trẻ bây giờ đã nhận thức được chăm sóc thai nhi chu đáo hơn, không cần thiết phải kiêng khem để mẹ khỏe, con khỏe. Người phụ nữ mang thai được gia đình nhường khẩu phần ăn có chất dinh dưỡng hơn để cho đứa trẻ trong bụng mẹ phát triển, cũng được chồng và gia đình ưu tiên hơn trong công việc, được yêu thương và động viên tinh thần để người mẹ có tâm lý thoải mái, vui vẻ tránh ảnh hưởng đến đứa bé trong bụng. Người Hmông Hoa cũng khuyên những người phụ nữ khi mang thai không được đi xa, không được ngủ ở nhà người khác kể cả ở nhà

bố mẹ đẻ, để tránh việc không may trở dạ sẽ không kịp về nhà chồng, bởi người phụ nữ Hmông Hoa chỉ sinh nở ở nhà mình và nhà chồng, tuyệt đối không sinh nở ở nhà khác, và cũng không cho người khác đến nhà mình sinh nở. Theo quan niệm của đồng bào nơi đây cho rằng, nếu vi phạm điều này sẽ bị tổ tiên trừng phạt, sẽ đem lại vận đen và xui cho gia đình hai bên... Chính vì vậy mà khi gần đến ngày sinh người phụ nữ mang thai thường được làm những việc vặt ở nhà. Việc chăm sóc phụ nữ mang thai của người Hmông là một nhiệm vụ đặc biệt và được theo dõi một cách cẩn thận từ người chồng. Người Hmông quan niệm khi người phụ nữ mang thai đi khi ngủ chủ yếu chỉ nằm nghiêng, nằm ngửa kiêng tuyệt đối không được nằm xấp tránh ảnh hưởng đến thai nhi.

Qua nghiên cứu điền dã tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà chúng tôi được anh Giảng Seo Châu, sinh năm 1963 ở thôn Xín Chải cho biết, trong suốt cả quá trình mang thai, thai phụ và bào thai có thể gặp rất nhiều rủi ro về sức khỏe và có thể liên quan đến tính mạng. Do đó, ngoài các tập quán kiêng cử và kinh nghiệm dân gian người cha, mẹ, chồng của thai phụ “*sẽ tiến hành thực hiện việc báo cáo tổ tiên (thấp hương)*”. Nghi lễ này gồm: *vài ba tộp giấy vàng bày trên bàn thờ tổ tiên ở trước cửa chính ngôi nhà ở để cúng xin tổ tiên phù hộ cho thai nhi được mạnh khỏe (Lour ntour cxax sênhx, krâur trôngx, thaor pux zourv phux vur sênhz cir)*.

Trong xã hội truyền thống, khi mà cuộc sống còn gặp rất nhiều khó khăn, khoa học, y tế và giáo dục còn chưa vươn tới các bản, làng, việc sinh một đứa trẻ vô cùng khó khăn thậm chí nguy hiểm luôn rình rập xảy ra với thai phụ và đứa trẻ. Trong điều kiện môi trường và đời sống mưu sinh ấy người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà đã đúc kết ra những kinh nghiệm dân gian rất phổ biến bằng những bài thuốc bằng lá cây rừng nhất là đối với đứa con đầu lòng; gia đình theo dõi một cách cẩn thận. Những người già hiểu biết về sinh đẻ thường hay đặt tay nhẹ lên bụng của thai phụ, nghe nhịp đập của tim thai mà dự đoán về thai nhi. Nếu tim thai có vấn đề (*thai ngược*) nhịp đập không bình thường thì những người này có trách nhiệm giúp xoay chỉnh tim thai về vị trí của chu kỳ quay. Sau khi đã xoay chỉnh tim thai về đúng vị trí chu kỳ, cần tiếp tục sắc thuốc cho thai phụ uống để giữ tim thai

một cách an toàn. Các loại thuốc này rất nhẹ nhưng lại hiệu quả, thường là các cây thuốc dây có tay móc, được hái về đun cho sản phụ uống. Sau một thời gian, khi kiểm tra lại thấy tim thai hoàn toàn ổn định thì không cho sản phụ uống tiếp nữa. Bài thuốc này người Hmông gọi là (*yuôx tuôr têl*). Bài thuốc “*yuôx tuôr têl*” này mọi người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình từ trung tuổi trở lên ai cũng biết. Trong xã hội cổ truyền, những người đàn ông (chồng) phải học hỏi các bài thuốc dưỡng thai nhi từ những người có kinh nghiệm để tự mình có thể thực hiện việc bảo vệ và chăm sóc thai nhi cho chính người vợ mình một cách đầy trách nhiệm.

Nhưng đến ngày nay khi nền kinh tế, khoa học, giáo dục y tế ngày một phát triển, với mong muốn đưa trẻ sinh ra được khỏe mạnh và thông minh, những người phụ nữ mang thai thường được chồng đưa đi khám thai định kỳ tại trung tâm y tế xã, và được chữa trị kịp thời khi có biểu hiện về sức khỏe không được tốt được.

2.3. Tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ

Thời kỳ mang thai sắp kết thúc, lúc này thân thể của người phụ nữ ngày càng nặng nề hơn, vì thế các công việc nặng nhọc người phụ nữ mang thai không còn phải làm mà phải tập trung chuẩn bị bước vào thời kỳ sinh đẻ. Đây được coi là thời kỳ quan trọng đối với thai phụ và thai nhi, những ngày này thai phụ và gia đình đã phải chuẩn bị các đồ dùng để có thể sinh bất kỳ lúc nào. Nhiều gia đình có đông người, con dâu có thể được nghỉ hẳn không phải làm việc nhà để đảm bảo an toàn cho thai nhi. Người chồng phải đảm nhận việc dọn chỗ sinh cho vợ, thường là cạnh chỗ ngủ của đôi vợ chồng cho sạch sẽ ngăn nắp. Cũng giống như các tộc người thiểu số khác, người Hmông cũng chuẩn bị những bộ quần áo mềm mại của những đứa trẻ khác trong gia đình hoặc của bố mẹ để làm tã lót cho đứa bé sau khi sinh. Người Hmông quan niệm, nếu đứa trẻ được quần tã lót làm bằng quần áo của anh chị, bố mẹ và các thành viên trong gia đình thì đứa trẻ sẽ có tình cảm và sớm gần gũi với bố mẹ, anh chị em mà không luyến tiếc cuộc sống, bố mẹ ở kiếp trước. Trước kia phần lớn người phụ nữ Hmông Hoa thường sinh con một mình và để ở tư thế ngồi, tuy nhiên cũng có nhiều trường hợp để đảm bảo cho độ an toàn cho bà mẹ và đứa trẻ các gia đình thường mời các bà đỡ trong bản làng đến giúp với sự hỗ trợ

của một trong số thành viên trong gia đình. Trong quan niệm của người Hmông đỡ đẻ không chỉ đỡ bình thường mà còn biết cách xoay thai nhi, biết tấn nhẹ thai nhi theo chiều đẻ một cách nhẹ nhàng, dạy thai phụ cách ngồi đẻ. Cũng có những trường hợp khi thai phụ sinh con gấp chưa kịp gọi bà đỡ thì người đỡ đẻ cho thai phụ lúc này là người mẹ chồng, chị chồng, mẹ đẻ và cũng có khi là người chồng đỡ đẻ cho vợ. Trước khi thai phụ sinh con thì phải chuẩn bị một chậu nước ấm, các loại dụng cụ như kéo, giấy bản...(cũng có những gia đình không có kéo thì chuẩn bị dao) và các loại dụng cụ cần thiết khác, vải để quấn đứa trẻ sau sinh. Sau khi mới đẻ xong người phụ nữ thường hay bị lạnh, cho nên sau khi đẻ người Hmông làm nước canh trứng gà với hạt tiêu cho người sản phụ uống và ăn vào để giữ nhiệt cơ thể và cân bằng thân nhiệt cơ thể. Sau khi sản phụ đẻ xong “mẹ tròn con vuông” thì người chủ nhà thắp ba nén hương và ba lá giấy vàng báo cho tổ tiên biết rằng, tổ tiên đã phù hộ cho sản phụ sinh nở thành công và đồng thời người chồng của sản phụ thông tin sang bên bố mẹ vợ để biết việc sinh nở của sản phụ đã được “mẹ tròn con vuông”. Sau khi đã xong mọi công việc thì người chồng (chủ nhà) bắt đầu với công việc là vệ sinh mọi thứ và lo cơm nước cho người vợ, mọi việc trong nhà lúc này đều do người chồng đảm nhận, vì thời gian này người vợ kiêng không được động vào nước lạnh và không được đi lại nhiều, hạn chế không được làm mọi công việc trong nhà. Nếu đứa trẻ sinh ra là con trai thì gia đình cắt rốn cho đứa trẻ quấn vào giấy bản và đào một hố nhỏ ở cột nhà chính và chôn rốn của đứa trẻ xuống đó (*cột đó gọi là cột ma chính*) vì đứa trẻ sinh ra là con trai thì được coi là trụ cột trong gia đình sau này sẽ được giữ lại toàn bộ tài sản của gia đình. Nếu đứa trẻ sinh ra là con gái thì sẽ được gia đình cắt rốn gói vào giấy bản và chôn ở gầm giường của người mẹ, vì người Hmông cho rằng con gái sẽ phải đi lấy chồng, phụ thuộc vào gia đình nhà chồng và là “*con của nhà khác*”. Nơi đẻ của phụ nữ Hmông thường thì sinh con tại nhà bên cạnh bếp lửa. Người phụ nữ và đứa trẻ sơ sinh sẽ được nằm ở cạnh bếp 3 ngày, sau khi làm lễ đặt tên cho đứa trẻ, 2 mẹ con mới được lên giường nằm. Nhưng cũng có những trường hợp đẻ con ngay khi đang đi làm nương, nếu nhà có khách thì người phụ nữ Hmông ra ngoài đẻ cũng có thể đẻ ngay ngoài trời vì “*sợ*

xấu hổ với khách”. Tuy nhiên, trong quá trình sinh đẻ nếu sản phụ khó đẻ, hoặc thấy hiện tượng thai nhi bị ngược theo quan niệm trước đây của người Hmông là do con dâu ăn ở với bố mẹ chưa tốt, vì thế con dâu phải thực hiện lễ bằng cách vái bố mẹ chồng 3 vái, hoặc cho sản phụ uống một bát nước nhúng ngón tay trở của bố mẹ chồng, hoặc một bát nước giặt ngâm vạt áo của bố mẹ chồng thì sản phụ mới đẻ được dễ dàng hơn.

Khi trong gia đình có người đang sinh nở, người chồng phải đi chặt một số cành cây treo vào tất cả các cửa ra vào của ngôi nhà để báo hiệu cho những người lạ, người ngoài dòng họ không vào nhà lúc này vì họ quan niệm sẽ không tốt cho sản phụ và đứa trẻ, mà làm hại sẽ rất có thể theo người lạ vào bắt linh hồn của đứa trẻ. Những cành cây này sẽ được cấm trước cửa nhà theo thời gian quy định của người Hmông và sẽ được giữ nguyên ở đó trong khoảng một tháng.

Thức ăn của sản phụ là thịt gà, thịt lợn, trứng, rau ngót và kiêng rau bí vì sợ mọc nhiều lông ở người đứa trẻ vì đứa trẻ bú sữa mẹ, ăn ít muối, không ăn mì chính, ớt, tuyệt đối không ăn thịt trâu, thịt ngựa.

Khi bị mất sữa, sản phụ được ăn cơm nếp nghệ, hoặc chữa theo cách dân gian là cho sản phụ mặc váy nằm úp xuống giường để cho sữa trở lại. Người nhà lấy lá cây tầm gửi, cây mít, quả đu đủ hầm với thịt gà cho sản phụ ăn cả cái lẫn nước để sữa mau về. Có trường hợp lấy lá cây mít mật nếu đẻ con trai thì hái 7 lá, con gái hái 9 lá, khi hái phải nín thở đem về sắc nước rửa vú, để núm vú không bị nứt cổ gà khi cho trẻ bú. Người ta cũng có thể lấy rễ cây đu đủ và rễ cây lạc rùng rửa sạch thái nhỏ đem hầm với gà để cho sản phụ ăn.

Người Hmông cũng quan niệm hiện tượng mất sữa của sản phụ là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân bị mất trộm sữa. Theo quan niệm của người Hmông bị mất trộm sữa là do trong thời gian ở cữ có người lạ đi dếp vào nhà vì vậy người Hmông rất chú trọng việc này. Khi gia đình có khách đến chơi hoặc viếng thăm gia chủ cũng phải quan sát kỹ, nếu khát hiện khách đi dếp vào nhà họ phải xin phép khách tháo đôi dếp đó ra sau đó lấy một chậu nước rửa sạch đôi dếp đó rồi hắt nước vào nhà không được đổ ra ngoài, đồng thời khi làm xong khách mới được đi

dép ra về và gia chủ không quên nói to với khách “không được lấy trộm sữa nhà tôi đâu nhé”. Tuy nhiên để tránh gặp phải trường hợp trên khi thấy có khách từ ngoài sân chuẩn bị vào nhà, gia chủ đã phải chủ động nhắc nhở khách để dép ở phía ngoài. Trường hợp này xảy ra khi đó là những vị khách không ở cùng trong thôn bản và là người dân tộc khác không nắm được phong tục, tập quán của người Hmông. Để tránh trường hợp bị mất trộm sữa như vậy thông thường sau khi sinh nở xong sản phụ sẽ được mẹ chồng chuẩn bị một gói cơm nếp nhỏ trộn với muối gói trong lá rừng và được đeo ở thắt lưng. Khi người mẹ mất sữa, lúc này gia đình phải nhớ lại xem ai là người vào thăm đầu tiên thì xin ít muối, gạo nếp của người đó, muối xin về pha cho người mẹ uống, gạo nếp thì nấu cho người mẹ ăn, với mục đích là giúp người mẹ sẽ có sữa trở lại, bởi người Hmông quan niệm người mẹ mất sữa là do người đến thăm mang sữa đi ra khỏi nhà.

Trong thời gian thai phụ sinh con mà trong gia đình của người Hmông có người bị ốm thì người nhà phải mời thầy cúng đến làm lễ cho đứa trẻ, để tránh đứa trẻ cũng bị ốm. Sau khi cúng xong gia đình phải lấy một cành cây treo lên nóc nhà từ 3 đến 5 ngày để cầu mong cho gia đình, đứa trẻ gặp nhiều may mắn

2.4. Tập quán, nghi lễ khi thai nhi mới sinh ra bị chết

Đối với thai nhi mới sinh đã chết, trường hợp ày các gia đình phải thực hiện một nghi lễ đơn giản và đưa thai nhi đã chết đi chôn cất cẩn thận. Việc chôn cất cũng tuân theo phong tục, tập quán mà người Hmông đã quy định. Việc đầu tiên là gia đình đưa khăn quấn chặt trẻ sơ sinh đã chết, sau đó thắp hương, giấy vàng báo với tổ tiên là đứa con sinh ra đã bị chết và không được làm người, cầu xin tổ tiên rằng sẽ đưa thai chết này đi và ngăn cách mãi mãi không để trở lại quấy nhiễu những người trong gia đình, đồng thời cúng xin tổ tiên sẽ phù hộ cho gia đình để những nhi thai sau này khi đẻ ra đều được sống khoẻ mạnh. Sau khi cúng có nhiều gia đình còn dùng bát nước để vẩy lên người mẹ, với hàm ý cầu mong từ đây về sau người mẹ có thai đều được khoẻ mạnh, những đứa trẻ khi đẻ ra đều được sống khoẻ ngoan và hay ăn chóng lớn. Cùng với đó, người ta lấy tám vải đỏ được coi là bùa hộ mệnh để buộc vào cổ người mẹ với mong muốn người mẹ sẽ được tai qua nạn khỏi,

sẽ may mắn về sau và sinh con đẻ cái được khỏe mạnh, gia đình được sum họp vui vầy. Nếu như trong quá trình sinh nở kể cả thai nhi bị chết hay người mẹ có bị chết thì ngay lập tức người ta phải lấy cái váy của người mẹ đang mặc xé ra làm đôi và để bên cạnh 2 mẹ con, mỗi mẹ con một nửa, bởi người Hmông quan niệm rằng trong lúc mang thai người mẹ và đứa trẻ có chung một hơi thở, việc chia tách cái váy ra biểu trưng cho mỗi người đã có một cuộc sống riêng biệt, nếu không rất có thể sau này người mẹ chết đứa trẻ sẽ đi theo và ngược lại đứa trẻ chết người mẹ sẽ đi theo.

2.5. Một số nghi lễ trong các trường hợp hiếm muộn.

2.5.1. Quan niệm về hiếm muộn

Theo quan niệm của người Hmông sau khi kết hôn khoảng 1 năm mà người vợ vẫn chưa mang thai thì đó được coi là “hiếm muộn”. Hiếm muộn là do nhiều nguyên nhân khác nhau có thể xuất phát từ phía người chồng hoặc từ phía người vợ. Tuy nhiên trong truyền thống, mọi hiện tượng hiếm muộn người Hmông thường cho rằng đó là từ phía người phụ nữ. Vì thế người chồng luôn luôn theo dõi chu kỳ kinh nguyệt của người vợ. Người Hmông nơi đây cho rằng kinh nguyệt của người phụ nữ có thể bị lạnh, đen hoặc loạn kinh mà theo cách gọi riêng của người Hmông là bệnh “*thân lạnh*” (*chêr tral*).....rất dễ gây nên tình trạng hiếm muộn. Nếu thấy hiện tượng này xảy ra, hai vợ chồng phải sớm hỏi ý kiến của những người già có kinh nghiệm đã trải qua để tìm cách chữa trị, bài thuốc chữa trị và người chữa trị. Bất cứ người phụ nữ nào mà bị bệnh “*thân lạnh*” (*chêr tral*) thì đòi hỏi phải tìm cách chữa trị kịp thời. Người Hmông Hoa cho rằng thời gian bị bệnh “*thân lạnh*” (*chêr tral*) không quá ba năm thì còn chữa được, nếu người phụ nữ mà bị bệnh này để quá ba năm thì sẽ không có cách chữa trị và được coi là bị bệnh vô sinh hoàn toàn và khó có cơ hội có con. Người Hmông Hoa cho rằng nguyên nhân về bệnh “*thân lạnh*” là do trong thời kỳ còn là con gái người phụ nữ hay tắm nước lạnh, đặc biệt là trong thời kỳ đang có kinh nguyệt hay trong lúc đang lao động nặng nhọc, cơ thể mệt mỏi, người đang nóng, nhiều mồ hôi mà uống nước lạnh là rất dễ bị mắc bệnh thân lạnh (*uôs chêr tral*). Biểu hiện của bệnh này là trước hết người bệnh thấy mệt

môi, chân tay bắt đầu mỗi nhức, nước da người bệnh có màu trắng sáng, về sau người bệnh sẽ bị giảm cân dần, nước da dần đổi sang màu vàng sẫm và sau đó thành màu thâm đen... Vì thế trong xã hội truyền thống rất nhiều người phụ nữ Hmông bị gia đình nhà chồng đối xử thậm tệ bởi những quan niệm nêu trên.

Song, nhiều năm trở lại đây, đời sống kinh tế phát triển người dân được tiếp cận với nhiều thông tin nên họ đã nhận thức rõ ràng hơn việc hiếm muộn đồng thời có thể xảy ra cả từ phía nam và nữ. Theo họ, nam giới cũng có thể mắc bệnh vô sinh do nhiều yếu tố gây nên như yếu sinh lý, nghiện thuốc lá và nghiện rượu... cũng có thể dẫn đến bệnh vô sinh. Còn đối với bệnh “*thân lạnh*” (*chêr tral*) thường ở người đàn ông thì rất ít khi gặp. Đối với bệnh vô sinh ở nam giới cần phân biệt rõ hai bệnh là “*txour sênhv*”- “vô sinh hoàn toàn” nghĩa là không thể có con và vô sinh do nhiều yếu tố gây nên như bệnh yếu sinh lý, nghiện rượu, nghiện thuốc lá... là những nguyên nhân gây nên bệnh vô sinh nhưng vẫn có thể có con.

Các cách chữa và các bài thuốc để chữa các bệnh vô sinh, khó sinh đẻ đối với phụ nữ chủ yếu dựa vào các bài thuốc truyền thống của dân tộc Hmông. Tùy theo mức độ bệnh tật nặng hay nhẹ khác nhau mà các bài thuốc, cách chữa cũng khác nhau, đặc biệt là đối với nữ giới, những bài thuốc này hoàn toàn là những bài thuốc bằng các vị thuốc nam và lá cây rừng và các loại thuốc theo dân gian cổ truyền của các thầy thuốc trong bản điều đặc biệt là họ không hề cúng bái và làm tất cả các nghi lễ gì khác. Khi chúng tôi nghiên cứu tại địa bàn thì được người dân giới thiệu gặp bà Sùng Thị Mũa, 58 tuổi ở thôn Quan Hóa là người hiếm muộn con cái, bà cho biết: “*Trước đây bà lấy chồng được 2 năm mà vẫn chưa sinh được con. Chồng, bố mẹ chồng rất sốt ruột và gia đình đã tìm đến ông Lù Seo Nhà cũng ở trong thôn là người biết nhiều bài thuốc chữa trị các loại bệnh, trong đó có bệnh vô sinh, bà Mũa đã được ông Lù Seo Nhà bốc cho 3 thang thuốc đun uống hàng ngày. Sau khi uống hết 3 thang thuốc được hai tháng thì bà Mũa có thai và hiện nay bà Mũa có những 8 người con*”.

2.5.2. Nghi lễ cầu tự

Đối với người Hmông Hoa tại xã Lùng Phình họ quan niệm sau thời gian lấy vợ khoảng một năm mà người chồng không thấy vợ mình mang thai thì thời gian đó người chồng phải hỏi đến những người có kinh nghiệm trong việc mang thai và sinh đẻ như già làng, trưởng bản, ông, bà, bố, mẹ và những thầy mo, thầy cúng.... về cách làm lễ cúng bái, cầu thần linh phù hộ cho 2 vợ chồng có được con.

Việc trước tiên, gia đình phải chọn được thầy cúng có “uy tín” trong việc xin con cái. Cách chọn thầy cúng này không phải chọn một cách thuận túy mà là theo một quy trình lựa chọn. Theo quan niệm của người Hmông thầy cúng đó phải “cao tay” có khả năng điều hành “thế lực siêu nhiên” thầy cúng tự nhập và biết cúng một cách ngẫu nhiên không cần ai dạy, tất cả các bài cúng đều do tự bản thân biết chứ không ai truyền lại. Thầy cúng này được cho là không mê tín dị đoan mà là cúng một cách có trách nhiệm cao cả trong việc cúng bái đuổi ma, trừ tà, làm điều tốt lành để cứu người (*Tsir nênhz*). Các thầy cúng này ai nhờ đến thì họ sẽ có trách nhiệm cúng giúp, chứ không phải thuê, nếu người nhờ có tâm thì chỉ để vài ba chục nghìn đồng làm lý đặt dưới đáy bát nước bày để cúng.

Mỗi thầy cúng có các bài cúng khác nhau, nhưng nghi lễ bái cầu trong lễ cúng cầu tự của người Hmông Hoa thì giống nhau. Gia đình muốn có con phải chuẩn bị một mảnh vải lanh trắng, dài để trải bắt đầu từ trước cửa chính nhà ở đến giữa nền nhà thì gập vuông góc kéo sang phía kê giường của đôi vợ chồng cầu tự (*không có con*). Người Hmông cho rằng đây là cách cúng “*bái cầu cho con cái vào nhà*”. Khi đã chuẩn bị đầy đủ lễ vật, thầy cúng đứng trước bàn cúng và bắt đầu cúng lễ. Khi đó, thầy cúng gọi đôi vợ chồng gia chủ không có con đi ra trước cửa chính ngôi nhà, cách đứng theo thứ tự: vợ đứng trước, chồng đứng sau, mặt hướng vào trong nhà chờ lệnh. Khi thầy cúng gọi đến cả hai vợ chồng thì phải đi thẳng từ ngoài cửa vào và đi trên thảm vải lanh trắng đã được trải sẵn vào đến giường, đồng thời đi đến chỗ thầy cúng. Đúng lúc thầy cúng nói “*đã bái được cầu rồi*” thì lập tức hai vợ chồng cùng nắm tay nhau và nói “*đã thành công rồi*”. Sau bài cúng, thầy cúng gõ que, xem và phán đôi vợ chồng sẽ có sớm hay muộn. Thầy cúng phán công khai cho mọi

ngườidự lễ đều biết và sau này theo dõi xem có kết quả không. Sau khi đã cúng xong thì cả hai vợ chồng mỗi người uống một chén rượu và hai vợ chồng phải mời thầy cúng uống cùng để bày tỏ lòng cảm ơn, lúc này lễ vật để cảm ơn thầy cúng là một thủ lợn và một đùi lợn. Thời gian theo dõi người phụ nữ có thai thường là từ 3 tháng đến 6 tháng. Nếu quá 6 tháng mà vẫn không thấy có thai thì gia đình phải tính đến các nghi lễ cầu xin sự phù hộ khác, như nghi lễ sửa sang các phần mộ tổ tiên, cha ông để xin phù hộ cho đôi vợ chồng có con.

Bên cạnh nghi lễ cầu thần linh, người Hmông Hoa còn có một số bài thuốc dân gian chữa bệnh vô sinh. Theo quan niệm của người Hmông Hoa, trong thời gian đôi vợ chồng lấy nhau và sống trong quãng thời gian dài mà không có con cái thì đều phải chạy chữa, có nhiều gia đình phải chạy chữa lâu dài, phải thực hiện phương châm: *“có bệnh thì vái tứ phương”*. Ngày xưa thì thường chữa trị theo kinh nghiệm truyền thống, bắt mạch, bấm huyệt và có thể châm cứu và dùng thuốc nam là chính (*thuốc cỏ cây lá...*) (*muaz cxuôx đruôz*) cùng các nghi lễ, như cúng bái (*ntaox nênhz nthuôk zeis*), lễ cầu xin bỏ tát phù hộ (*Thaor pux coangz zênhz*), lễ cầu thần đòi (*thiên địa*) phù hộ cho có con (*Thaor haur taox tuz cis*), các nghi lễ nêu trên thường chỉ dùng một hoặc hai nghi lễ là có thể sinh con. Nếu đã thực hiện tất cả các bài cúng mà không có con thì phải đi nhận con nuôi về nuôi. Việc nhận con nuôi của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình cũng như người Hmông ở các nơi khác phải qua một quá trình thảo luận về nghĩa vụ và quyền của con nuôi. Qua thu thập thông tin từ các cuộc điền dã chúng tôi thấy, có nhiều cặp vợ chồng sống nhiều năm không có con, nhưng khi nhận con nuôi được một đến hai năm thì lại có con, việc này theo truyền thống của người Hmông *“hai vợ chồng sống thiếu hờn con cái, nên phải nhận con nuôi về nuôi thật tốt để cùng che trở cho hờn con cái thì mới có thể sinh được con”*. Hiện nay hệ thống y tế, đường giao thông, nền kinh tế phát triển, thuận tiện cho việc đi lại nên các cặp vợ chồng thường đưa nhau đi khám, chữa ở các trung tâm y tế, các bệnh viện...

2.5.3. Nghi lễ cầu xin Quan âm bồ tát

Đây là nghi lễ có nguồn gốc xuất phát từ truyền thuyết của tộc người Hmông, nghi lễ này thường được thực hiện thờ cúng tại các khe đá hoặc vách đá núi, có nơi thì do con người tự dựng lên và đục đẽo tượng đá hình người cụ thể, có nơi thì do truyền thuyết để lại và có tính linh thiêng, người Hmông gọi là (*thaor pux coangz zênhz*). Tính (*thaor pux coangz zênhz*) đúng nghĩa là xin Quan thế âm bồ tát phù hộ cho đẻ có con. Có nơi gọi là nghi lễ để xin con và khi thực hiện gia chủ cũng phải thề với những sính lễ cụ thể và hẹn thời gian. Thường là cầu xin trong vòng 3 tháng đến 6 tháng là có con. Khác với nghi lễ cầu xin Thiên địa phải nhờ Thầy cúng, nghi lễ cầu xin Quan Thế âm bồ tát chỉ là hai vợ chồng vô sinh tự đi xin và việc cầu xin này phải thực hiện một cách kín đáo không nói cho người ngoài biết. Theo quan niệm của người Hmông đôi vợ chồng phải đi xin Quan thế âm bồ tát từ sáng sớm, khi chưa có ai đi qua lại bởi họ cho rằng lúc này thì cuộc thề mới “thiên” Quan thế âm bồ tát mới có thể nghe được lời cầu nguyện của hai vợ chồng, nếu đi cầu xin muộn mà đã có người đến xin trước hoặc đã có người đi qua lại coi như đã bị lộ bí mật và bị cho là mất thiêng và không có hiệu quả. Như vậy là phải chọn lại ngày tháng khác để cầu xin. Theo như truyền thuyết kể lại và hiện nay vẫn lưu truyền trong xã hội người Hmông Hoa xã Lùng Phình, đã có nhiều cặp vợ chồng vô sinh đến cầu xin và đã có kết quả.

Thông thường, những gia đình cầu xin, sau khi có con được hơn một tháng thì cặp vợ chồng mang sính lễ tùy theo mình thề lớn thì cúng lớn, thề nhỏ thì cúng nhỏ, có gia đình chỉ mang lễ vật là con gà trống đỏ với hương giấy bình thường, có gia đình có điều kiện hơn thì nhiều lễ vật hơn. Nhưng cũng có gia đình thề cúng cả con lợn với vàng hương, sính lễ lớn cầu kỳ hơn tùy theo vào điều kiện của gia đình, Cách cúng cũng không cầu kỳ và phức tạp.

Tiểu kết chương 2

Tập quán trong mang thai và sinh đẻ truyền thống của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai từ thời kỳ chuẩn bị mang thai đến quá trình mang thai, sinh con cũng như những nghi lễ được thực hành, kiêng kỵ của các thành viên trong gia đình đã thể hiện được rõ yếu tố văn hóa và tâm lý tộc người. Từ khi có thai đến khi sinh đẻ, người Hmông Hoa có nhiều tập tục, nghi lễ và kiêng kỵ. Bên cạnh đó việc sử dụng bài thuốc dân gian cho sản phụ dưỡng thai, tắm, uống... đã góp phần không nhỏ vào việc giữ gìn sức khỏe cho cả mẹ và con. Đây là những kinh nghiệm, những tri thức dân gian đáng quý của người Hmông được tích lũy, trao truyền qua nhiều đời, trong đó có nhiều tri thức cần được giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Nghi lễ tập quán trong quá trình mang thai và sinh đẻ của người Hmông đã thể hiện được rõ chức năng của nó, vừa là chức năng tái sản xuất con người, chức năng duy trì nòi giống và thể hiện các ước vọng, các quan điểm của tộc người về nhân sinh quan, thế giới quan và tín ngưỡng, văn hóa của cộng đồng tộc người.

Chương 3

TẬP QUÁN, NGHI LỄ THỜI KỲ NUÔI DẠY TRẺ NHỎ CỦA NGƯỜI HMÔNG HOA

3.1. Tập quán, nghi lễ nuôi con nhỏ

3.1.1. Nghi lễ đặt tên cho con nhỏ

Người Hmông quan niệm, khi sinh ra, đứa trẻ chưa có linh hồn và linh hồn sẽ được tồn tại trong cơ thể của đứa trẻ sau khi gia đình làm lễ gọi hồn về. Vì thế người Hmông quy định sau 3 ngày (sáng ngày thứ 3) gia đình phải tổ chức làm lễ gọi hồn (*hu pli*) cho trẻ. Đây là một lễ lớn của vòng đời con người Hmông, vì nó chính thức thông báo sự ra đời của một thành viên mới trong xã hội. Lễ gọi hồn được tổ chức to hay nhỏ là tùy thuộc vào khả năng kinh tế từng gia đình. Ở gia đình kinh tế khó khăn, quy mô làm lễ gọi hồn có thể chỉ trong phạm vi gia đình cùng một vài gia đình láng giềng. Nhưng với những gia đình có điều kiện kinh tế, khi làm lễ gọi hồn có thể mời các gia đình trong dòng họ hoặc cả bản. Lễ vật là một đôi gà (1 mái, 1 trống), 1 trứng gà, 3 nén hương đặt trên miệng chậu (*sot*) gạo, đặt vào ghé kê cạnh cửa chính (có gia đình còn mổ thêm một con lợn). Từ sáng sớm, khi mặt trời chưa mọc, lễ gọi hồn đã được tiến hành. Người thực hiện lễ gọi hồn thường là ông bà ngoại, ông nội hoặc mời một người khác trong bản biết gọi hồn để gọi hồn cho đứa trẻ. Nội dung gọi hồn là: từ hôm nay giờ này trở đi, đứa bé là thành viên trong gia đình, hồn cháu bé xung hợp với gia đình và trao cho đứa bé chiếc vòng cổ bạc trắng chiếc áo sơ sinh để làm khoá giữ hồn ở lại với bố mẹ, anh chị, ông bà, không cho hồn đi lang thang sẽ gây ốm đau bệnh tật. Sau lễ gọi hồn là lễ đặt tên cho đứa trẻ. Người Hmông nói chung, người Hmông Hoa nói riêng cho rằng đây là ngày đặc biệt nhất đối với đứa trẻ và sau lễ này đứa trẻ mới chính thức được coi là thành viên trong gia đình, được rời khỏi bếp và nằm trên giường. Để thực hiện lễ đặt tên, gia đình phải chọn một người trong dòng họ có uy tín và thường là những người như trưởng họ, am hiểu phong tục tập quán và “*phải biết hết lý lẽ cúng của người Hmông*”. Đồ lễ được chuẩn bị là 01 đôi gà già, 01 chiếc bàn con để đồ lễ được đặt ở trước cửa chính, đôi gà mà được dùng để gọi vía trẻ mới sinh phải để cả đầu, chân,

đòn cánh và rút xương đùi cả hai con gà ra để cắm que xem, đầu, chân, đòn cánh phải xếp vào một đĩa riêng cẩn thận bày lên mâm, 02 chén rượu, 02 chén nước, giấy bản. Khi chuẩn bị đồ cúng xong thì mời thầy cúng ra cúng tổ tiên trước, trước khi cúng phải bày một mâm cơm đầy đủ các món và phải là mâm đầu tiên để cúng lễ các cụ tổ tiên chứ không tùy tiện. Bài cúng này cơ bản giống với bài cúng tổ tiên nhưng chỉ khác ở chỗ, báo với tổ tiên là nhà dòng họ này đã thêm một nhân khẩu mới (là con trai hay con gái) phải báo cáo một cách rõ ràng, xin tổ tiên phù hộ cho con cháu mạnh khỏe hay ăn chóng lớn, khôn ngoan, bài cúng này tiếng Hmông gọi là (*Nal chël pux zours hnuz nor lal tul tuz iz nul tós tâuk iz tul tuz cxaz hay là nraik cxaz, uôs grax uôs kangr xar tsi tâuk naox tsi tâuk hâus....*). Khi cúng tổ tiên xong người trực tiếp cúng này sẽ hỏi người bố, người mẹ đẻ của trẻ mới sinh ra thích đặt tên cho con là gì? Lễ đặt tên cho con phải xem giờ, ví dụ đứa trẻ sinh ra vào giờ Ngọ thì không được làm lễ đặt tên cho đứa trẻ vào giờ Ngọ bởi người Hmông cho rằng điều đó sẽ không tốt cho đứa trẻ trong quá trình chúng lớn lên. Nhiều khi gia đình đã dự kiến tên trước cho đứa trẻ, nhiều gia đình lại nhờ vào ông, bà đứa trẻ để đặt tên cho con. Tên hay đặt nhất cho đứa trẻ của người Hmông là: Páo được ví như ngọc; Nhà được ví như bạc; Đá được ví như đá, vì người Hmông quan niệm cứng như đá để ma không dám động vào; Giả được ví là cái chảo gang cứng; Lầu là cái sọt để mang đi xúc cá; khi tên đã được khẳng định rõ ràng thì bày mâm cơm mời mọi người ngồi ăn uống trò chuyện chúc mừng. Khi đã rót rượu trên tất cả các mâm cùng đến lượt thứ hai thì người thầy cúng đó sẽ bảo gia đình lấy chỉ để cuốn thành dây buộc vào cổ đứa trẻ, đối với đứatrẻ nữ (thì lấy 7 sợi chỉ, nam thì lấy 9 sợi chỉ, đây là quy luật đã được quy định của người Hmông) bởi họ quan niệm đây chính là sợi dây “buộc chặt” hồn của đứa trẻ gắn với gia đình, bố mẹ. Tuy nhiên khác với người kinh hay một số tộc người khác thì lại quan niệm nam có 7 vía, nữ có 9 vía, mang ra cuốn chặt và đưa cho tất cả mọi người ngồi trong tất cả các mâm xoa qua đầu đến sau gáy của đứa trẻ lần lượt cho đến hết thì chọn người buộc vào cổ của trẻ và cùng với đó chủ nhà rót hai chén rượu mời người buộc dây uống và công nhận con trẻ đã có tên từ đó và mong muốn đứa trẻ được bình an vô sự. Đây là nghi lễ khai sinh và đặt tên của

trẻ sơ sinh và là mốc quan trọng trong chu kỳ đời người của người Hmông nói chung và người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà nói riêng.

3.1.2. Nghi lễ cúng đầy tháng cho trẻ nhỏ

Sau lễ đặt tên cho đứa trẻ kết thúc đến khi đứa trẻ tròn 1 tháng lúc này gia đình làm lễ đầy tháng cho đứa trẻ theo quy định của cộng đồng. Lễ đầy tháng cho trẻ nhỏ của người Hmông Hoa, xã Lùng Phình bao gồm nhiều tập quán và nghi lễ của cộng đồng. Nội dung bài cúng đầy tháng là: *“Hôm nay ngày....tháng.... năm....đọc tên đứa trẻ, hôm nay gia đình xin được báo cáo với tổ tiên về chia vui cùng gia đình xin tổ tiên được nhận cháu là người của dòng họ... mời tổ tiên về ăn cơm cùng gia đình và phù hộ cho đứa trẻ hay ăn chóng lớn, khỏe mạnh, không bị bệnh tật, xin được phù hộ cho người mẹ có nhiều sữa để nuôi con”*. Về cách cúng, thầy cúng vừa đọc lời cúng vừa dùng 2 tay xé thịt gà, xúc cơm ra bàn để mời tổ tiên về ăn, đổ rượu ra bàn để mời tổ tiên về uống. Theo quan niệm của người Hmông lễ cúng đầy tháng nhằm báo cho tổ tiên về đứa trẻ của dòng họ mới được ra đời đồng thời cũng để cảm tạ công ơn của bố mẹ đứa trẻ khi ở kiếp trước đã chăm sóc và dạy bảo đứa trẻ khôn lớn sở dĩ có điều này là bởi người Hmông có quan niệm con người có kiếp luân hồi.

Đối với người Hmông từ xưa đến nay con cái khi sinh ra đều được mang họ của người bố, bởi theo lý giải của người Hmông cho rằng, người phụ nữ là người từ nhà khác, nơi khác về làm dâu trong gia đình và dòng họ của người chồng, khi mới bước chân về nhà chồng thì người phụ nữ được làm các nghi lễ nhập ma theo họ người chồng, cho nên các con sinh ra đều phải mang họ của người bố chứ không mang họ theo người mẹ. Người Hmông có nhiều lý giải nếu trẻ sinh ra mà mang họ của người mẹ thì thường bị cho là *“con ngoài giá thú”* nghĩa là đứa trẻ sinh ra không có bố, không biết bố của đứa trẻ là ai. Chính vì vậy mà theo quan niệm của người Hmông đứa trẻ sinh ra phải có bố, có mẹ cho nên khi đứa trẻ sinh ra phải mang họ của người bố. Trong gia đình của người Hmông, người chồng là người có tiếng nói quan trọng, có tính thuyết phục và giáo dục con cái mạnh hơn người vợ; là người giữ trọng trách quyết định mọi việc trong gia đình nên đứa trẻ sinh ra luôn mang họ

của người bố và điều này đã thể hiện rõ được yếu tố phụ quyền trong cộng đồng người Hmông. Khi mang dòng họ của bố, cũng thể hiện được tính quy luật, quy tắc để giữ gìn đời sống tín ngưỡng, văn hóa của từng dòng họ của người Hmông bởi ở người Hmông, người ta có những quy định khác nhau trong việc thực hành một số nghi lễ của từng dòng họ. Hiện nay, người Hmông Hoa xã Lùng Phình đã có đến 12 dòng họ cùng sinh sống trên địa bàn xã gồm: Họ Thào, Giàng, Sùng, Hàng, Ma, Tân, Liễu, Ly, Tráng, Sần, Cừ, Vừ. Mỗi dòng họ này đã góp phần làm cho văn hóa của người Hmông thêm đa dạng và phong phú. Bác Giàng Seo Giả, 68 tuổi là Chủ tịch Hội người cao tuổi của xã, sống tại thôn Pả Chư Tỷ 2 cho biết, trước đây người Hmông Hoa có các nghi lễ riêng trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái, các nghi lễ đều theo kiểu truyền thống của dòng họ là chính, dòng họ có những nghi lễ nuôi con cái như thế nào thì các gia đình nuôi con theo nghi lễ đó. Mỗi dòng họ có một cách nuôi trẻ nhỏ riêng, không pha trộn với dòng họ khác. Do vậy, các gia đình của dòng họ này không được tiếp cận cách nuôi dạy con của các dòng họ khác, nếu con cái không nghe lời bố mẹ sẽ bị xử phạt theo dòng tộc, người Hmông xưa vẫn sống kiểu phong kiến “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*”. Như vậy chúng ta có thể thấy người Hmông trước đây sinh sống theo dòng họ, mỗi dòng họ sống trong một thôn riêng lẻ, và các thôn đều có tên gọi riêng của dòng họ: ví dụ như thôn có người họ Giàng sinh sống thì được gọi là thôn họ Giàng, thôn có người họ Lý sinh sống thì được gọi là thôn họ Lý, thôn có người họ Vàng sinh sống thì được gọi là thôn họ Vàng...Cách sống theo dòng họ này được thống nhất chặt chẽ với nhau theo nguyên tắc mà chỉ trong dòng họ mới biết được. Chính vì vậy mà cách nuôi dạy con cái của mỗi dòng họ cũng khác biệt nhau, các tập quán của các dòng họ khó có thể nhầm lẫn được nhau. Nuôi dạy con cái của người Hmông trước đây không đơn thuần chỉ nuôi bằng ăn uống, nói năng...mà cả bằng những câu ca dao, dân ca, tục ngữ ... để nuôi dạy con cái ngoan, nghe lời, biết cách ứng xử trong làm ăn cũng như đối nhân xử thế, cả về việc học thờ cúng tổ tiên và các nghi lễ khác trong dòng họ.

Sau khi lễ đặt tên kết thúc, người mẹ và đứa trẻ sơ sinh sẽ được nhận quà từ những người thân, anh em trong dòng họ đến dự lễ cúng. Mọi người chúc mừng đứa trẻ ra đời, chúc mừng gia đình có thêm một thành viên mới. Đứa trẻ ra đời là niềm vui, hạnh phúc lớn đối với cả gia đình, dòng họ và cộng đồng. Quà của đứa trẻ là những vật phẩm như: chăn, địu, bộ quần áo cho trẻ nhỏ, trứng gà..... Người Hmông quy định riêng đối với những người tặng quà là quần, áo, chăn, địu; thì gia đình phải mổ lợn để tạ ơn và thông thường những người tặng lễ vật này là những người quan trọng trong gia đình như người bà, cậu, chú ở bên ngoại. Nếu gia đình có điều kiện thì mổ luôn lợn để tạ ơn, còn nếu những gia đình không có điều kiện thì có thể nợ đến 2-3 năm sau mổ lợn để tạ ơn cũng được.

Người Hmông Hoa có quy định, trong ngày cúng đầy tháng này các thành viên trong gia đình nhà ngoại phải mang gà, tiền và không thể thiếu chiếc địu tặng cho đứa trẻ. Bà ngoại đứa trẻ và các cậu bên ngoại mỗi người phải tặng cho đứa trẻ một chiếc địu để sau này đứa trẻ sẽ theo mẹ đi làm nương. Vì thế trong ngày này đứa trẻ nhận được khá nhiều địu. Khi mổ lợn để tạ ơn, chính người con rể phải đi mời bố mẹ vợ. Khi đi mời bố, mẹ vợ, chàng rể phải mang theo chai rượu với ngụ ý tạ ơn bố mẹ vợ đã sinh ra người vợ của mình thì mới có đứa con như ngày hôm nay.

Thời gian đầu khi đứa trẻ mới được sinh ra nó chủ yếu là bú sữa mẹ nên sự chăm sóc của người mẹ dành cho đứa trẻ là quan trọng nhất. Trong tháng đầu khi mới sinh con, người mẹ phải kiêng ăn nhiều thứ, thức ăn chủ yếu của người mẹ trong tháng đầu chỉ là thịt gà, thịt lợn, rau ngót, trứng, cơm trắng và xôi, đây được coi là những thức ăn “lành” với phụ nữ sau sinh với mong muốn cho người mẹ có nhiều sữa và lành bụng để không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ sơ sinh.

3.1.4. Lễ cúng khi trẻ nhỏ bị ốm

Khi chúng tôi thực hiện cuộc phỏng vấn sâu anh Ma Seo Diu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lùng Phình về “*Nghi lễ cúng khi đứa trẻ bị ốm*” thì được biết: Khi đứa trẻ bị ốm thì được phân ra làm 2 loại ốm: 01 loại ốm là do vi khuẩn, vi trùng, vi rút gây ra, 01 loại là do ma gây ra. Đối với loại ốm này, gia đình phải nhờ đến thầy thuốc chữa trị cho trẻ hoặc gia đình phải cho trẻ đi khám bệnh tại Phòng khám đa khoa của xã. Loại ốm thứ 02 theo quan niệm của người dân là do con ma ác gây ra thì với

các bệnh này gia đình phải nhờ đến thầy cúng “ra tay” mới có thể đuổi được ma ác giúp cho con người đang ốm khoẻ trở lại.

Nếu trẻ bị ốm do bệnh tật và có biểu hiện sốt rét thì gia đình nên đưa trẻ vào bệnh viện khám chữa mà không cần cúng bái. Khi đứa trẻ bị chấn động mạnh, ngã từ trên cao xuống, hay bị giật mình sợ hãi, Người Hmông Hoa cho rằng những bệnh như vậy là do bị ma ám nên phải mời thầy bói, thầy cúng đối với những bệnh này thì trước tiên thầy cúng phải xem qua cách đồ trứng vào bát nước (*Qruôr kais*), xem hương (*saiz zours, nuav zangz*) và xem cách cần cúng như thế nào thì mới cúng chứ không cúng theo kiểu tự do. Nếu đứa trẻ bị ngã, hay giật mình, như vậy đứa trẻ được cho là bị lệch hồn, xa vía, trường hợp này cần phải gọi vía, chỉnh hồn cho đứa trẻ. Cách cúng này đơn giản, trước khi cúng chỉ cần chuẩn bị một quả trứng, một bát gạo, một con gà. Đối với đứa trẻ là con gái thì dùng gà trống, đối với đứa trẻ là con trai thì dùng gà mái để cúng, gà để cúng là con gà có cân nặng từ 0,5kg đến 1kg. Khi thầy cúng gọi vía bằng quả trứng, quả trứng dựng thẳng đứng không cần giữ là được (*huk plis*), sau đó đưa con gà vào làm lý dựng từ dưới góc chân của trẻ lên đến đầu (*Phux chêr, tsang đrux*) cùng với ba nén hương, ba tờ giấy cắt dài và thêm hai hình người nhỏ bằng giấy tự cắt, khi làm lý cúng xong một tờ giấy và một hình người giấy đưa ra ngoài (*Sangk tourv môl*) còn một tờ giấy và một hình người giấy nhỏ đưa vào trong đầu giường của chủ nhà, để dưới chiếu đúng chỗ ngủ của đứa trẻ (*Lul tsêr*). Nếu thầy cúng nói đứa trẻ (*trâuk đangz, yoangr đangz*) hàm nghĩa là “không được” thì phải cúng cách khác. Đó là cách cúng “gỡ ma đuổi tà” (*Đourk đangz, sangs đangz*). Trong nghi lễ cúng “gỡ ma đuổi tà”, thầy cúng sẽ tiến hành cách ly âm dương bằng bát nước cúng đã được dùng khăn quyết định mệnh (*Ntiv đêx har xir*) từ trước. Sau đó để đứa trẻ ở trong nhà kiêng một đến hai ngày mới được cho đứa trẻ ra ngoài và đi theo bố mẹ. Đây là các cách trừ ma, đuổi tà khi đứa trẻ bị ma ám hoặc trúng tà của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Cũng theo người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, việc trẻ nhỏ bị ốm yếu, phải cúng “giải hạn” hoặc “gửi cửa”. Nếu làm nhiều cách mà vẫn còn ốm yếu thì phải xem số và đeo vòng vía cho trẻ. Nghi lễ đeo vòng vía cho trẻ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình với sự chuẩn bị và thực hành lễ cúng diễn ra như sau:

Gia đình phải chuẩn bị 3 chiếc vòng cuốn bằng tre có đường kính 1,5m. Họ dựng ngoài cửa 1 vòng, giữa nhà 1 vòng và phần giáp bàn thờ 1 vòng. Họ dùng một tấm vải trắng dài 12m, đặt lên trên vòng tre từ cửa chính vào tới bàn thờ. Mâm cúng đặt ở góc phải, phía dưới bàn thờ. Lễ vật bao gồm: 3 đôi đĩa, 3 bát cơm, 3 chén rượu, 3 chén nước, 1 con gà luộc, 1 gói muối. Trên bàn cúng còn có chiêng, kiếm của thầy cúng. Người nhà mời một người trung tuổi, có con cái khỏe mạnh, đến phụ giúp. Người này sẽ đến bế đứa trẻ để tiến hành nghi lễ đeo vòng vía. Khi thầy cúng bắt đầu việc cúng thì đứa trẻ đứng ở ngoài cửa trên mép vải đặt từ giữa cửa đến bàn thờ. Đầu tiên, thầy cúng cho mời tổ tiên của gia đình về chứng kiến việc làm tốt của thầy - là việc cúng cúng lễ hôm nay cho đứa trẻ. Sau đó thầy cúng mời sư tổ của mình về và xin ban cho phép mau để trừ tà diệt ma. Tiếp đó, thầy cúng gõ một hồi chiêng dồn dập, vừa gõ vừa gọi các âm binh đến. Thầy cúng uống một hớp rượu sau đó múa xung quanh nhà. Mỗi khi rú lên một tiếng, thầy cúng lại đâm thẳng kiếm xuống đất, tượng trưng cho việc trừ ma xấu làm hại trẻ. Khi thầy cúng đi ra đến cửa và đâm thẳng kiếm ra ngoài tức là ma đã bỏ ra khỏi nhà, khỏi đứa trẻ.

Khi ấy, người phụ cúng sẽ cho đứa trẻ bước vào qua vòng tre thứ nhất. Khi đứa trẻ bước vào trong vòng (qua cửa) thầy cúng bước ra ngoài và chém kiếm xuống đất chỗ đứa trẻ vừa đứng với ý nghĩa là chém ma xấu. Sau đó, thầy cúng đi vào trước bàn cúng, đặt kiếm xuống bàn và cầm chai rượu đổ ra tay tung vào đứa trẻ, tượng trưng nước phép vừa trừ ma, vừa rửa hồn vía đã bị ma xấu làm ô uế. Sau đó, đứa trẻ được người phụ cúng cho bước qua vòng tre thứ hai. Thầy cúng tiếp tục ngâm một ngụm rượu phun mạnh vào nơi đứa trẻ vừa đứng. Tiếp đến, thầy cúng đọc lời dôn hồn vía cho trẻ từ nay vía không được theo ma xấu.

Khi có một tiếng thét lớn của thầy cúng tức là ma đã bỏ chạy và vía đã nhập vào đứa trẻ. Người phụ cúng hai tay đỡ hai vai trẻ và trẻ nhảy qua vòng tre cuối cùng, thầy cúng lập tức cầm vòng vía (cổ, tay, tai) đeo ngay cho trẻ với ý nghĩa là rào vía cho trẻ. Từ nay, hồn vía trẻ sẽ không bỏ đi chơi và ma xấu cũng sẽ không dám bén bằng đến vì đã có vòng vía là thứ vũ khí để trừ tà diệt ma. Kết thúc nghi lễ, thầy cúng, phụ cúng và gia đình cùng ăn cơm, uống rượu bình thường. Khi ra về, thầy cúng được bắt một con gà trống và một lít rượu. Vòng vía đeo cho đứa trẻ được đeo suốt đến lúc già. Trường hợp vòng vía đã đeo tự nhiên rơi hoặc bị mất thì được; còn nếu

người đeo tự tháo ra thì rất có thể họ sẽ bị ốm trở lại nên khi điều này xảy ra họ phải dùng phép vẽ lên đứa trẻ một vòng coi như là vẫn đang đeo vòng vía cho đứa trẻ ấy.

3.2. Tập quán nuôi dạy trẻ nhỏ

Sinh đẻ được “mẹ tròn con vuông” đã khó nhọc, nuôi dạy con khôn lớn còn vất vả hơn nhiều. Bởi nuôi dạy cần một quá trình và cũng là một nghệ thuật. Quá trình đó đòi hỏi không chỉ lòng kiên trì, sự nghiêm khắc mà cả tình thương vô bờ bến cũng như thông hiểu sâu sắc của các bậc làm cha, làm mẹ đối với những đứa con. Lên 6 tuổi những đứa trẻ cắp sách tới trường. Đối với người Hmông Hoa xã Lùng Phình, đó là thời điểm đứa trẻ có thêm sự quan tâm của nhà trường và của các thầy, cô giáo. Vì thế, đây là cái mốc để có thể chia quá trình nuôi dạy con của đồng bào thành các giai đoạn khác nhau.

3.2.1. Giai đoạn bú mớm

Trong quá trình nuôi con nhỏ, người mẹ cung cấp sữa liên tục cho con trong vòng 06 tháng đến 01 năm là quan trọng nhất đối với đứa trẻ vì thế việc theo dõi tuyến sữa của người mẹ trong quá trình nuôi con nhỏ là vấn đề quan tâm nhất của gia đình. Trong thời gian đang nuôi con nhỏ, nếu phát hiện sữa của người mẹ có vấn đề không bình thường như: ít sữa, tắc sữa; sữa mẹ bị mất dần, thấy con nhỏ có hiện tượng đi ngoài nhót lỏng người Hmông Hoa cho rằng đây là vấn đề tuyến sữa của người mẹ đang bị mất dần và trở nên mạn vì thế gia đình thường phải lấy thuốc từ các bà lang cho người mẹ uống nhằm cải thiện tình trạng này.

Các bài thuốc dân gian chữa mất sữa được người dân xã Lùng Phình sử dụng thường xuyên. Bài thuốc rất đơn giản, dễ kiếm, chỉ là vài lá cây rừng (như lá cây mơ rừng), thái mịn, trộn với trứng gà, hấp kỹ lên cho người mẹ ăn. Người Hmông Hoa cho biết, người mẹ chỉ ăn khoảng hai bữa thì tuyến sữa của người mẹ sẽ trở lại bình thường như lúc mới sinh con, có khi có những người phụ nữ dùng xong bài thuốc này thì tuyến sữa nhiều hơn ban đầu. Bài thuốc chữa mất sữa có vị hơi đắng, nhưng rất hiệu quả cho những người mẹ bị mất sữa.

Việc tuyến sữa mất dần theo quan niệm của người Hmông, là do người mẹ kiêng khem không kỹ, không đúng cách; đã ăn các chất chua quá nhiều hoặc do một vài nguyên do khác. Trong thời gian nuôi con nhỏ người phụ nữ cho con bú ít nhất là

đủ 6 tháng tuổi đến 1 năm và có thể tăng thêm các chất dinh dưỡng cho trẻ nhỏ như cho trẻ ăn thêm cháo nghiền bằng bột gạo, ăn dặm sữa ngoài.

Theo quan niệm của người Hmông sau khi sinh con người phụ nữ phải kiêng khem ít nhất là một tháng. Thời gian này sản phụ phải nằm trên giường và đi lại nhẹ nhàng trong phần buồng của hai vợ chồng, không được gặp người ngoài, không được thăm viếng người thân vì điều đó sẽ khiến người ấy không may mắn, không được phép đến gần bàn thờ vì như vậy là xúc phạm thần linh, không được đến gần và sờ tay vào cây chủ nhà vì sợ ông bà tổ tiên quở trách. Thời gian này sản phụ không được gội đầu, tắm giặt mà chỉ được dùng nước nóng để lau người cho sạch sẽ.

Thời gian đầu đứa trẻ chủ yếu bú bằng sữa mẹ. Để đứa trẻ dễ ăn, dễ nuôi và mau lớn trong quan niệm của người Hmông vào hôm làm lễ cúng 3 ngày cho trẻ, gia đình phải mời thầy cúng về để cúng cho đứa trẻ hay ăn và hợp sữa. Người ta phải lấy một ít sữa của người mẹ, sau đó hòa với một ít sữa của một số phụ nữ trong bản vào với nhau để làm phép sau đó người thầy cúng ngâm một ngum sữa này rồi phun đều vào toàn bộ thức ăn trong ngày cúng hôm đó để tránh những người đàn ông trong gia đình bị sét đánh nếu chẳng may bị ăn phải thức ăn có dính sữa của sản phụ. Vì thế, sản phụ trong thời gian đầu được gia đình chăm sóc cẩn thận, không phải làm các công việc nấu ăn hàng ngày, nếu vì hoàn cảnh phải nấu nướng, vào bếp họ phải rất cẩn trọng, chú ý rửa tay sạch sẽ và không để sữa dính vào các đồ vật, thức ăn trong nhà. Hiện nay, nếu phụ nữ cho con bú sữa bình thì họ cũng phải để sữa ở một vị trí riêng trong buồng ngủ, tránh để bừa bãi, gần các đồ vật, dụng cụ khác trong nhà.

Sau khi sinh con, người phụ nữ Hmông Hoa thường không được nghỉ nhiều. Khi con được 1 tháng, người mẹ đã có thể đi lên nương hoặc vào rừng lấy củi, lấy rau lợn, cắt cỏ ngựa... Vì thế, thời gian này người mẹ có thể đi làm cùng hoặc để đứa trẻ ở nhà để bà hoặc anh chị của đứa trẻ trông nom. Chỉ những lúc nghỉ ngơi như buổi trưa, buổi chiều tối hay ban đêm đứa trẻ mới được bú sữa mẹ. Đồng bào Hmông cho rằng, ăn cơm nhá được thì tốt, đứa trẻ sẽ béo và ít bị lỏng ruột. Ăn cháo không phải là tốt vì thế đứa trẻ sẽ không được cứng cáp. Chế độ ăn uống trong thời kỳ này cũng không chặt chẽ. Khi đứa trẻ đói tự khắc đòi ăn. Việc chăm sóc đứa trẻ lúc này không hoàn toàn phụ thuộc vào người mẹ, trong khi đi làm bà hoặc người nhà như em gái và chồng sẽ có thể chăm đứa trẻ.

Khi đứa trẻ mọc một đến hai chiếc răng lúc này gia đình của đứa trẻ tập cho trẻ ăn thêm các thức ăn dặm có thêm chất dinh dưỡng, đồng thời dạy cho đứa trẻ cách đứng, đi, tập cho trẻ nhỏ cách nói như gọi mẹ, gọi bố và gọi tên các thành viên trong gia đình, tập cho trẻ cách cầm thìa để ăn, tự xúc cháo ăn, tự cầm hộp sữa để uống. Đứa trẻ thường được bú sữa mẹ đến khi 1-2 tuổi, có những đứa trẻ bú đến lúc lên 3 tuổi, cũng có gia đình cai sữa cho con nhưng cũng có những gia đình không cai sữa mà tự đứa trẻ bú mẹ đến khi chán và tự bỏ sữa mẹ. Cũng giống như các tộc người thiểu số khác, người Hmông cũng cho rằng giấc ngủ đối với trẻ là rất quan trọng nên các mẹ thường hát ru để dỗ dành chúng ngủ. Những lời hát ru mượt mà, nụ cười, ánh mắt của bà và mẹ không chỉ đưa đứa trẻ vào giấc ngủ một cách nhẹ nhàng và nhanh chóng mà còn kích thích sự phát triển của các giác quan, giúp hình thành trạng thái tâm lý, tình cảm cho trẻ. Hát ru chính là hình thức giáo dục đầu tiên để truyền thụ văn hóa tộc người, truyền thụ kinh nghiệm sản xuất, lòng bao dung, nhân hậu, tình yêu thương con người, gia đình và cộng đồng, yêu thiên nhiên, đất nước, con người và những khát vọng cuộc sống. Mặc dù lúc bé, những đứa trẻ này chưa hiểu được ngụ ý sâu xa của lời hát, điệu hát. Song nó cũng có thể cảm nhận được tình yêu thương, sự che chở của bà, của mẹ và những người thân trong gia đình dành cho nó. Và đây được coi là chỗ dựa tinh thần vững chắc để đứa trẻ phát triển ổn định về mặt tâm lý, nó cũng chính là quan hệ xã hội đầu tiên mà bà và mẹ đã dạy cho thông qua cảm xúc, qua từng lời hát ru [Nguyễn Thị Song Hà, 2011, tr.181]. Trong khi nuôi trẻ nhỏ, người mẹ thường xuyên chú ý chăm sóc cho đứa trẻ từ bữa ăn đến giấc ngủ. Nếu phát hiện trẻ nhỏ hay bị giật mình, sợ hãi thì gia đình phải nhờ đến ông, bà có kinh nghiệm giúp làm “lý” hoặc là lễ cúng bái để giải tà. Nghi lễ để giải tà trong trường hợp này ở người Hmông Hoa thực hiện rất đơn giản. Thường là gia đình thắp hương và tự cúng lễ (khi thắp hương không cần thiết phải có lễ vật). Bài lễ cùng khẩn nhờ đến ông, bà tổ tiên giúp là chính với lời giải xin cho đứa trẻ không còn bị giật mình, sợ hãi. Đồng thời, người hành lễ làm động tác kéo áo đứa trẻ và tưới nước dùng gùi đầm theo sau, (tiếng Hmông gọi là *Cxowz chênhz*).

Nếu phát hiện trẻ nhỏ bị sốt nhẹ, đi kèm với nôn mửa nhiều, theo dân gian Hmông gọi là hiện tượng *trúng gió*; thì dùng tro bếp để hút hoặc theo cách khác là dùng tóc rối với gừng hơ nóng để đánh gió cho đứa trẻ. Một số gia đình có điều kiện

hơn thì dùng đồng bạc trắng để đánh gió cho trẻ và thực tế (*Grul chuô*s) đạt hiệu quả tốt đưa trẻ nhanh khỏi hơn. Tuy nhiên, hiện nay kỹ năng chăm sóc trẻ nhỏ của bà mẹ Hmông đã được nâng cao hơn, nếu thấy đứa trẻ nôn mửa nhiều họ đã chủ động đến trạm y tế xã để thăm khám và cho trẻ uống thuốc.

Đứa trẻ mới sinh ra đến khoảng 2 tuổi được gia đình người Hmông chăm sóc rất cẩn thận và chu đáo. Tuy nhiên, khi đứa trẻ mới được sinh ra và được tiếp xúc với thế giới bên ngoài vẫn còn non ớt nên không tránh được các bệnh phổ biến thường gặp như hay sốt, ho, da mẩn đỏ, tưa lưỡi, đi ngoài,...Do vậy, người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình đã sớm hình thành được những bài thuốc dân gian để chữa bệnh cho trẻ. Những bài thuốc dân gian này rất đơn giản, mỗi bệnh có một biểu hiện khác nhau nên những bài thuốc trị bệnh cũng khác nhau. Sau đây là một số bài thuốc chữa trị cho trẻ nhỏ theo kinh nghiệm dân gian của người Hmông Hoa tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà.

Khi đứa trẻ có biểu hiện ốm, nếu trẻ bị sốt nhẹ, không ăn, bỏ bú hiện tượng này được cho là đứa trẻ bị trúng gió (*Trâu*k chuô)s, lúc này gia đình phải chuẩn bị thuốc để đánh gió cho trẻ. Lấy tro bếp sạch đựng vào một cái chén, lấy miếng vải mỏng sạch bịt chặt miệng chén, quấn các mép vải cụm vào đáy chén, rồi lấy tay cầm chặt túm vải lại, đưa miệng chén vào xoa đều vùng bụng của trẻ khoảng 5 đến 10 phút, sau đó lật miếng vải ra kiểm tra chén tro, nếu thấy tro bị hệt một góc chén thì do trẻ bị trúng gió (*muô*z cxâu*r grul chuô*s) tiếp tục làm vài lần như vậy trẻ sẽ khỏi sốt và trở lại bình thường.

Cũng theo kinh nghiệm dân gian khi thấy 2 nách và 2 bẹn của đứa trẻ bị đỏ và xước nhẹ (*hăm nách, bẹn*), biểu hiện là đứa trẻ quấy khóc do đau và rát. Đối với bệnh này, gia đình lấy đất vàng khô của bếp lò mang đập mịn, sau đó lau, rửa nách và 2 bẹn của đứa trẻ cho sạch, tiếp theo lấy vải mềm chấm cho khô và rắc bột đất vào chỗ xước đỏ của trẻ. Làm một hai lần như vậy đứa trẻ sẽ khỏi, theo quan niệm của người dân nơi đây thì họ không dùng phấn rôm để xoa cho đứa trẻ.

Khi thấy đứa trẻ có biểu hiện các nốt đỏ trên người, trẻ khóc, ít ăn, bỏ bú, lúc này bố, mẹ của trẻ gỡ nhẹ thử. Nếu thấy trẻ ngừng không khóc thì có thể trẻ bị bệnh nổi nốt mẩn ngứa, với bài thuốc này người dân lấy cây xá đất đun kỹ với nước, để

nguội cho nước còn ấm thì tắm cho trẻ một đến hai lần các nốt đỏ sẽ tự biến mất và khỏi hẳn.

Nếu phát hiện trên người đứa trẻ nổi nốt đỏ dày và đứa trẻ bị ho nhiều, với triệu chứng này thì gia đình phải lấy cây kim ngân đun cho trẻ tắm và uống, làm như vậy một đến hai ngày là trẻ khỏi bệnh. Nếu thấy trẻ xuất hiện các nốt trên người và chứa mụn nước triệu chứng này là do trẻ bị bệnh hơi nước độc, nên với bệnh này gia đình phải hái cây bọ xà phòng ở nơi đầm lầy hay bờ suối (*Jangx sok*) về rửa sạch, vò kỹ lá rồi bôi cho trẻ vào các nốt mụn nước đó một hai lần là khỏi bệnh. Nếu đứa trẻ bị nấc thì cho uống nước và vuốt nhẹ vào ngực đứa trẻ. Nếu đứa trẻ thường hay tè dầm thì lấy mai con cua về nướng và giã ra hòa với nước cho đứa trẻ. Nếu đứa trẻ bị hóc xương thì xoa gáy và lấy chân con rái cá sát 3 lần vào cổ đứa trẻ. Trước kia những đứa trẻ sẽ được theo bà và mẹ đi làm trên nương hay ở nhà cho đến khi chúng đủ tuổi để đi học. Tuy nhiên, hiện nay khi đứa trẻ bước đi cứng cáp thì được bố, mẹ gửi trẻ vào các trường mầm non trên địa bàn xã để đứa trẻ tập làm quen với môi trường xung quanh.

3.2.2. Giai đoạn ăn cơm đến 6 tuổi

Người Hmông cho trẻ ăn cơm khá sớm bước đầu là việc làm quen với “cơm nhá” kết hợp trong thời gian đứa trẻ đang còn bú sữa mẹ. Sau giai đoạn này, khi đứa trẻ không bú nữa thì ăn cơm như các thành viên khác trong gia đình. Đồng thời, khẩu phần ăn của trẻ cũng được làm quen với măng, ớt cay, khẩu vị không thể thiếu được của người Hmông. Giai đoạn này, đứa trẻ cũng không ăn theo bữa. Điều này tùy thuộc vào thời gian đi làm của người lớn và lúc vui chơi của đứa trẻ (nghĩa là lúc nào cảm thấy đói thì tự lấy cơm ăn). Việc ăn uống đó không theo một chế độ hay giờ giấc nhất định.

Điều đáng nói, do điều kiện kinh tế khó khăn khiến, cơ cấu bữa ăn của mỗi gia đình người Hmông nơi đây còn nghèo nàn, nhiều khi quá thiếu thốn có nhà chỉ ăn ngô thay cơm hoặc nếu có cơm thì lại không có thức ăn. Và tất nhiên, nhà có gì ăn nấy trẻ em phải ăn theo người lớn. Đôi khi chiều con cái, bố mẹ cũng rán thêm quả trứng và bắt thêm con cá về chế biến cho con ăn. Có khi cả tuần mới được một bữa ăn tươi (thịt, cá, đậu). Hiện nay tại xã Lùng Phình có 8 thôn thì có 4 điểm trường mầm

non cho trẻ từ 1-5 tuổi. Trẻ ở các điểm trường này đã được Nhà nước hỗ trợ kinh phí ăn hàng tháng nên bữa ăn đã đầy đủ chất dinh dưỡng hơn so với ở gia đình.

Đây là cách nuôi dạy trẻ nhỏ trước 6 tuổi của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, Huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Nhìn chung, gia đình người Hmông rất yêu thương con cái, đứa trẻ từ nhỏ đã được chăm sóc từ những đôi bàn tay yêu thương của ông, bà, cha mẹ, anh chị em ruột và người thân trong gia đình. Bố mẹ rất ít khi đánh, mắng con cái. Người Hmông rất chú ý bồi dưỡng nhân cách cho trẻ từ khi còn bé, đứa trẻ được dạy dỗ nghiêm khắc từ ông bà, cha mẹ. Cách dạy con của người Hmông Hoa về cơ bản không đánh con mà dạy con thông qua ánh mắt, cử chỉ và những hành động của người lớn trong gia đình.

Ngày nay với các phương tiện truyền thông đã đi đến các bản làng, xã cũng thường tổ chức các buổi phổ biến về quyền của trẻ em, nên ngay từ nhỏ những đứa trẻ Hmông Hoa xã Lùng Phình đã được bố mẹ dạy cho tính tự lập, tự giác. Những đứa trẻ đến tuổi đi học, phải tự mình học cái chữ mà bố mẹ phải dạy, phải tự đi học mà không cần gia đình đưa đón mặc dù đường từ nhà đến trường khá xa khoảng 2 - 3 km cũng có nhà 4-5 km, những đứa trẻ nơi đây vẫn tự đi học.

Người Hmông Hoa sống theo chế độ phụ hệ, vai trò của người đàn ông, người con trai trưởng trong gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống sinh hoạt thường ngày. Chính vì vậy mà những đứa trẻ được rèn giũa từ khi còn rất nhỏ, trẻ nhỏ phải biết thật thà, lễ phép, phải biết quan tâm đến người khác, gặp người phải biết chào hỏi...Quan hệ giữa họ hàng không được xung hô tùy tiện, tùy vào các mối quan hệ mà có cách xung hô cho đúng. Phải biết giúp bố mẹ làm việc nhà, việc đồng áng. Đối với những trẻ nhỏ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, 5 tuổi đã biết giúp bố mẹ những công việc như chăn trâu, trông em, nấu cơm và phụ giúp bố mẹ các công việc vặt trong gia đình. Các em trai từ 10 tuổi trở lên có thể cùng bố mẹ, cùng các anh chị vào rừng lấy gỗ, tìm kiếm nguồn thực phẩm tự nhiên hay lên nương trồng ngô. Việc dạy trẻ được thực hiện theo phương pháp giáo dục cổ truyền là dạy theo kinh nghiệm và truyền miệng kèm theo hướng dẫn thực hiện. Con trai chủ yếu do bố dạy, con gái do bố và mẹ hướng dẫn. Ngoài việc học ngay tại gia đình, những đứa trẻ còn học được rất nhiều từ các thành viên khác trong dòng họ, cộng đồng. Những đứa trẻ người Hmông trong quá trình làm việc, lao động không ngừng học hỏi và tích lũy các

kỹ năng sống và lao động sản xuất, được ông bà, cha mẹ truyền dạy những tri thức dân gian cần thiết, bởi thế cho đến khi trưởng thành, chúng đã có thể trở thành trụ cột gia đình, tự lo được cuộc sống riêng [Hoàng Thùy Dương, tr. 64]. Ngoài việc giáo dục trong gia đình, thông qua các việc sinh hoạt thường ngày thì trẻ em người Hmông cũng đã được học tập kỹ năng và kiến thức qua hệ thống trường mầm non, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn của huyện và tỉnh. Tuy nhiên, trong truyền thống suy nghĩ về con trai khá nặng nề nên trẻ em nữ của người Hmông gần như không được đến trường mà phải ở nhà giúp đỡ cha mẹ, các công việc trong gia đình. Điều này cũng đã khiến cho trình độ học vấn, nhận thức và nắm bắt các vấn đề xã hội, văn hóa trong cộng đồng người Hmông khá chênh lệch, nhất là giữa nam và nữ. Ngoài yếu tố tâm lý tộc người thì điều đó cũng đã tác động không nhỏ đến sự tự ti, dè dặt và cam chịu của người phụ nữ Hmông trong cuộc sống hàng ngày.

3.3. Tập quán nhận con nuôi

Trong đời sống xã hội của người Hmông Hoa, việc nhận con nuôi hình thành và duy trì cho đến ngày nay bởi xuất phát từ nhiều lý do, mục đích khác nhau. Những quan hệ nhận con nuôi được cộng đồng xã hội thừa nhận, dựa trên những ứng xử và nguyên tắc đạo đức, con nuôi được thực hiện nghĩa vụ như con đẻ, trở thành thành viên trong gia đình, được coi là người thân và là con cái trong gia đình, dòng họ. Quan hệ giữa con nuôi và con đẻ là quan hệ họ hàng, là anh/chị/ em gần gũi và thân thiết. Tùy theo tuổi tác mà có cách xưng hô, ai nhiều tuổi hơn thì là anh/chị, ai ít tuổi hơn là em.

Có rất nhiều lý do để nhận con nuôi, trong đó có lý do là xuất phát từ tình người, là sự thể hiện cao độ tình cố kết của cộng đồng, tương thân, tương ái và lòng hào hiệp của người Hmông nói chung, người Hmông Hoa xã Lùng Phình nói riêng.

Ở người Hmông Hoa, nghi thức nhận con nuôi gồm các bước sau:

Bước 1: Đối với gia đình người Hmông Hoa khi bắt đầu nhận con nuôi thì gia đình nhận con nuôi phải nắm được toàn bộ lý lịch của đứa con nuôi, đặc biệt là sức khỏe, tính cách... Tập quán này theo thông tin của người Hmông Hoa trước đây việc nhận con nuôi chỉ là thoả thuận một cách đơn giản, bằng cách trao đổi qua một số vật chất, không có giấy tờ bảo đảm cho con nuôi, nhận con nuôi... Hiện nay, việc nhận con nuôi không phải đơn giản như trước kia mà phải làm đầy đủ các thủ tục giấy tờ,

hồ sơ để đảm bảo quyền và lợi ích của con người theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ, hồ sơ này phải được công khai minh bạch, hai bên cho và nhận con nuôi cùng phải ký kết vào các biên bản được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Hồ sơ phải được làm thành bốn bộ, bên cho con nuôi giữ một bộ, bên nhận con nuôi giữ một bộ, Ủy ban nhân dân xã tại nơi cho con nuôi giữ một bộ, gửi một bộ cho Ủy ban nhân dân xã tại nơi được nhận con nuôi, các hồ sơ này đều có giá trị pháp lý như nhau. Bên được nhận con nuôi có trách nhiệm nhập khẩu con nuôi của mình vào sổ hộ khẩu của gia đình, con nuôi phải có đầy đủ các quyền tự do như các thành viên trong gia đình.

Bước 2: Các lễ nghi trong nhận con nuôi cũng được bắt đầu tiến hành làm trong gia đình nhận con nuôi theo tập quán.

Nghi lễ này cũng diễn ra tương tự như một đứa con đẻ mới sinh ra; đồ cúng lễ cần chuẩn bị gồm: một đôi gà, một quả trứng, một bát gạo, một cây hương để gọi hồn, vía của con nuôi về nhập gia tộc trong gia đình, báo với tổ tiên là gia đình từ nay có thêm một thành viên mới, *“xin tổ tiên phù hộ cho con nuôi được sống khoẻ mạnh, bình an”*. Việc gọi hồn, vía về nhập gia tộc của gia đình người nhận con nuôi phải chọn người thầy biết gọi hồn.

Cách gọi hồn: Đặt quả trứng lên con dao hoặc trên đáy chai thủy tinh, lúc này thầy cúng gọi hồn khi nào quả trứng dựng đứng trên con dao hoặc đáy chai thủy tinh là được (*plis lèk lul*). Kể từ thời điểm này, đứa trẻ đã được công nhận là con cháu trong gia đình.

Tiếp theo, gia đình mang bát gạo và quả trứng nấu cho đứa trẻ ăn, còn đôi gà được chặt ra, khi chặt thịt phải rút xương đùi cắm que để phán đoán xem con có được đi xa hay không? có nên kiêng gì hay không? Kiêng như thế nào?....

Tiểu kết chương 3

Tập quán, nghi lễ nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai là biểu hiện sự “sinh động” văn hóa tộc người, với truyền thống hiếu thuận tổ tiên, ông bà, cha mẹ thương yêu đùm bọc con cháu, anh em có tôn ti trật tự, thuận hòa. Việc nuôi dạy con cái trong gia đình người Hmông Hoa thể hiện sâu sắc văn hóa ứng xử giữa con người với con người, với dòng họ và với cộng đồng. Trong quá trình nuôi dạy trẻ nhỏ từ sau khi sinh đến khi đi học, trưởng thành, những đứa trẻ người Hmông phải thực hiện rất nhiều tập tục, nghi lễ của cộng đồng. Nghi lễ ấy nhằm chứng minh cho sự tồn tại, phát triển và vị trí của đứa trẻ trong mỗi gia đình, dòng họ của người Hmông, đồng thời nó cũng thể hiện được chức năng “tái hiện” văn hóa tinh thần, tâm lý và tình cảm, thế giới quan, nhân sinh quan của cộng đồng tộc người. Những phong tục tốt trong truyền thống vẫn được giữ gìn như một dấu ấn tồn tại với thời gian, ăn sâu vào đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Cùng với sự phát triển của xã hội hiện đại, cách nuôi dạy con của người Hmông Hoa ở Lùng Phình đã có nhiều thay đổi, để phù hợp với sự hội nhập quốc tế, tuy nhiên đồng bào vẫn giữ gìn những nét đẹp trong thuần phong mỹ tục truyền thống. Nuôi dạy con cái không đơn thuần là lo cho cái ăn, cái mặc, mà còn là sự giáo dục một cách toàn diện cho đứa trẻ, là sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, giữa truyền thống với hiện đại. Điều này đồng nghĩa với việc vừa giáo dục cho trẻ hiểu về truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời vừa tiếp thu kiến thức khoa học để bắt kịp với xu thế phát triển thời đại.

Chương 4

BIẾN ĐỔI TRONG TẬP QUÁN, NGHI LỄ SINH ĐẼ VÀ NUÔI DẠY TRẺ NHỎ CỦA NGƯỜI HMÔNG HOA

4.1. Một số biến đổi trong tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ

Sau khi xây dựng gia đình mong muốn đầu tiên của hai bên gia đình và đôi vợ chồng là có con. Đứa trẻ sẽ là sự dây tình cảm của vợ chồng được thắt chặt thêm. Đặc biệt thời điểm ra đời đứa trẻ sẽ là cái mốc đánh dấu sự hình thành của một gia đình mới, mang ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người thân và dòng họ, đứa trẻ sinh ra khiến họ hàng thêm đông đúc, ông bà vui mừng vì nòi giống tiếp tục được duy trì. Đối với người chồng, đứa trẻ đưa anh ta lên một bậc làm cha và trở thành niềm hy vọng cho một tương lai sau này. Đối với người vợ, một phần trách nhiệm làm dâu, làm vợ đã được thực hiện khi đứa trẻ ra đời. Hơn nữa, điều đó còn khẳng định được chức năng sinh đẻ khẳng định quyền làm mẹ cũng như vị trí của người phụ nữ trong gia đình. Khi đứa trẻ sinh ra được khỏe mạnh, thông minh, nhanh nhẹn vẫn là điều mơ ước của cả gia đình và dòng họ. Qua nghiên cứu thực tế tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai cho thấy từ năm 2009 trở về trước vấn đề trọng nam khinh nữ, muốn có con trai để nối dõi tông đường vẫn còn khá nặng nề và việc chăm sóc trẻ nhỏ vẫn chưa được quan tâm, chính vì muốn có con trai để nối dõi, *“năm 2008 tại thôn Xín Chải, Xã Lùng, có một phụ nữ qua đời vì muốn có con trai cho gia đình nhà chồng và dòng họ, khi người phụ nữ này có hiện tượng sinh con thứ 2, y tế thôn bản đã biết và vận động gia đình cho đi viện sinh con nhưng do người phụ nữ này đẻ lần đầu là con gái và mổ đẻ. Đến lần thứ 2 cũng con gái và theo bác sỹ nói nếu đẻ con đầu phải mổ lấy con thì lần thứ 2 cũng phải mổ và sẽ không được đẻ tiếp lần thứ 3. Nếu đẻ tiếp lần thứ 3 sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng người mẹ và đứa con nên người phụ nữ này đã quyết không đi viện mổ mà đẻ con ở nhà với hy vọng lần thứ 3 sẽ đẻ được con trai và sẽ không phải đi viện mổ đẻ nên người phụ nữ này đã bị băng huyết và tử vong”*.

Khi được hỏi về vấn đề liên quan đến sức khỏe bà mẹ trẻ em tại xã Lùng Phình thì chúng tôi được cô Giàng Thị Trấn, 54 tuổi, thôn Lùng Phình, xã Lùng Phình hiện đang công tác tại Phòng khám đa khoa Lùng Phình cho biết: *“Trước đây khoảng từ năm 2009 trở về trước vấn đề chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tại xã gặp*

rất nhiều khó khăn. Việc sinh đẻ đối với những người phụ nữ nơi đây thường thì sinh tại nhà hoặc ở nương rẫy, bà đỡ là những người mẹ chồng, chị chồng, mẹ đẻ và những người phụ nữ lớn tuổi trong thôn bản, thậm chí có những người phụ nữ tự đỡ đẻ cho mình. Y tế thôn bản vào tận nhà vận động nhưng rất ít khi gặp vì họ thường đi làm nương rẫy. Việc tiêm chủng cho trẻ nhỏ cũng gặp khó khăn không kém có những gia đình không đồng ý cho y tá tiêm chủng cho con vì họ quan niệm con cái họ không làm sao và không phải tiêm”.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội và hội nhập quốc tế, kinh tế, văn hóa xã hội mà các bà mẹ sau sinh đã có một chế độ chăm sóc hợp lý hơn nguồn thức ăn đa dạng hơn để có đủ sức khỏe nuôi con và có sữa cho con bú. Trước đây trong thời gian mang thai người phụ nữ vẫn ăn bình thường, không được bồi bổ và thậm chí là không dám ăn nhiều vì sợ khó đẻ. Tuy nhiên, những năm gần đây người Hmông đã nhận thức hoàn toàn khác, thay đổi nhiều và không còn kiêng khem như trước kia. Cũng có nhiều gia đình đã bồi bổ sữa cho thai phụ để cho thai phụ và thai nhi có sức khỏe tốt. Song cũng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình và mức độ bồi dưỡng cho thai phụ, sản phụ khác nhau, thông thường phụ nữ mang thai đã được uống sữa đặc có đường (sữa ông thọ, sữa phương nam) hay sữa dành cho bà bầu như sữa Vinamil vào giữa các bữa ăn. Đứa trẻ được sinh ra được sống trong tình yêu thương của gia đình, ngoài những nghi lễ cần thiết trong gia đình thì đứa trẻ còn được đưa đến Phòng khám đa khoa khu vực tiêm chủng để phòng các loại dịch bệnh. Sự hiểu biết về việc chăm sóc trẻ nhỏ theo sự tiến bộ của khoa học phần nào giảm bớt được rủi ro trong việc sinh đẻ và chăm sóc trẻ nhỏ, tạo được tâm lý yên tâm cho bà mẹ và gia đình. Hiện nay, những người phụ nữ khi mang thai cũng đã được gia đình đưa đến trạm y tế xã để khám thai định kỳ. Phòng khám đa khoa, Bệnh viện đa khoa huyện cũng đã được đón nhận các bà mẹ đến sinh con nhiều hơn. Tuy nhiên, so với các vùng miền khác thì điều kiện về kinh tế, cơ sở vật chất của trạm y tế xã vẫn còn rất nghèo, dụng cụ khám chữa bệnh vẫn còn thô sơ và tâm lý sinh con tại nhà vẫn khá phổ biến trong cộng đồng người Hmông đặc biệt là ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Những biến đổi về chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh hiện nay do sự phát triển mạnh mẽ của xã hội về mọi mặt, lĩnh vực kinh tế là then chốt, văn hóa giáo dục,

công nghệ thông tin kéo theo các biến đổi của tập quán nghi lễ trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh của người Hmông một cách rõ rệt. Nhận thức của các gia đình về thế giới quan, quan niệm về sự đau ốm, bệnh tật, cách chữa bệnh đã có nhiều thay đổi. Trước đây người dân thường hay “đổ lỗi” cho số phận khi gặp các hiện tượng ốm đau, bệnh tật hay tử vong và họ thường tìm đến các thầy mo, thầy cúng, hoặc tự cúng bái cầu xin bồ tát, hoặc cầu xin thần linh, những thế lực siêu nhiên để mong được “cứu giúp” cho được khỏi bệnh. Bên cạnh đó chữa bệnh chủ yếu dựa vào các bài thuốc bằng lá cây, thuốc nam, thuốc đông y gia truyền là những sản vật lấy được trong rừng, trong vườn nhà hay trồng trên nương. Trong cộng đồng của người Hmông, thầy lang là người có uy tín và hiểu biết trong việc chữa trị khi có người đau ốm. Tuy nhiên, khi người bệnh gặp những căn bệnh hiểm nghèo thì thầy lang cũng không thể chữa được. Ngày nay thì người Hmông Hoa xã Lùng Phình đã chủ động hơn trong việc đến khám chữa bệnh ở Phòng khám đa khoa, chữa bệnh bằng thuốc tây y. Đồng bào người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình cũng đã hiểu biết hơn và tin tưởng hơn vào cách hướng dẫn và chữa bệnh của các y, bác sỹ bằng các bài thuốc Tây y. Do vậy, về vấn đề chăm sóc thai phụ và chăm sóc trẻ sơ sinh đến nay đến nay phần lớn cũng đã được các gia đình quan tâm hơn vì thế cũng đã hạn chế được những trường hợp đáng tiếc xảy ra. Hiện nay, khi thấy vợ có biểu hiện mang thai hoặc có dấu hiệu bất thường, người chồng chủ động đưa vợ đến các cơ sở y tế để khám kiểm tra, nghe tư vấn về vấn đề chăm sóc sản phụ và thai nhi một cách cẩn thận, theo định kỳ. Do đó các nghi lễ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe sinh sản trước đây của người Hmông cũng có phần biến đổi cho phù hợp với điều kiện hiện nay, đồng thời các nghi lễ cũng đã được cải tiến cho phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội. Các nghi lễ cúng bái (*khuk nênhz*) như trước đây cũng được hạn chế, việc chăm sóc và khám chữa thai nhi cũng được quan tâm hơn, họ đã biết đến với việc siêu âm hiện đại để xác định được sức khỏe của thai nhi.

Tuy nhiên, những trường hợp nêu trên không phải là phổ biến, thậm chí nó đã được hạn chế rất nhiều so với trước thời kỳ Đảng và Nhà nước ta thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Ngày nay với sự phát triển của y học hiện đại đã có nhiều cặp vợ chồng chậm có con, thích sinh con trai hay con gái có thể can thiệp bằng cách thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, dùng thuốc đông y, tây y.....

Trước kia, người Hmông Hoa thích sinh được nhiều con và thường là thích con trai hơn con gái. Song nhiều năm trở lại đây, nhận thức của người Hmông Hoa về điều này đã có nhiều biến đổi tích cực, mặc dù so với một số tộc người khác như người Thái, người Kinh, người Mường sự biến đổi này có chậm hơn do điều kiện môi trường cư trú ở vùng sâu, vùng xa, song hiện nay, đã nhiều thanh niên nam nữ người Hmông đã có điều kiện tiếp xúc với truyền thông, khoa học kỹ thuật, trình độ học vấn được nâng cao nên họ đã hiểu được rằng, có nhiều con là nguy cơ dẫn đến đói nghèo, sự thua thiệt trong chăm sóc, học hành của con cái và là nguyên nhân dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Vai trò của các cấp chính quyền địa phương trong việc vận động người Hmông sinh ít con, định canh định cư để ổn định đời sống đã ngày càng có hiệu quả. Nhiều người Hmông Hoa đã ý thức được rằng sinh con trai hay con gái không quan trọng, điều quan trọng là phải dạy dỗ chúng nên người, ngoan ngoãn, là người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên trong thực tế thì việc sinh nhiều con ở người Hmông Hoa vẫn còn tồn tại, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, nơi địa bàn đi lại khó khăn.

Ý thức khoảng cách giữa các lần sinh đã được người Hmông Hoa ngày càng chú ý, họ đã hiểu được rằng nếu được con quá gần nhau không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của mẹ, mà những đứa trẻ sinh ra không được chăm sóc chu đáo, dễ đau yếu, bệnh tật và vợ chồng không còn quan tâm đến phát triển kinh tế gia đình nhằm ổn định cuộc sống. Vì vậy, ở những gia đình trẻ hiện nay, khoảng cách giữa những đứa trẻ từ 3-5 tuổi khá phổ biến. Để đảm bảo được khoảng cách sinh, ngày càng đôi vợ chồng trẻ tìm đến các cơ sở y tế để tư vấn, đặt vòng tránh thai, uống thuốc tránh thai, dùng bao cao su. Theo báo cáo số 33 BC-YT, báo cáo của Phòng khám đa khoa Lùng Phình tính đến thời điểm ngày 21/12/2015 cho thấy:

- Tổng số phụ nữ khám phụ khoa chỉ tiêu giao 150 ca, thực hiện 185 đạt 123%. Trong đó cấp thuốc điều trị phụ khoa cho 101 chị em, đặt vòng tránh thai chỉ tiêu giao 54 ca, thực hiện 54 ca (đạt 100% kế hoạch cả năm), thuốc uống tránh thai chỉ tiêu giao 25 ca thực hiện 30 (đạt 120% kế hoạch cả năm), thuốc tiêm tránh thai chỉ tiêu giao 15 ca thực hiện 8 (đạt 53% kế hoạch cả năm), dùng bao cao su chỉ tiêu giao 30 ca thực hiện 36 (đạt 120% % kế hoạch), thuốc cấy tránh thai chỉ tiêu giao 02 ca thực hiện 01 (đạt 50% kế hoạch), triệt sản chỉ tiêu được giao 0 thực hiện 0 ca.

- Tổng số phụ nữ trong xã có thai tiêm uốn ván mũi 02 :chỉ tiêu giao 32 thực hiện 32 đạt 100 % kế hoạch, phụ nữ ở độ tuổi 15-16 tuổi tiêm uốn ván xã được giao chỉ tiêu là 21 ca thực hiện 20 ca đạt 95,2 % kế hoạch.

- Tổng số phụ nữ trong xã đến trạm y tế đẻ trong năm là 27 trường hợp trong đó đẻ con thứ 3 là 3 trường hợp . Số trẻ đẻ ra sống 26 cháu, số trẻ đẻ sinh đôi không có, số trẻ chết 01 cháu.

Những biến đổi trong sinh đẻ, trước đây người phụ nữ Hmông thường có truyền thống đẻ tại nhà mình, đến nay với sự phát triển của hệ thống y tế, người phụ nữ Hmông Hoa xã Lùng Phình cũng đã dần nhận thức được việc sinh đẻ là quan trọng đối với cả đời người phụ nữ và đưa trẻ nên đã chủ động đến Phòng khám đa khoa để được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe cho tốt hơn. Vấn đề đẻ con trong nhà theo truyền thống cũ của người Hmông hiện nay cũng vẫn xảy ra nhưng rất ít, bởi họ đã nhận thức được cách đỡ đẻ thô sơ, không đảm bảo vệ sinh sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Có thể nói, hiện nay được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước của chính quyền địa phương và các ban, ngành nên hệ thống cơ sở y tế ở các cấp từ huyện xuống đến thôn bản đã được trang bị tốt hơn so với trước kia, đường giao thông thuận tiện cho việc đi lại nên người dân cũng đã tích cực, chủ động đến thăm khám tại Phòng khám đa khoa. Người dân tộc thiểu số trên địa bàn của xã Lùng Phình được hưởng 100% về chế độ hưởng BHYT, trong đó có người Hmông Hoa, đối với những đứa trẻ dưới 6 tuổi cũng được hưởng BHYT một cách ưu tiên hơn, nên khi gia đình phát hiện trẻ ốm, đau đã chủ động đưa trẻ đến Phòng khám đa khoa để khám và chữa trị kịp thời, người dân nơi đây cũng ít dùng đến các bài thuốc dân gian hơn, đồng thời cũng được tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng chống về các dịch bệnh. Hiện nay người Hmông Hoa xã Lùng Phình không những chỉ nhận thức về khám chữa bệnh và phòng chống các bệnh tật mà còn nhận thức được rõ về việc vệ sinh an toàn thực phẩm, đây cũng là những vấn đề cần quan tâm và tiếp tục thực hiện để bảo vệ sức khỏe của người dân và của cả cộng đồng.

Trong nghi lễ sinh đẻ nuôi dạy con của người Hmông nói chung, người Hmông Hoa xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng thay đổi rất nhiều so với trước kia vì hiện nay đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người dân đã có nhiều tiến bộ tích cực. Điều đó được thể hiện qua các lễ vật dùng trong nghi lễ, quà tặng của

người thân trong gia đình, dòng họ dành cho cháu bé để dùng cho phụ nữ khi mang thai, cho trẻ sơ sinh và đồ ăn thức uống. Nếu như trước kia lễ vật dùng trong nghi lễ chỉ có thể là gà, lợn thì ngày nay có thể thêm hoa quả nhiều chủng loại, bia rượu. Đồ mừng cho cháu bé trước kia chỉ là ít trứng gà, cái quạt tự làm bằng vải lanh thì ngày nay các gia đình có thể mừng cháu bé những chiếc quạt nhiều màu sắc được mua ở ngoài chợ với nhiều chủng loại phong phú, người ta cũng có thể tặng kèm cho cháu bé những chiếc lắc tay, lắc chân, vòng cổ bằng bạc với ý nghĩa kỳ gió, giúp đứa trẻ khỏe mạnh giống như quan niệm ở người Kinh hay một số ít tiền. Quần áo dành làm tã lót cho trẻ sơ sinh trước kia được làm từ quần áo của bố mẹ và các anh chị em trong gia đình thì nay được các mẹ xin một vài chiếc để làm “khước” từ những đứa trẻ khỏe mạnh khác trong thôn bản, phần còn lại được mua mới với nhiều loại khác nhau như tã lót, quần áo, yếm dãi, bao tay, bao chân, mũ, che thóp... Phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và sản phụ trước kia kiêng khem rất nhiều và rất sợ thai to khó đẻ thì nay đã được bồi dưỡng nhiều chất hơn, đã được uống thêm sữa, các vitamin để tăng cường sức đề kháng, được tiêm phòng để hạn chế bệnh tật.

Một trong những phong tục, tập quán đã ăn sâu vào trong tiềm thức của người Hmông là đẻ tại nhà thì nay đã nhiều biến đổi. Người Hmông đã chủ động đến khám và sinh đẻ tại Phòng khám đa khoa, điều này đã giúp cho việc giảm thiểu tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và mẹ ở người Hmông một cách rõ rệt.

Kể từ khi Luật Hôn nhân và Gia đình ra đời được phổ biến áp dụng rộng rãi ở các tộc người thiểu số nói chung và người Hmông nói riêng, nam nữ thanh niên người Hmông đã ý thức rõ ràng hôn nhân trong việc kết hôn trước tuổi, tỷ lệ kết hôn theo quy định đã tăng lên cũng giúp cho chất lượng cuộc sống của các cặp vợ chồng, kỹ năng chăm sóc bản thân khi mang thai và con cái ngày càng được nâng lên, điều đó cũng đi theo việc trẻ em khi sinh ra được làm thủ tục khai sinh trước Ủy ban nhân dân xã để đảm bảo quyền lợi ngày càng nhiều. Đây là điểm biến đổi kha khá nổi bật trong đời sống của người Hmông bởi quan niệm trước kia chỉ cần đứa trẻ ra mắt tổ tiên theo nghi thức cộng đồng là đủ.

Đối với các trường hợp phụ nữ không có khả năng sinh đẻ, đã không còn chịu nhiều đau khổ như trước, người Hmông hiểu rõ hơn việc vô sinh không chỉ có thể do người phụ nữ mà còn do người đàn ông, nên họ được anh em gia đình người chồng bàn

bạc và tìm phương án tối ưu để giúp đỡ các cặp vợ chồng sớm có con. Người chồng cũng không còn gây áp lực nặng nề vợ, thậm chí biết chia sẻ, động viên vợ chữa bệnh và gìn giữ hạnh phúc gia đình. Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển đã giúp nhiều cặp vợ chồng hiếm muộn có cơ hội để được làm cha, làm mẹ thông qua phương pháp thụ tinh nhân tạo, song việc chữa trị bằng phương pháp này còn khá tốn kém và mất nhiều công sức nên nhiều cặp vợ chồng người Hmông vẫn chưa tiếp cận được.

Hiện nay, đời sống kinh tế của người dân ngày một phát triển, phương tiện truyền thông được phổ biến rộng rãi, thêm vào đó là sự giao thoa văn hóa giữa các vùng miền, nên các nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy con của người Hmông đã thay đổi nhiều theo sự phát triển của xã hội, không còn giữ nguyên nghi lễ như trước kia. Khi những trẻ nhỏ bị ốm sẽ được bố mẹ đưa đến trạm y tế khám chữa bệnh. Con cái của người Hmông khi sinh ra cũng được chăm sóc chu đáo cả về ăn uống, dinh dưỡng đến cách tiếp cận của xã hội. Khi đứa trẻ mới được 1 -2 tuổi cũng đã được gửi vào các nhà trẻ, trường mẫu giáo để học. Đến nay, việc nhận thức về việc chăm sóc trẻ nhỏ của người Hmông Hoa đã ngày một đổi mới; các gia đình đã chủ động cho con đi học thêm nhiều thứ tiếng (như tiếng Kinh, tiếng dân tộc,...). Do được tiếp cận với nền kinh tế thị trường, văn hóa xã hội, phong tục tập quán và nghi lễ của nhiều dòng họ đã thay đổi. Hiện nay, người Hmông Hoa xã Lùng Phình không chỉ biết nói tiếng của dân tộc mình mà còn nói được nhiều thứ tiếng của các dân tộc khác, như tiếng phổ thông, tiếng dân tộc Phù Lá, tiếng Quan Hoả, tiếng Kinh....trẻ nhỏ đã được đi học tại các điểm trường trong xã, trong huyện và trong tỉnh, Hoạt động du lịch ngày càng phát triển ở Lào Cai, vì thế đã có nhiều gia đình định hướng cho con học thêm tiếng Anh với hy vọng có thể tìm được việc làm ổn định sau này và có cơ hội kiếm tiền thông qua du lịch và buôn bán. Ở một số gia đình do điều kiện mở rộng quan hệ xã hội nên cũng góp phần mở hơn trong việc nuôi dạy con cái có thể được học tập từ bạn bè bên ngoài nhưng với định hướng của bố mẹ là phải học lễ cho tốt (*tiên học lễ, hậu học văn*), với mục đích để phụ vụ cuộc sống, phát triển kinh tế hộ gia đình và xã hội. Đồng thời bố mẹ cũng dạy thêm con về cách sống đoàn kết, dạy trẻ nhỏ biết thương yêu con người, nhận biết được điều hay lẽ phải.

Khi đứa trẻ đến tuổi đi học, trong truyền thống xưa kia người Hmông Hoa chỉ ý thức giáo dục trẻ các công việc của gia đình theo định hướng giới tính. Trước kia người

Hmông Hoa chỉ cho con trai đi học văn hóa vì họ cho rằng con trai sẽ là trụ cột trong gia đình, con gái sẽ đi lấy chồng và là con của nhà người ta. Nhưng những năm trở lại đây, do tác động của các chính sách, công tác tuyên truyền vận động, nhận thức của người Hmông Hoa đã có thay đổi một cách rõ rệt. Trẻ được cấp sách đến trường không phân biệt nam hay nữ. Nhiều gia đình khá giả còn cho con đi học ở các trường huyện, trường tỉnh và thậm chí còn được đi học thêm tiếng Anh ngay từ nhỏ để phù hợp với sự phát triển của xã hội. Một số gia đình đã có định hướng cho con theo khả năng, sở thích.... Đây là sự thay đổi căn bản trong phương thức giáo dục con của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà.

Ngày nay, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền cùng với nhiều thành quả của quá trình xây dựng nông thôn mới, việc nuôi dạy con cái của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình đã có nhiều thay đổi rõ rệt, cơ bản. Đầu tiên phải kể đến là những bữa ăn và khẩu phần ăn cho trẻ, đã được bổ sung thêm thành phần dinh dưỡng. Trẻ từ 1-5 tuổi bố mẹ cho đi học mẫu giáo, thời gian học sáng từ 7h30 đến 17h chiều. Đối với trẻ đến độ tuổi đi học, các em đều được học bán trú, trẻ được ăn đầy đủ chất dinh dưỡng đảm bảo sức khỏe để học tập tốt.

Theo thống kê giáo dục bậc mầm non và giáo dục bậc tiểu học tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tính đến thời điểm tháng 5/2016 có số liệu cụ thể như sau:

Về giáo dục bậc mầm non

- *Quy mô mạng lưới trường lớp*: Năm học 2015-2016 xã có 01 trường mầm non công lập, 04 điểm trường.

Điểm trường lẻ: 4 điểm, với tổng số 134 trẻ.

- *Đội ngũ cán bộ, giáo viên*: Tổng số 19 người, trong đó CBQL: 02, GV: 14; Nhân viên: 03. Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên: 100%, trong đó có 57,1% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Tỷ lệ giáo viên/ lớp: 2.

- *Cơ sở vật chất*: Số phòng học: 7, số phòng kiên cố: 02, phòng bán kiên cố: 5, phòng tạm: 0. Phòng chức năng: 02; Nhà vệ sinh: 05; công trình cấp nước: 01. Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- *Chất lượng giáo dục*: Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường: 94,2%. Huy động 100% trẻ mẫu giáo đến lớp. Tỷ lệ trẻ được ăn bán trú tại trường: 100%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 2,3 % và thể thấp còi còn 4,6%. Trường giảng dạy theo chương trình giáo

dục mầm non mới.

Về giáo dục bậc tiểu học

- Toàn xã có 01 trường với 12 lớp, 191 học sinh. Mạng lưới điểm trường cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học.

+ Tổng số trường: 01, trong đó điểm trường lẻ: 03 với 12 lớp, 191 học sinh. Lớp 4 có 02 lớp với 36 học sinh, lớp 5 có 02 lớp với 34 học sinh.

- *Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên*: Tổng số có 22 giáo viên, trong đó CBQL: 03, GV: 15, Nhân viên: 04. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên là 100% trong đó trên chuẩn 100%. Tỷ lệ giáo viên/ lớp: 1,25.

- *Cơ sở vật chất*: Diện tích đất hiện có 6702.8 m². Trường đạt trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Toàn trường có 12 phòng học.

- *Chất lượng giáo dục*: Hạnh kiểm: HS thực hiện đầy đủ (đạt 100%). Học lực khá, giỏi (đạt 58%). Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học là 100 %. Tỷ lệ học sinh học 3 buổi / tuần: 100%.

Người Hmông Hoa hiện nay cũng nhận thức được cách nuôi dạy con cần phải gắn với sự phát triển của xã hội. Do vậy trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiều người Hmông Hoa đã cho rằng cần phải thay đổi tư duy, thay đổi nhận thức, thay đổi cách nuôi dạy con để theo kịp xu thế phát triển của xã hội. Thực tế trên địa bàn xã Lùng Phình hiện nay cách nuôi trẻ nhỏ của người Hmông Hoa thay đổi một phần là do hệ thống cơ sở hạ tầng tốt, đường giao thông thuận tiện, các cơ sở y tế, giáo dục cũng được trang bị một cách hiện đại. Ngày nay những đứa trẻ người Hmông sinh ra được các chuyên gia y tế hướng dẫn, tư vấn nuôi theo cách khoa học, như hướng dẫn về cách tăng chiều cao cho trẻ nhỏ, về cân nặng... cả về cách chăm sóc trẻ nhỏ cho đến cách điều chỉnh dinh dưỡng để phù hợp với điều kiện thực tế. Vì thế hiện tượng trẻ thấp còi được thay đổi rõ nét, điều kiện môi trường sạch sẽ, đặc biệt là nơi ở và trường học của trẻ sạch sẽ, nơi vui chơi giải trí được mở rộng, sự tiếp cận của trẻ với môi trường xung quanh đã tạo ra cho trẻ nhỏ cách nhìn nhận và hiểu biết nhanh hơn.

Có thể nhận thấy rằng, kể từ khi đổi mới, trình độ dân trí của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai được nâng lên một cách rõ rệt và tiếp thu được những tri thức mới về cách phòng bệnh và chữa bệnh, vừa đỡ tốn kém về công sức, vừa có hiệu quả trong việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ sinh đẻ và trẻ

em. Tuy nhiên, sự biến đổi một số phong tục, tập quan và nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ không làm mất đi những giá trị văn hóa truyền thống mà trái lại còn bổ sung để làm phong phú thêm đặc trưng văn hóa tộc người.

4.2. Xu hướng biến đổi

Từ khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực đến nay, người Hmông huyện Bắc Hà nói chung và người Hmông Hoa xã Lùng Phình nói riêng cơ bản đã nhận thức và nắm được quyền và nghĩa vụ, cũng như các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, công tác phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật luôn được các cấp chính quyền quan tâm chú trọng nên nhiều hủ tục lạc hậu trong việc kết hôn, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con cái ... đã phần lớn được xóa bỏ. Cũng từ đó đã làm thay đổi về nhận thức của người Hmông Hoa trong việc kết hôn. Nam nữ kết hôn theo đúng độ tuổi quy định (nữ đủ 18 tuổi trở lên, nam đủ 20 tuổi trở lên) ngày càng tăng, phần lớn cá cặp vợ chồng đã đủ tuổi kết hôn, công tác chăm sóc sức khỏe thai phụ ngày càng được quan tâm và trú trọng hơn đã bước đầu đạt được những thành tựu đáng kể. Từ các nguồn vốn của Nhà nước đầu tư, các cơ sở vật chất như: điện, đường, trường, trạm đã được xây dựng khang trang, sạch đẹp để phục vụ tốt nhu cầu của đồng bào, các thiết bị trong các cơ sở y tế được trang bị tốt, việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc sức khỏe nhân dân được thường xuyên và hiệu quả. Do vậy, những người phụ nữ Hmông nói chung và người phụ nữ Hmông Hoa ở xã Lùng Phình huyện huyện Bắc Hà nói riêng ngày càng được nâng cao ý thức chăm sóc sức khỏe bà mẹ và thai nhi. 90% phụ nữ mang thai đã đến cơ sở y tế để khám thai, sinh con và được tư vấn về sức khỏe sinh sản, còn rất ít trường hợp sinh đẻ tại nhà và gần như không phải nhờ những người thân đỡ đẻ và cắt rốn cho trẻ nhỏ bằng kéo, dao và tre nứa như trước kia.

Do đời sống ngày một phát triển, nhận thức của người dân dần dần được cải thiện. Từ quan niệm phải sinh nhiều con và sinh con trai, đến nay người dân đã ý thức được việc sinh con theo kế hoạch và thường dừng lại ở con thứ 2. Việc kiểm tra, khám thai định kỳ tại phòng khám đa khoa được chị em phụ nữ Hmông xã Lùng Phình tin tưởng hơn, việc chăm sóc thai phụ, sản phụ và trẻ nhỏ được kết hợp hài hòa giữa Đông y và Tây y. Tuy nhiên cách khám chữa bệnh theo Tây y cho người dân vẫn chiếm vai

trò quan trọng hơn, bởi ở đó có các y bác sỹ đã được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm, hệ thống y tế cơ sở của địa phương được đầu tư, máy móc hiện đại.

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được triển khai đến xã Lùng Phình và được tuyên truyền tới tất cả người dân thì nhận thức của người Hmông đã thay đổi rất nhiều. Lớp trẻ ngày nay không có ý định sinh nhiều con, họ cho rằng đẻ 1-2 con là đủ, vừa để đảm bảo kinh tế gia đình, vừa tạo điều kiện chăm lo cho chúng ăn học. Hay như một số thanh niên còn nói rằng “*Người thì biết đẻ, còn đất không biết đẻ. Nếu đẻ nhiều biết lấy đất ở đâu để làm ăn*”. Tất cả các trẻ sinh ra đều đã được gia đình đăng ký giấy khai sinh tại UBND xã theo đúng quy định. Các trẻ khi đến tuổi cấp sách đến trường đều được gia đình giáo dục theo sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường, người Hmông xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà quan niệm đi học là được nhà trường giáo dục, được mở mang thêm về cách sống cũng như mối quan hệ của con người rộng hơn. Do đó, việc dạy dỗ gia đình đưa trẻ tập trung từ nhiều phía; cha mẹ, ông bà, dòng họ, nhà trường và đoàn thể, trong đó vai trò quan trọng nhất thuộc về gia đình.

4.3. Một số yếu tố tác động đến biến đổi về tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa

4.2.1. Tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Với sự hỗ trợ đầu tư của nhà nước, sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và người dân địa phương, nền kinh tế của xã Lùng Phình đã chuyển dịch theo hướng tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành dịch vụ. Trong 3 năm thực hiện đề án chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, kinh tế nông nghiệp đã có bước phát triển. Đặc biệt các ngành nông nghiệp của huyện Bắc Hà đã tập trung xây dựng nhiều mô hình thí điểm cho xã về giống mới, thực hiện thâm canh tăng vụ, tăng năng xuất các loại cây trồng, trong đó đã mạnh dạn đưa vào thực hiện nhiều giống lúa 838, Việt Lai 20, Tám thơm; các giống ngô: 9696, 9034, C414. Từ các mô hình đã giúp người dân được tiếp cận nhanh với các loại giống mới, có thêm kỹ thuật canh tác nâng cao hiệu quả sản xuất cùng trên một đơn vị diện tích trước đây. Xã Lùng Phình triển khai trồng cây dược liệu Atisô ở các thôn, nhiều hộ dân đăng ký tham gia trồng đã góp phần tăng thu nhập và vươn lên làm giàu.

4.2.2. Tác động từ chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23/9/1994 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Đến nay, đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội ở một số vùng dân tộc Hmông nói chung và tộc người Hmông ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nói riêng đã có những tiến bộ nhất định so với trước. Đồng bào đã được hưởng các chính sách đặc thù riêng từ Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống mọi mặt.

Là 1 trong 3 huyện nghèo của tỉnh Lào Cai, Bắc Hà có 19 xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 giai đoạn II và 4 thôn khó khăn thuộc xã vùng II, được hưởng chính sách ưu đãi theo Nghị quyết 30a “về Chương trình hỗ trợ giảm hộ nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo” của cả nước. Trong một vài năm trở lại đây, với nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Bắc Hà đã có những cải thiện đáng kể, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ lệ hộ nghèo liên tục giảm qua các năm; cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp; các chính sách phát triển văn hoá giáo dục, an sinh xã hội được quan tâm, được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là từ nguồn vốn 30a của Chính phủ.

Từ các nguồn lực đầu tư của Nhà nước, như chương trình 134,135/Cp giai đoạn 2, Đề án 30a của Chính phủ với nội lực của địa phương tập trung dồn sức về các hộ đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, có cơ chế chính sách phù hợp phát triển sản xuất nông lâm nghiệp trong đó tập trung khai hoang diện tích lúa nước, cây con giống có năng suất chất lượng tạo ra sản phẩm hàng hóa, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản thực hiện đầu tư có trọng tâm. Đầu tư mạnh cho công tác giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm, hỗ trợ chuyển giao khoa học, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, đào tạo nghề ở nông thôn để đẩy nhanh tốc độ xoá đói - giảm nghèo trên địa bàn.

Du canh, du cư là tập quán sinh hoạt và sản xuất của đồng bào Hmông và một số tộc người khác. Với năng suất lao động thấp, lối sống tạm bợ, tập quán này còn dẫn đến nạn phá rừng lấy đất trồng trọt, làm suy thoái môi trường, quá tải cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, gây bất ổn xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh chính trị tại địa phương và cộng đồng dân cư. Để khắc phục tình trạng này, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư đối

với đồng bào các dân tộc thiểu số. Chính sách hỗ trợ di dân, thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số bao quát ở nhiều lĩnh vực như phát triển sản xuất, giao thông, điện, nước sinh hoạt, giáo dục, văn hóa, y tế; sắp xếp ổn định dân cư theo hướng quy hoạch mới. Chính sách này đã góp phần phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập và dân trí cho đồng bào Hmông ở Lũng Phình và các dân tộc thiểu số khác ở địa bàn miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Chính sách an sinh xã hội do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin...có tác động rất lớn trong đời sống ở người Hmông Hoa Lũng Phình. Đồng bào đã cơ hội có việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững, thông qua hỗ trợ cá nhân và hộ gia đình phát triển sản xuất, hỗ trợ tín dụng, giải quyết việc làm và kết nối thông tin thị trường lao động. Người nghèo, cận nghèo đã được cấp bảo hiểm y tế miễn phí, tạo cơ hội cho nhân dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe...

Cùng với đó là các chính sách về giáo dục, đào tạo, y tế cũng được Đảng và Nhà nước quan tâm, các hoạt động bán trú của học sinh tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai được củng cố vững chắc, số lượng học sinh ngày một tăng, nền nếp hoạt động bán trú ổn định, việc chi trả các chế độ cho học sinh bán trú đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời. Cơ sở y tế xã được đầu tư khá cơ bản, dụng cụ y tế khám chữa bệnh từng bước được đầu tư mới và hiện đại với các trang thiết bị như: nồi hấp dụng cụ y tế, máy siêu âm, bàn đẻ, bàn khám phụ khoa, giường bệnh, cân điện tử.....cùng với đội ngũ y tá được đào tạo đúng chuyên môn. Do vậy, đã thu hút được đồng bào đến khám chữa bệnh đặc biệt là phụ nữ trong thời kỳ mang thai và trẻ nhỏ, đời sống của đồng bào nơi đây đã được phát triển một cách rõ rệt, tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 rất ít, 100% trẻ sinh ra được tiêm phòng.

Khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, được cấp Ủy chính quyền xã tuyên truyền, người dân cơ bản đã nắm được việc kết hôn sớm không chỉ vi phạm pháp luật mà còn ảnh hưởng đến đời sống vợ chồng, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Do đó, đã hạn chế được tình trạng tảo hôn ở tộc người Hmông Hoa nơi đây.

Ở Việt Nam, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng đến công tác DS-KHHGD bởi nó liên quan trực tiếp đến chất lượng dân số, tới việc hoạch định các

chính sách cũng như xu hướng phát triển kinh tế của cả nước nói chung và từng vùng nói riêng. Chính vì vậy mà các yếu tố dễ nhận thấy trong quá trình đổi mới của người Hmông Hoa ở đây là sự kết hợp, đan xen giữa truyền thống và hiện đại, có sự kết hợp giữa phong tục tập quán với những tiến bộ khoa học mới vào việc chăm sóc sức khỏe của bà mẹ, trẻ em và trong hoạt động nuôi dạy con cái.

Các nội dung tuyên truyền về dân số ở xã Lùng Phình được lồng ghép trong nhiều các hoạt động khác nhau mà không tổ chức riêng để đảm bảo tính cần thiết cho việc tuyên truyền và vận động cũng như để đồng bào dễ tiếp thu. Các nội dung tuyên truyền như:

- Vận động bà con không sinh con thứ 3 trở lên, vận động bà con không sinh con thứ 3.

- Khoảng cách giữa lần sinh từ 3 -5 năm nhằm đảm bảo trong việc nuôi con khỏe, mẹ có điều kiện để làm việc, anh chị lớn trông được em.

- Tuyên truyền các biện pháp tránh thai và khuyến khích việc lựa chọn, biện pháp phù hợp cho mình như đặt vòng tránh thai, sử dụng bao cao su, thuốc tránh thai.....

4.2.3. Tác động từ sự thay đổi trong nhận thức của người Hmông

Kinh tế xã hội phát triển chính là yếu tố tác động trực tiếp đến sự thay đổi nhận thức của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình đối với tập quán sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ, đó cũng chính là yếu tố đem lại nhận thức và suy nghĩ mới cho người dân nơi đây. Đặc biệt là đối với các cặp vợ chồng trẻ. Qua những buổi sinh hoạt Hội phụ nữ, Đoàn thanh niênHay qua các buổi tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được tổ chức tại xã. Tầng lớp thanh niên được tuyên truyền về các kiến thức khoa học và kết hôn, phòng tránh thai ngoài ý muốn, xây dựng gia đình hạnh phúc, sinh đẻ ít con ngày càng được phổ biến.

Các gia đình người Hmông Hoa tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà đã ra ở riêng thường áp dụng những phương pháp chăm sóc con hiện đại ít chú trọng đến tập quán truyền thống, đề cao sở thích và điều kiện gia đình. Tuy nhiên khi gặp phải các vấn đề khi mang thai và trong sinh đẻ như khi mang thai thường đau bụng, nôn ọe...họ vẫn phải nhờ cậy đến vấn đề trong gia đình tư vấn, sử dụng kết hợp giữa thuốc tây y và thăm khám của bác sỹ với các phương pháp chữa bệnh truyền thống. Thêm vào đó là sự giao thoa văn hóa giữa các tộc người, đời sống của đồng bào ngày một khá lên, do vậy đã có nhiều đôi vợ chồng trẻ họ cũng ý thức được việc

sinh con thứ 3 sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình nên mỗi gia đình người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình họ thường sinh 2 con.

4.4. Một số vấn đề đặt ra hiện nay trong tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa và một số đề xuất kiến nghị

4.3.1. Một số vấn đề đặt ra hiện nay

Văn hóa truyền thống của bất cứ tộc người nào cũng đều bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực. Những giá trị văn hóa truyền thống trong các tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa cũng không nằm ngoài quy luật đó. Vì thế, nghiên cứu tập quán, nghi lễ sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa sẽ giúp chúng ta tìm ra những giá trị văn hóa tốt đẹp, nhân văn sâu sắc.

Trong quá trình thực hiện các nghi lễ và phong tục tập quán trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông Hoa vẫn còn tồn tại một số điểm cần được hạn chế.

-Động viên, khuyến khích người Hmông Hoa từ bỏ sinh con tại nhà bởi rất dễ xảy ra những biến chứng nguy hiểm cho sức khỏe của người mẹ và trẻ nhỏ.

- Đẻ tại nhà gia đình không có đầy đủ dụng cụ y tế như băng gạc, dao kéo đã được sát trùng, khử trùng để cắt rốn rất dễ bị nhiễm trùng cho trẻ khi cắt rốn và nhiễm trùng cho người mẹ.

- Nếu đẻ tại nhà không có người đỡ đẻ hoặc người đỡ đẻ không có kinh nghiệm, hoặc không nắm được những kiến thức sơ đẳng về đỡ đẻ thì rất dễ làm cho người mẹ và đứa trẻ gặp nguy hiểm.

-Khi thai phụ có hiện tượng chuyển dạ thì chồng hoặc người thân trong gia đình nhanh chóng đưa sản phụ đến cơ sở y tế để được chăm sóc, vì ở đó có đội ngũ cán bộ y tế đỡ đẻ được học qua trường lớp, có kiến thức đỡ đẻ, biết cách tắm cho trẻ, có đầy đủ dụng cụ y tế đảm bảo, thuốc thang băng bó vết thương (nếu có ở người mẹ) và vết rốn của con.

-Việc chăm sóc sức khỏe sinh sản của người Hmông cũng có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm tốt, từ khi mang thai cho đến thời kỳ sinh nở đều qua một quá trình theo dõi đầy đủ và cẩn thận như: sờ nhẹ lên vùng bụng chữa thai nhi, nghe nhịp đập của thai, nghe thấy thai đạp, kiểm tra vòng quay của thai, đầu, chân.... Trong thời kỳ hiện đại, quá trình chăm sóc sức khỏe cũng có nhiều thay đổi và cũng được kết hợp kinh nghiệm của truyền thống với hiện đại như kiểm tra thai nhi qua máy siêu âm.

-Cần nhận thức đầy đủ về số con và khoảng cách sinh, điều này phải thực hiện tốt Chính sách Dân số-KHHGD của Đảng Nhà nước quy định mỗi cặp vợ chồng chỉ nên sinh từ 1-2 con và khoảng cách sinh là 5 năm thì gia đình mới có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con tốt.

-Một số phong tục tập quán, nghi lễ sinh đẻ tốt nên gìn giữ và phát huy, vì nó cũng góp phần làm tăng thêm kinh nghiệm trong quá trình đỡ đẻ và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Trong môi trường trẻ được chăm sóc tốt thì đứa trẻ sẽ có điều kiện phát triển tốt, trẻ lớn lên sẽ khoẻ mạnh và thông minh.

- Vậy tập quán nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông cũng cần gắn với phong tục tập quán truyền thống và hiện nay để cải tiến phát triển cho phù hợp với các điều kiện thực tế.

4.3.2. Một số đề xuất kiến nghị

Để bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hoá của người Hmông Hoa, đòi hỏi phải có những giải pháp cụ thể cho địa phương. Để làm tốt công tác Dân số-KHHGD và bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, theo tôi cần:

Tăng cường hơn nữa công tác DS-KHHGD và hoạt động y tế tại thôn bản, từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn đội ngũ cán bộ y tế địa phương, đảm bảo các trang thiết bị và đồng bộ để nhân dân tin tưởng và yên tâm đến khám chữa bệnh cũng như kiểm tra thai định kỳ. Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các biện pháp tránh thai, hạn chế tối đa tình trạng nạo phá thai, sinh con thứ 3 trở lên.

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của đồng bào trong khám chữa bệnh định kỳ, xóa bỏ các tập quán lạc hậu, duy trì và phát huy những tập quán, tri thức dân gian có giá trị để đáp ứng tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào.

Thúc đẩy công tác giáo dục nhằm nâng cao trình độ học vấn cũng như nhận thức của người dân về sức khỏe, bệnh tật, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tầm quan trọng của việc đi học đối với trẻ đủ tuổi đến trường.

Đầu tư hơn nữa cho sự phát triển kinh tế và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao mức sống người dân, giúp đồng bào có thể giao lưu học hỏi với bên ngoài.

Hạn chế những hủ tục lạc hậu trong việc kiêng kỵ, bảo vệ thai nhi và nuôi dạy con trẻ. Loại bỏ những hủ tục rườm rà, mê tín dị đoan gây tốn kém, lãng phí để xây dựng cuộc sống lành mạnh hơn.

Tiểu kết chương 4

Tập quán, nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ là một bộ phận văn hóa của tộc người, nó mang tính đại chúng sâu sắc nên có sức sống lâu bền trong tâm thức mỗi con người cũng như thử thách của thời gian. Vì thế dù tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào phong tục tập quán không phải là tĩnh tại và bất biến. Nó sinh ra và tồn tại trong những điều kiện nhất định thì sẽ biến đổi khi những điều kiện đó không còn như cũ, cho dù những biến đổi có thể rất chậm chạp và nhiều khi phải trải qua quá trình đấu tranh quyết liệt.

Ngày nay, khi khoa học kỹ thuật phát triển, giao lưu văn hóa được đẩy mạnh, phong tục tập quán về sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông cũng đã chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố; kinh tế, DS-KHHGD, y tế giáo dục...xong tính cố kết cộng đồng đã khiến cho cái mới và cái cũ đan xen nhau. Người dân đã đi khám chữa bệnh xong cũng có những trường hợp vẫn dùng thêm thuốc bằng lá cây rừng khi bị ốm, trẻ nhỏ vẫn cấp sách tới trường học được nhiều điều lạ đồng thời cũng được cha mẹ, ông bà giáo dục theo cách của truyền thống và tổ tiên.

KẾT LUẬN

Phong tục, tập quán, các nghi lễ trong chu kỳ đời người nói chung, trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái nói riêng là một bộ phận của văn hóa tộc người, nó mang tính đại chúng sâu sắc nên có sức sống lâu bền trong tâm thức mỗi con người cũng như qua thử thách của thời gian. Vì thế, tập quán nghi lễ trong sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, Huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, về cơ bản đã phản ánh đặc trưng thống nhất dân tộc khá đậm nét.

Phong tục làm cho sắc thái văn hoá trở nên đa dạng, phong tục giúp cho ta phân biệt được cộng đồng này, dân tộc này với cộng đồng kia, dân tộc kia. Sống đúng với phong tục, mới là sống với truyền thống. Một khi xa lạ với những phong tục của cộng đồng, thì sẽ không được cộng đồng chấp nhận, sẽ bị xem là trái với văn hoá truyền thống của cộng đồng. Bởi vậy, phong tục tập quán đã ăn sâu vào nếp sống của người dân, định hình thành những quy ước, chuẩn mực văn hóa, chuẩn mực đạo đức mà mỗi người đều phải tuân theo. Tập quán sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông Hoa ở xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, về cơ bản đã phản ánh được đặc trưng văn hóa khá rõ nét. Với hệ thống quan niệm về sinh đẻ, lễ đặt tên, nghi lễ cúng thai, những điều kiêng kỵ khi mang thai, cách nuôi dạy, chăm sóc con cái... người Hmông Hoa đã xây dựng cho mình những quy tắc, cách thức ứng xử hài hòa giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên và các quy luật khác quan. Điều này đã làm nên nhiều tập quán tốt đẹp trong truyền thống và còn được lưu giữ, bảo tồn cho đến ngày hôm nay.

Tuy vậy, mọi sự vật hiện tượng trong thế giới tự nhiên và con người luôn vận động theo quy luật tồn tại khách quan và phong tục tập quán không phải là cái tĩnh tại bất biến. Tập quán gắn với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, nó sinh ra và tồn tại trong những điều kiện nhất định, phù hợp với một khoảng thời gian nhất định và nó sẽ biến đổi theo thời gian, theo điều kiện mới, có thể nhanh hay chậm còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan của lịch sử.

Hiện nay, với nhiều chính sách quan tâm của Đảng Nhà nước, kinh tế phát triển giúp cho theo đời sống của người dân được cải thiện, hệ thống điện-đường-

trường-trạm đã tạo điều kiện cho đồng bào có nhiều cơ hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, cũng như nhận thức của mình. Sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố mới như: kinh tế, giáo dục, y tế, kế hoạch hóa gia đình... đã tác động đến sự biến đổi về tập quán sinh hoạt và văn hóa truyền thống. Người dân từ việc trước đây chỉ sinh đẻ tại nhà thì nay phần lớn đã chủ động đến trạm y tế xã và Bệnh viện để sinh đẻ, cách chăm sóc con cái cũng có nhiều thay đổi với sự xuất hiện nhiều loại thức ăn phong phú, đa dạng hơn, có nhiều chất dinh dưỡng hơn; nhiều phong tục kiêng khem lạc hậu đã dần bị loại bỏ trong xã hội hiện đại; nhiều nghi lễ cúng bái rườm rà cũng được đơn giản hóa, tiết kiệm hơn. Sự tồn tại giữa yếu tố truyền thống và yếu tố mới là sự tồn tại đan xen và song song, gìn giữ cái tốt đẹp trong truyền thống và tiếp thu cái tiến bộ mới. Như vậy có thể nhận định rằng phong tục tập quán sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Hmông Hoa xã Lùng Phình vẫn mang hai yếu tố này.

Có thể nói rằng, trong nhiều năm qua, công tác tuyên truyền về DS-KHHGD đã góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng nếp sống văn hóa mới, gia đình văn hóa, KHHGD... là yếu tố quan trọng nâng cao nhận thức của người dân trong sinh đẻ, những tập quán không phù hợp trái với khoa học về chăm sóc sức khỏe, cung cấp dinh dưỡng cho sản phụ và thai nhi, trẻ sơ sinh dần được hạn chế, thay vào đó là những quan niệm và thực hành mới về sinh con, con trai-con gái... Những đổi mới nay đang từng bước góp phần làm cho đời sống của người Hmông Hoa xã Lùng Phình ngày một chuyển biến, phù hợp với tiêu chí xây dựng nếp sống văn hóa mới hiện nay mà Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (2006), *Tập quán trong sinh đẻ, chăm sóc và nuôi dạy con cái của dân tộc Nùng qua khảo sát tại xã Bản Mế, huyện SiMaCai, tỉnh Lào Cai*, Kỷ yếu hội nghị thông Báo dân tộc năm 2005, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Khổng Kim Anh (2002), *Kiên cữ và nghi lễ liên quan đến ngôi nhà của người Mông (trường hợp ở hai xã Hang Kia và Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình*, Tạp chí Dân tộc học, số 2.
3. Duệ Anh (1991), *Lược thảo về các trang phục truyền thống của các dân tộc Việt Nam*, *Dân tộc học*, tr. 59-66.
4. Ban Dân tộc Trung ương(1992), *Dân tộc Mông*, Nxb. Chính trị Quốc gia
5. Hoàng Bé (1994), *Tín ngưỡng của người Mông ở Sơn La*, Báo cáo tư liệu, Thư viện Viện Dân tộc học.
6. Nguyễn Trung Bình (2001), *Thiết chế dòng họ người Mông tại xã Bản Phố, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học KHXH & NV Hà Nội.
7. Trần Văn Bính (2004), *Văn hóa lai dân tộc Tây Bắc*, Nxb. CTQG.
8. Nguyễn Duy Bính (2005), *Dân tộc Miêu (Hmông ở Trung Quốc)*, *Dân tộc Học*, (5), tr.56-66
9. Việt Bằng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung (1974), *Người Pà Thên và mối quan hệ giữa người Mèo, người Dao*, *Dân tộc học*, tr. 10-23.
10. Nguyễn Văn Chính, (1971), *Từ điển Mèo – Việt*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
11. Phan Hữu Dật (chủ biên, 2001), *Máy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay* (sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Khổng Diễn (chủ biên), (1998), *Dân số - Kế hoạch hoá gia đình người Mông ở Hoà Bình*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Đăng Duy (2004), *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc

14. Hoàng Thùy Dương (2015), *Tập quán sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Nùng Cháo ở xã Xuân Mai, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn*, luận văn thạc sỹ Dân tộc học.
15. Bé Việt Đăng (1984), *Dân tộc Mèo trong Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam(các tỉnh miền núi phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Hồ Ly Giang (2000), *Tập quán ăn uống của người Mông ở hai xã Hang Kia, Pà Cò huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình*, Tạp chí Dân tộc học, số 1.
17. Guy Morechand (1955), *Những đặc điểm chủ yếu của thuật saman của người mèo trắng ở Đông Dương*, bản dịch tư liệu, Lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
18. Guy Morechand (1968), *Thuật Sa man của người Mông*, Bản dịch tư liệu, Lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
19. Guy lee, Nick Tapp (2002), *Các vấn đề về dân tộc Mông hiện nay*, Tạp chí Dân tộc học, số 4, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Song Hà (2005), *Tập tục trong sinh đẻ của người Mường, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình*, Tạp chí Dân tộc, số 1
21. Nguyễn Thị Song Hà (2001), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Song Hà – Hồ Xuân Định (2014), *Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Hmông*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 2, Hà Nội.
23. Trần Thu Hiếu (2013), *Tập quán và sinh đẻ của người Việt ở thôn Tân Hội, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, Hà Nội*, luận văn thạc sỹ Dân tộc học.
24. Diệp Đình Hoa (1998), *Dân tộc Mông và thế giới thực vật*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
25. Phạm Quang Hoan (1994), *Vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống trong việc quản lý nguồn tài nguyên cộng đồng người Hmông*, Tạp chí Dân tộc học, số 2
26. Phạm Quang Hoan (1995), *Một số nghi lễ liên quan đến dòng họ của người Hmông huyện Kỳ Sơn, Nghệ An*, Tạp chí Dân tộc học, số 3.

27. Phạm Quang Hoan (1997), *Một số thách thức đối với việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình đối với vùng dân tộc Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 2, Hà Nội
28. Phạm Quang Hoan (2000), *Một số nghi lễ phản ánh bản sắc và tính cố kết dòng họ của người Mông*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 6.
29. Phạm Quang Hoan (2001), *Lễ cưới của người Mông trắng huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang*, Tạp chí Dân tộc học, số 6.
30. Nguyễn Văn Huy (2001), *Bức tranh văn hóa dân tộc Việt Nam*, Nxb. GD.
31. Lê Quốc Hồng (1997), *Các thiết chế xã hội người Mông và ảnh hưởng của nó trong việc phát triển kinh tế - xã hội*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học KHXH & NV Hà Nội.
32. Vũ Quốc Khánh (2005), *Người Hmông ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn Hà Nội.
33. Minh Khương (2007), *Tác phẩm sưu tầm, dịch, nghiên cứu văn hóa Mông*, Nxb văn học nghệ thuật tỉnh Yên Bái
34. Nguyễn Thị Quế Loan (2006), *Tập quán chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh trong ăn uống của người Sán Dìu ở Thái Nguyên*, Tạp chí Dân tộc học, số 5, Hà Nội.
35. *Luật Hôn nhân và gia đình* (2000), Nxb, Chính trị Quốc Gia, Hà Nội
36. Nguyễn Văn Minh (1997), *Một vài tập tục ảnh hưởng đến sức khỏe bà mẹ trẻ em của người Ve (Giẻ Triêng)*, Tạp chí Dân tộc học, số 2, Hà Nội
37. Vũ Phương Nga (2001), *Phong tục tập quán về sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Thái ở xã Xuân Lệ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa*, luận văn tốt nghiệp cử nhân chuyên Ngành Dân tộc học, thư viện Viện Dân tộc học.
38. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2000), *Tập quán sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ của người Dao Quần ở xã Định Quả, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ*, khóa luận văn tốt nghiệp ngành Dân tộc học, lưu tại thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
39. Nguyễn Thị Bích Ngọc, *“Hôn nhân của người Hmông Hoa ở xã Púng Luông, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái”*, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học.
40. Hoàng Xuân Lương (2000), *Văn hoá người Mông ở Nghệ An*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

41. Vương Duy Quang (1980), *Quan hệ dòng họ của người Mông Hoa xã Kim Nội, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Hoàng Liên Sơn*, Luận văn tốt nghiệp Chuyên ngành Dân tộc học, khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội, Thư viện khoa Lịch sử, Đại học KHXH & NV Hà Nội.
42. Vương Duy Quang (1982), *Về kinh tế nương rẫy của người Mông Hoa xã Thượng Tân, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên*, Luận văn tập sự chuyên ngành Dân tộc học, Viện Dân tộc học, Phòng tư liệu - Thư viện Viện Dân tộc học.
43. Vương Duy Quang (1987), *Quan hệ dòng họ trong xã hội người Mông*. Tạp chí Dân tộc học số 2.
44. Vương Duy Quang, (2003), *Tạp chí Dân tộc số 2 (1222)*.
45. Vương Duy Quang (1994), *Dòng họ - một đặc thù của xã hội người Mông*, Tạp chí Dân tộc và thời đại, số 2.
46. Vương Duy Quang (1998), *Nghi lễ thờ cúng tổ tiên và một số vị thần trong tôn giáo tín ngưỡng ở người Mông ở Việt Nam*, Phòng tư liệu - Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
47. Vương Duy Quang (1999), *Quan hệ xã hội truyền thống của người Mông với vấn đề bảo vệ và phát triển rừng ở vùng núi cao Bắc Việt Nam*. Trong cuốn: *Tuyển tập báo cáo khoa học tại Hội nghị môi trường toàn quốc năm 1998*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
48. Ngô Thị Thanh Quý (2012), *Khả năng thích ứng với môi trường tự nhiên của người Hmông qua câu hát dân ca*, Nxb Dân tộc và thời đại, Hà Nội.
49. Thào Seo Sinh - Phan Xuân Thành - Phan Thanh (1999), *Từ điển Việt - Mông*, Nxb Giáo dục.
50. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hoá Mông*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
51. Thào Xuân Sùng (2010), *Dân tộc Mông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
52. Lâm Tâm (1961), *Lịch sử di cư và tên gọi của người Mèo*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 30.

53. Lâm Tâm (1972), *Một điều tra về người Mèo*, Tạp chí Vietnamese Studies, Hà Nội.
54. Doãn Thanh (1967), *Dân ca Mèo*. NXB Văn học.
55. Nguyễn Ngọc Thanh (2000), *Làng của người Mông ở Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 1.
56. Nguyễn Ngọc Thanh (2002), *Những quy ước của người Mông*, Tạp chí Dân tộc học, số 6.
57. Nguyễn Ngọc Thanh, Hồ Ly Giang (2008), *Thiết chế xã hội và vai trò của những người có uy tín ở người Mông tỉnh Sơn La*, Đề tài cấp Viện, Viện Dân tộc học.
58. Lê Ngọc Thắng, Lâm Bá Nam (1990), *Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn Hóa, Hà Nội.
59. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh
60. Đặng Thu (1996), *Một số vấn đề dân số Việt Nam*, Nxb khoa học xã hội
61. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh
62. Trần Thu Thủy (2005), *Trang phục của người Hmông Hoa, tỉnh Yên Bái*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học.
63. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
64. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà nội
65. Đặng Thu (1996), *Một số vấn đề dân số Việt Nam*, Nxb khoa học xã hội
66. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (1995) *Gia đình và địa vị người phụ nữ trong xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
67. Trung tâm từ điển học (2007), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Đà Nẵng
68. Trường Lưu - Hùng Đình Quý (1996), *Văn hoá dân tộc Mông Hà Giang*, Sở Văn hoá thông tin Hà Giang.

69. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện phổ cập giáo dục xóa mù chữ giai đoạn 2011 - 2015*, số 110/BC-UBND, ngày 25/12/2015
70. Ủy ban nhân dân xã Lùng Phình (2016), *Báo cáo thống kê giáo dục bậc mầm non và giáo dục bậc tiểu học tại xã Lùng Phình*, tính đến thời điểm tháng 5/2016 số 89/UBND ngày 20/5/2016
71. Đặng Nghiêm Vạn (1980), *Vấn đề xung vua và truyền đạo Thiên chúa ở vùng đồng bào Mông*, Tạp chí Khoa học Công an số 10.
72. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc Văn hóa Tôn giáo*. Nxb KHXH, Hà Nội.
73. Cư Hoà Vần – Hoàng Nam (1994), *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, HN.
74. Viện Dân tộc học (1987), *Các dân tộc ít người Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội.
75. Viện Dân tộc, Ủy Ban Dân tộc, (2010), *“Nghiên cứu, tổng kết thực hiện Chỉ thị 45CT/TW về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Mông”*
76. Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc (2009), *“Vấn đề dân tộc và công tác dân tộc sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX”*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
77. Nguyễn Thị Hải Yến (1991), *Tìm hiểu phong tục tập quán trong sinh đẻ và nuôi dạy con cái của người Thái Đen, Mường La, Sơn La*, luận văn tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Dân tộc học, phòng tư liệu lịch sử trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI HMÔNG CUNG CẤP TƯ LIỆU

STT	Họ và tên	Giới tính	Tuổi tính đến (2016)	Nơi ở		Nghề nghiệp
				Thôn	Xã	
1	Giàng Seo Giả	Nam	68	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	CB xã (Huru)
2	Giàng Seo Châu	Nam	53	Sín Chải	Lùng Phình	Làm ruộng
3	Giàng Seo Chư	Nam	55	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Làm ruộng
4	Hàng Seo Chu	Nam	60	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Làm ruộng
5	Ly Seo Pao	Nam	68	Quán Hóa	Lùng Phình	Làm ruộng
6	Giàng Thị Cá	Nữ	64	Quán Hóa	Lùng Phình	CB (Huru)
7	Hàng Thị Vế	Nữ	30	Sín Chải	Lùng Phình	Làm ruộng
8	Thào Seo Nhà	Nam	56	Sín Chải	Lùng Phình	CB (Huru)
9	Sùng Seo Lặng	Nam	28	Sín Chải	Lùng Phình	Làm ruộng
10	Giàng Seo Lầu	Nam	32	Sín Chải	Lùng Phình	Làm ruộng
11	Ma Seo Diu	Nam	30	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Chủ tịch xã
12	Tản Seo Lừ	Nam	40	Lùng Phình	Lùng Phình	Phó CT xã
13	Ma Seo Vân	Nam	28	Túng Súng	Lùng Phình	Làm ruộng
14	Giàng Thị Vế	Nữ	25	Sín Chải	Lùng Phình	Giáo viên
15	Hàng Thị Xâu	Nữ	20	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Làm ruộng
16	Giàng Thị Chấn	Nữ	54	Lùng Phình	Lùng Phình	Y tá

17	Trần Văn Quý	Nam	45	Lùng Phình	Lùng Phình	Bác sĩ
18	Nguyễn Thị Vân	Nữ	35	Lùng Phình	Lùng Phình	Y sĩ sản khoa
19	Ly Seo Tráng	Nam	58	Bản phố2	Bản Phố	Làm ruộng
20	Ly Seo Hồ	Nam	73	Bản phố 2	Bản Phố	Làm ruộng
21	Vàng Seo Vàng	Nam	48	Sín Chéng	SiMaiCai	Cán bộ huyện
22	Liêu Thị Xá	Nữ	57	Sín Chải	Lùng Phình	Làm ruộng
23	Ly Seo Phử	Nam	30	Lùng Phình	Lùng Phình	Y tá
24	Ma Seo Phù	Nam	20	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Làm ruộng
25	Hàng Thị Dí	Nữ	40	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Làm ruộng
26	Ma Thị Váng	Nữ	65	Túng Súng	Lùng Phình	Làm ruộng
27	Thào Thị Dở	Nữ	25	Quán Hóa	Lùng Phình	Cán bộ xã
28	Thào Thị Mai	Nữ	30	Sín Chải	Lùng Phình	Cán bộ xã
29	Sùng Thị Trà	Nữ	45	Lùng Phình	Lùng Phình	Làm ruộng
30	Hàng Thị Dế	Nữ	60	Sín Chải	Lùng Phình	Làm ruộng
31	Giàng Thị Pằng	Nữ	23	Ngã Ba	Mản Thẩn	Làm ruộng

PHỤ LỤC 2: MỘT SỐ TỪ TIẾNG HÔNG LIÊN QUAN LUẬN VĂN

(Phiên âm sang tiếng Hông do ông Ma Seo Diu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã
Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai dịch)

STT	Tiếng Việt	Tiếng Hông
A	CÁC TỪ LIÊN QUAN ĐẾN SINH ĐẼ	
1	Mang thai	Haik nhuôs
2	Chửa hoang	Haik nhuôs txâu
3	Đến tháng	Txus hli
4	Đau đẻ	Maoz zus
5	Buồng đẻ	Qou zus
6	Đỡ đẻ	Txaik zus
7	Người Phụ nữ đẻ	Lênhx pux zus
8	Sinh đẻ	Xênhz zus
9	Đẻ năm	Zus puk
10	Đẻ ngồi	Zus jâu
11	Đẻ rơi	Zus pôngz
12	Cúng khó đẻ	Uô nênhz langx zus
13	Không đẻ được	Zus tsi lul
14	Con ra ngược	Nhuôs lul qaor
15	Nhau thai	Yaok nhuôs
16	Que nửa	Taos shôngz
17	Cắt rốn	Lais ntâuk ntir
18	Nước thuốc	Đêx yuôx
19	Nồi nước nấu thuốc	Lâu x câuz râu x yuôx
20	Tắm nước thuốc	Đang đêx yuôx
21	Chọn ngày	Sair hnungz
22	Chôn nhau thai	Phâu yaok nhuôs
23	Ổ cũ	Nhaoz đruôz hli

24	Hơ mình	Cxaz chêr
25	Bé con	Puôz nhuôz
26	Nâng con	Kruôz nhuôz
27	Ru con	Xur nhuôz
28	Hát ru	Huk xur
29	Con khóc	Nhuôz kruôx
30	Con quấy	Nhuôz yaor
31	Đỗ con	Huz nhuôz
32	Đỗ con ngủ	Huz nhuôz puk
33	Trẻ con cười	Nhuôz luôz
34	Thừa sữa	Sênhv cuô mis
35	Xin sữa	Thaor cuô mis
36	Cho bú	Puz mis
37	Trẻ con bú	Nhuôz naox mis
38	Hôn	Plis
39	Cúng Hôn	Huk Plis
40	Đặt tên	Tik bê
41	Tên	Bê
42	Họ	Xênhv
B	CÁC TỪ CHỈ QUAN HỆ GIA ĐÌNH	
1	Ông nội	Zourv côngz
2	Bà Nội	Pus côngz
3	Ông ngoại	Zourv tai
4	Bà ngoại	Pus tai
5	Bác trai	Lâul tuz
6	Bác gái	Lâul nxaik
7	Bố	Txair (txir)
8	Mẹ	Nav

9	Cô	Pux nhangx
10	Thím	Nav Njourv
11	Chú	Txir njourv
12	Dì	Nav hluôs
13	Cậu	Txir đàngz
14	Mợ	Nav đàngz
15	Vợ	Pux
16	Chồng	Zous
17	Con	Nhuôs
18	Con gái	Nhuôs tuz
19	Con trai	Nhuôs nxaik
20	Con cả	Nhuôs hluz
21	Con thứ 2	Nhuôs aoz
22	Con thứ 3	Nhuôs pêz
23	Con thứ 4	Nhuôs plâuz
24	Anh	Tix
25	Chị	Muôv
26	Cháu	Xênhz
27	Đàn ông	Pux
28	Đàn bà	Zous
C	CÁC TỪ CHỈ CÁC BỘ PHẬN CƠ THỂ CON NGƯỜI	
1	Đầu	Hâu
2	Mắt	Muôs
3	Mũi	Njurs
4	Tai	Njêx
5	Má	Plu
6	Miệng	Ndâu
7	Tóc	Plâuz hau

8	Râu	Phurx txir
9	Răng	Hnar
10	Lông mày	Plâuz muôs
11	Lông my	Plâuz muôs
12	Lưỡi	blais
13	Môi	Tor ndâux
14	Lợi	Lais
15	Cổ	Chăngx đangz
16	Vai	Suz pus
17	Gáy	Kraor kuz
18	Bàn tay	Xuz têt
19	Cánh tay	Cxai têt
20	Ngón tay	Ntir têt
21	Móng tay	Trâu têt
22	Đùi	Ndix buôz
23	Chân	Tour
24	Bàn chân	Xuz tour
25	Móng chân	Trâu tour
26	Ngón Chân	Ntir tour
27	Mông	Krao kuôr
28	Quả tim	Pluor
29	Ruột	Nhnur
30	Gan	Saz
31	Phổi	Njuk
32	Thận	Trâuv
33	Máu	Nyangr
34	Xương	Cxăng
35	Bụng	Plagz

36	Lưng	Đuôr
37	Ngực	Chêr
38	Rón	Ntâuz ntir
D	CÁC TỪ CHỈ CON VẬT	
1	Con gà	Tul kaz
2	Con vịt	Uk đêx
3	Con ngan	Uk Kruôr
4	Con chó	Tul đêr
5	Con lợn	Tul buô
6	Con cá	Tul Njêl
7	Con chim	Tul nôngs
8	Con mèo	Tul mir
9	Con chuột	Tul nangl
10	Con kiến	Tul Njâuv
11	Con đom đóm	Cangz muôs nyaik
12	Con chuồn chuồn	Canz Tul
13	Con dê	Tul yik
14	Con trâu	Nhux tuv
15	Con bò	Nhux đangs
16	Con hổ	Tul tsur
17	Con lợn rừng	Tul buô têz
18	Con nai	Tul câur
19	Con cóc	Kangr cœur
20	Con nhái	Kangr
21	Con ếch	Kangr œur
22	Con lươn	Chêl nangz
23	Con rùa	Vuz kêz
24	Con ba ba	Chêl qông

25	Con muỗi	Zôngr tuv
26	Con ruồi	Zôngr
27	Con vắt	Blax haz
28	Con đĩa	Blax Haz dês
29	Con tôm	Tul shuôx
30	Con cua	Tul trâuz tri
31	Con ốc	Kux
E	CÁC TỪ CHỈ CÂY, RAU, HOA, QUẢ	
1	Cây mây	Cangr thênhx
2	Cây mai	Shôngx lôngx txur
3	Cây tre	Shôngz pux txur
4	Cây nứa	Shôngz kangz
5	Cây vầu	Shông az
6	Rau rón	Jâuz suôz
7	Rau má	Jâuz vux dês
8	Lá chua	Plôngx kâuz
9	Lá lốt	Jâuz trâu njêl
10	Lá bí	Plôngx tâuz
11	Quả vải	Txir luv tsiz
12	Quả chuối	Txir txourz
13	Quả sung	Txix sôngx
14	Quả cà	Luz lưl
15	Củ xá	Tâux
16	Củ riềng	Krar laz
17	Củ gừng	Krar
18	Củ nghệ	Krar đăngx
19	Củ tỏi	Kêx
20	Củ hành	Đaol

21	Củ khoai	Kaok laz
22	Củ mài	Kaok siv lênhx
F	CÁC TỪ VỀ TỰ NHIÊN	
1	Trời	Ntux
2	Đất	Angr (Têz)
3	Mặt trời	Hnungz
4	Mặt trời mọc	Hnungz tuôx
5	Mặt trời lặn	Hnungz sâu
6	Mặt trăng	Hli
7	Sao	Hnungz kuz
8	Sông	Nav đêx
9	Suối	Mir đêx
10	Núi	Trôngz
11	Rừng	Jôngr
12	Mây	Phuôz
13	Gió	Chuô
14	Bão	Nav chuô
15	Lũ	Đêx hlus
16	Lụt	Đêx cuôr
17	Sáng	Puv cêr
18	Tối	Txâuuk ntux
19	Chiều	Tangr chêx hmao
20	Gần sáng	Shangr puv cêr
21	Giữa trưa	Tsênhv su
22	Đêm	Hmao
G	CÁC TỪ CHỈ NHÀ CỬA, ĐỒ VẬT	
1	Nhà	Tsêr
2	Cột nhà	Chês tru

3	Mái nhà	Phǎngz tsêr
4	Vách nhà	Yangx tsêr
5	Bếp	Chuz
6	Gác bếp	Khang chuz
7	Tro bếp	Cxâur chuz
8	Bồ hóng	Krnhourz
9	Củi	Touł
10	Lửa	Lhuôr touł
11	khói	Pangx nqu
12	Nồi	Lâux câuz
13	Chảo	Zal
14	Đũa	Trours
15	Bát	Ntiv
16	Thìa	Mir đar
17	Muôi	Nav đar
18	Giường	Txǎngx
19	Chiếu	Lêr
20	Chăn	Qaox
21	Gối	Hâur ndông
22	Màn	Vêx txangv
23	Kim	Côngz
24	Vải	Ntâuz
25	Giấy	Ntour
H	MỘT SỐ TÍNH TỪ	
1	Ngon	Kǎngz
2	Đắng	Az
3	Cay	Njiv
4	Mặn	Đou

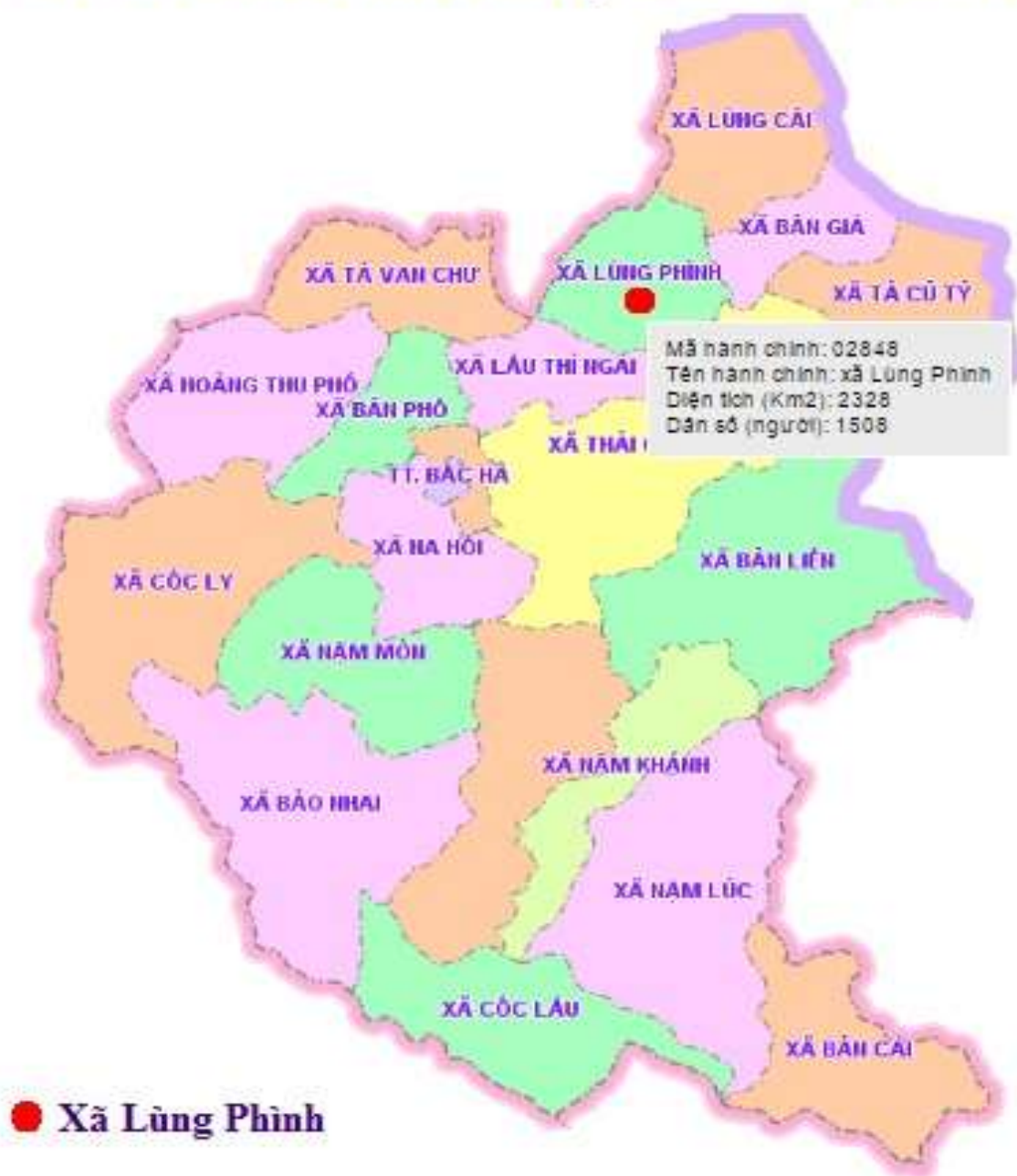
5	Ngọt	Kăngz jiz
6	Chát	Xêv
7	trơn	Bluô
8	Rét	Nao
9	ấm	Sur
10	Nóng	Cuz
11	Mát	Lengs
12	Béo	Măngz
13	Gầy	Nyâus
14	Cao	Saz
15	Thấp	Kêl
16	Tròn	Khoanhx
17	Méo	Zuôv
18	Vuông	Phăngz
19	Cong	Nkhâu
20	Thẳng	Ndăngx
21	Đẹp	Jông
22	Xấu	Fêv
23	Nhanh nhẹn	Sai trov
24	Lười	Tungz kênhs
25	Chăm	Gruô
26	Mệt	Txus sar
27	Khỏe	Muôx jus
28	Vui vẻ	Luô
29	Trắng	Đouz
30	Đen	Đuz
31	Đỏ	Laz
32	Xanh	Njuôz

33	Vàng	Đǎngx
34	Đen bóng	Đuz đǎngx
35	Đen xỉ	Đuz nxi
36	Trắng xóa	Đouz nhôngs
37	Vàng khè	Đǎngx thêv
38	Xanh ngắt	Njuôz jâuv
39	Đỏ chót	Laz tsênhv
I	MỘT SỐ ĐỘNG TỪ	
1	Yêu	Hluz
2	Ghét	Hanhv
3	Sợ	Nxai
4	Cười	Luôs
5	Khóc	Kuôx
6	Mếu	Shangr kuôk
7	Nhớ	Ndu
8	Nhớ nhé	Ndu cax
9	Quên	Hnaor kangz
10	Ăn cơm	Naox Maor
11	Uống nước	Hâuk đêx
12	Thêu	Uô lâus
13	Dệt	Uô ntâuz
14	Nhuộm	Tsâuk ntâuz
15	Se lạnh	Uô ntuôs
16	Trông lạnh	Chaos mangx
17	Mài dao	Hur tras
18	Cấy lúa	Chaos blêx
19	Gặt lúa	Lais blêx
20	Gánh nước	Cur đêx

21	Nấu cơm nhão	Uô maor muôs
22	Ngủ	Purk
23	Thức	Tsi purk
24	Mua	Muôl
25	Bán	Muôs
26	Nói	Hak
27	Hát	Huk gâux
28	Đi	Môngl
29	Bước	Truk
30	Chạy	Đha
31	Viết	Cuôv
32	Đọc	Cxaoz
33	Học	Courv

PHỤ LỤC 3:

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN BẮC HÀ - LÀO CAI



Bản đồ xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

PHỤ LỤC 4: MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN VĂN

(ảnh của Lê Thị Thiềm chụp tháng 1 và tháng 4 năm 2016)



Ảnh 1: Nhà ở của người Hmông Hoa tại xã Lùng Phình



Ảnh 2: Bữa cơm gia đình của người Hmông Hoa, xã Lùng Phình



Ảnh 3: Lễ cúng đặt tên cho trẻ nhỏ người Hmông Hoa tại xã Lùng Phình



Ảnh 4-5: Phòng khám đa khoa xã Lũng Phình, Huyện Bắc Hà



Ảnh 6: Cho trẻ nhỏ đi khám bệnh tại Trung tâm y tế xã



Ảnh 7: Phòng bệnh nhân của Trung tâm y tế xã



Ảnh 8: Tủ đựng thuốc khám chữa bệnh



Ảnh 9: Bàn đẻ và khám phụ khoa



Ảnh 10: Thùng nước chín để rửa tay vô trùng



Ảnh 11: Máy hút nhớt và cân trẻ sơ sinh



Ảnh 12: Nồi hấp sấy



Ảnh 13: Phòng khám bệnh



Ảnh 14: Cán bộ y tế xã Lùng Phình



Ảnh 15: Trẻ nhỏ



Ảnh 16-17: Điểm tuyên truyền dân số kế hoạch hóa gia đình tại chợ Lùng Phình



Ảnh 18-19: Trường Mầm non xã Lùng Phình



Ảnh 20: Trường phổ thông dân tộc Bán trú tiểu học xã Lùng Phình



Ảnh 21: Trường phổ thông dân tộc Bán trú tiểu học xã Lùng Phình phân hiệu
Pá Chư Tỷ



Ảnh 22: Giờ học của trẻ nhỏ Trường mầm non xã Lùng Phình



Ảnh 23: Giờ vui chơi của trẻ nhỏ tại Trường mầm non xã Lùng Phình



Ảnh 24: Giao lưu Văn - Toán của Học sinh Trường tiểu học xã Lũng Phình



Ảnh 25: Trẻ nhỏ theo mẹ đến chợ



Ảnh 26: Một góc chợ Lũng Phình



Ảnh 27: Trao đổi với cán bộ Phụ nữ xã Lũng Phình về tập quán sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ



Ảnh 28: Trao đổi với Chủ tịch xã Lùng Bình về tập quán sinh đẻ và nuôi dạy trẻ nhỏ



Ảnh 29: Bữa ăn trưa của trẻ nhỏ tại Phân hiệu mầm non Pả Chư Tỷ, xã Lùng Bình